

Số: 2530/TB-PPC

Hải Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;
- Quý Cổ đông.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
- Mã chứng khoán: **PPC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Km28, QL18, Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Tỉnh
Hải Dương

- Điện thoại: 0220.3881126

Fax: 0220.3881338

- Người CBTT: Nguyễn Hoàng Hải - Người đại diện theo Pháp luật

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần
Nhiệt điện Phả Lại.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại
đường dẫn: <http://ppc.evn.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT (CBTT trên trang Web);
- Lưu: VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Hải

THƯ MỜI
Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (sau đây gọi tắt là Đại hội), cụ thể như sau:

1. Thời gian và địa điểm

- Đại hội khai mạc từ 8 giờ 30 phút, thứ Hai, ngày 10 tháng 6 năm 2024.
- Địa điểm: Tại Hội trường Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, Km 28 quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

2. Nội dung chương trình Đại hội dự kiến và các tài liệu liên quan

Được Công ty đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <http://ppc.evn.vn> (mục Quan hệ cổ đông → Thông báo khác).

3. Thủ tục tham dự Đại hội:

Cổ đông/đại diện cổ đông khi đến dự họp Đại hội vui lòng đem theo căn cước công dân hoặc hộ chiếu, giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có) theo mẫu đính kèm.

4. Đăng ký tham dự họp:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng xác nhận việc tham dự họp Đại hội theo mẫu gửi kèm và gửi về Ban tổ chức Đại hội trước 15 giờ 00 phút ngày 09/6/2024 theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Km 28 quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương;

Email: ppc.evngenco2@gmail.com

Điện thoại: (84) 0220 3881126

hoặc 0913521481 (gặp ông Nguyễn Gia Hùng - PTP. Hành chính LĐ)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- EVNGENCO2;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Các đơn vị trong Công ty;
- Lưu: VT, HCLĐ;



Mai Quốc Long

DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
(Ngày Đại hội: 10/6/2024)

TT	T.gian	Nội dung
1.	8:00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông
2.	8:30	Khai mạc Đại hội: - Chào cờ; - Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu; - Giới thiệu Đoàn chủ tọa Đại hội.
3.	8:35	Thông qua chương trình Đại hội;
4.	8:40	- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội; - Thông qua Quy định Thê lệ biểu quyết; - Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử HĐQT/BKS.
5.	8:50	Giới thiệu và xin ý kiến biểu quyết nhân sự: - Ban Thư ký Đại hội; - Ban Bầu cử và Kiểm phiếu.
6.	9:00	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.
7.	9:05	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch SXKD và đầu tư xây dựng năm 2024.
8.	9:20	Báo cáo tài chính năm 2023; Báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán viên độc lập.
9.	9:30	Báo cáo tình hình kiểm soát công ty năm 2023 của Ban kiểm soát; Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2024.
10.	9:40	Báo cáo của HĐQT về thực hiện nhiệm vụ quản trị công ty năm 2023
11.	9:50	Báo cáo phân phối lợi nhuận, mức cổ tức năm 2023 và dự kiến mức cổ tức năm 2024.
12.	9:55	Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT
13.	10:00	Báo cáo mức lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023; Đề xuất mức lương, thù lao năm 2024.
14.	10:05	Báo cáo dự thảo sửa đổi bổ sung: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.
15.	10:10	Tờ trình thông qua Phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy theo mô hình tái cơ cấu theo định hướng tách bạch công tác vận hành, công tác quản lý dự án đầu tư, công tác sửa chữa tại PPC
16.	10:15	Đại biểu tham luận, phát biểu ý kiến
17.	10:25	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung: 1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2023; 2. Thông qua kết quả SXKD năm 2023; kế hoạch SXKD và đầu tư xây dựng năm 2024; 3. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát; 4. Thông qua báo cáo của HĐQT; 5. Thông qua báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT; 6. Thông qua phân phối lợi nhuận, mức chia cổ tức năm 2023 và dự kiến mức cổ tức năm 2024;

TT	T.gian	Nội dung
		<p>7. Thông qua mức lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023; Dự kiến mức lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024;</p> <p>8. Thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;</p> <p>9. Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</p> <p>10. Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT công ty;</p> <p>11. Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của BKS Công ty;</p> <p>12. Phê chuẩn lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2024;</p> <p>13. Thông qua Phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy theo mô hình tái cơ cấu theo định hướng tách bạch công tác vận hành, công tác quản lý dự án đầu tư, công tác sửa chữa tại PPC;</p> <p>14. ĐHĐCĐ thông qua Kế hoạch SXKD năm 2024 của PPC, đồng thời giao HĐQT Công ty tổ chức triển khai thực hiện và quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua hoặc các vấn đề, nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD của năm 2025 và phải báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất”.</p>
18.	10:40	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
19.	10:45	- Miễn nhiệm thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS - Bầu bổ sung thành viên HĐQT
20.	10:55	Đại biểu tham luận, phát biểu ý kiến
21.	11:20	Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS
22.	11:25	Công bố dự thảo Nghị quyết Đại hội
23.	11:35	Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội
24.	11:45	Bế mạc, chào cờ

BAN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2024

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Tôi tên là: - Mã cổ đông:

Địa chỉ:.....

Số CCCD/hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Số cổ phần PPC sở hữu: CP, được uỷ quyền đại diện..... CP,
tổng cộng..... CP (bằng chữ
.....)

Tôi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được tổ chức vào ngày **10 tháng 6 năm 2024** tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại./.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

GHI CHÚ:

- Quý Cổ đông nếu có vấn đề chưa rõ hoặc có thắc mắc, kiến nghị xin gửi văn bản tới Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại hoặc liên hệ gặp:

Ông Nguyễn Gia Hùng - Phó TP Hành chính - LĐ - ĐT: 0913 521481

- Phiếu đăng ký tham dự Đại hội xin gửi về Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại trước 15h00 ngày 09 tháng 6 năm 2024 theo các hình thức:

+ Email: ppc.evngenco2@gmail.com

+ Gửi bưu điện theo địa chỉ dưới đây:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Km 28, quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng.....năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN
Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông CTCP Nhiệt điện Phả Lại

1. BÊN ỦY QUYỀN:

Họ và tên: - Mã cổ đông:
Số CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại: Email:
Số cổ phần PPC sở hữu: CP (Bằng chữ:
.....)

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên:
Số CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại: Email:

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên được ủy quyền được đại diện số cổ phần mà Bên ủy quyền hiện đang nắm giữ tại ngày đăng ký cuối cùng 28/3/2024 để tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 10/6/2024.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 10/6/2024.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN ỦY QUYỀN VÀ BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN.

Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho Bên ủy quyền.

Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành của pháp luật và Quy chế tổ chức Đại hội./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng.....năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN
Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

1. BÊN ỦY QUYỀN:

Tên Tổ chức: - Mã cổ đông:

Số ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ: Email:

Số cổ phần PPC sở hữu: CP (Bằng chữ:

.....)

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên:

Số CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên được ủy quyền được đại diện số cổ phần mà Bên ủy quyền hiện đang nắm giữ tại ngày đăng ký cuối cùng 28/3/2024 để tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 10/6/2024.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 10/6/2024.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN ỦY QUYỀN VÀ BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN.

Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho Bên ủy quyền.

Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành của pháp luật và Quy chế tổ chức Đại hội./.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐQT ngày 20/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.*

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
QUYẾT ĐỊNH:**

Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (sau đây gọi tắt là Đại hội).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông/Người được ủy quyền tham dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông/Người được ủy quyền tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc uỷ quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác tham dự Đại hội.

Điều 5. Các hình thức tham dự đại hội

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Người trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể gửi Phiếu đăng ký tham dự họp Đại hội đến Phòng Hành chính – LĐ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại trước ngày tổ chức Đại hội (gửi trực tiếp hay theo đường bưu điện hoặc Fax, email). Trường hợp người dự họp là người được ủy quyền phải gửi kèm theo giấy ủy quyền quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham gia dự Đại hội:

1. Cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được quyền tham dự, phát biểu trong Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tại Đại hội, cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo các giấy tờ sau:

- a. Giấy xác nhận tham dự họp;
- b. Giấy đăng ký kinh doanh (đối với cổ đông tổ chức) và chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước công dân hoặc chứng thực cá nhân còn hiệu lực hợp pháp khác;
- c. Giấy ủy quyền (nếu có). Đối với cổ đông tổ chức, đại biểu dự họp nếu không phải là người đại diện theo pháp luật phải có giấy ủy quyền. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự phải xuất trình thêm giấy ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Đăng ký dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ nêu tại khoản 2 Điều này cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, phiếu bầu cử, thẻ biểu quyết và phiếu Biểu quyết, trong đó có ghi mã cổ đông, họ và tên của cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện theo ủy quyền và có đóng dấu treo của công ty.

4. Cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp Đại hội;

5. Cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của

Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.

6. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh và giữ trật tự, trang phục đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.

7. Cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa. Những vấn đề đã được phát biểu và giải đáp thì không phát biểu lại tránh trùng lặp. Cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cũng có thể ghi nội dung câu hỏi vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký đại hội.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Công ty chỉ định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội; nhận giấy tờ cổ đông đến họp, phát tài liệu, thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, thực hiện các công tác tổ chức khác.

2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối phát tài liệu phục vụ Đại hội, thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Chủ tọa

1. Đoàn chủ tịch gồm Chủ tọa và một số thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội; Chủ tọa là Chủ tịch HĐQT Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

a. Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để cuộc họp Đại hội diễn ra có trật tự và bảo đảm Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Cử một hoặc một số người vào Ban thư ký Đại hội;

c. Đề nghị một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua;

d. Hướng dẫn việc thảo luận tại cuộc họp;

e. Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;

f. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên khác do Chủ tọa chỉ định.

2. Ban thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa như sau:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được cổ đông hoặc đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

b. Soạn thảo nghị quyết Đại hội và các quyết định về những vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

c. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu và các câu hỏi bằng văn bản của cổ đông.

d. Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và một số thành viên không phải là các ứng viên bầu vào thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng thẻ biểu quyết; thực hiện việc đếm số thẻ biểu quyết theo thứ tự từng loại: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;

b. Ghi nhận kết quả phiếu biểu quyết của các cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

c. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của đại hội;

d. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

e. Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

f. Tiến hành phát, thu, kiểm đếm phiếu bầu cử của các cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông theo đúng số cổ phần;

g. Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước đại hội;

i. Bàn giao biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Ban Thư ký đại hội;

j. Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội quyết định;

k. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

l. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG IV

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 11. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

Điều 12. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ lần lượt được nghe các báo cáo theo chương trình của Đại hội và thảo luận biểu quyết thông qua các báo cáo trên. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo Thẻ lệ biểu quyết.

2. Việc ứng cử và đề cử để bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

Điều 13. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội hoặc điền vào Phiếu thảo luận gửi cho Ban Thư ký Đại hội. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời lần lượt từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, không liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 05 (năm) phút/lần. Nếu quá thời lượng này, chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 14. Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết, trừ nội dung bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ được trình bày trong Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thông qua tại Đại hội.

2. Phương thức biểu quyết:

a. Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”: Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao, phương thức này được dùng để thông qua các nội dung khác trừ Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số thẻ biểu quyết tán thành, số thẻ biểu quyết không tán thành và số thẻ biểu quyết không có ý kiến, trường hợp cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được coi là không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ thẻ biểu quyết một lần.

b. Phương thức nộp “Phiếu biểu quyết”: mỗi cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát 01 (một) Phiếu biểu quyết trong đó có 03 (ba) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết. Đại biểu sẽ đánh dấu “X” vào ô mình chọn, sau đó ký và ghi rõ họ tên nộp vào thùng phiếu theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phương thức này được dùng để thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

a. Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu theo mẫu in sẵn do Đại hội phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định, có đóng dấu của Công ty và phải có chữ ký của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) hợp lệ khi đại biểu đánh dấu “X” chọn 01 (một) trong 03 (ba) ô biểu quyết: tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

b. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ.

- Phiếu không theo mẫu in sẵn do Đại hội phát ra, tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký của đại biểu tham dự, không có đóng dấu của Công ty, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

Điều 15. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 16. Nghị quyết, Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại

hội ghi vào biên bản của Đại hội. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp, được Ban Thư ký Đại hội lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Mọi vấn đề về tổ chức Đại hội, trì hoãn hay triệu tập lại đều được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

Điều 18. Chi phí cho việc đi lại, ăn nghỉ của các cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại do các cổ đông tự túc.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Quy chế này gồm 6 Chương 19 Điều, được Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký để thực hiện công tác chuẩn bị và tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại./.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Ban TC Đại hội;
- Lưu: VT, TCLĐ.



**Chủ tịch HĐQT
Mai Quốc Long**

QUY ĐỊNH
THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐQT ngày 20/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Nguyên tắc, thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được quy định với các nội dung cụ thể như sau:

I. Đối tượng có quyền biểu quyết:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông tính đến ngày đăng ký cuối cùng 28/03/2024) dưới đây gọi là “Đại biểu”.

II. Nguyên tắc biểu quyết:

- Đúng điều lệ, đúng luật và chính xác.
- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách bỏ phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Ban Bầu cử và Kiểm phiếu.
- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu do được ủy quyền.
- Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu Phiếu đó hợp lệ theo quy định.
- Cổ đông biểu quyết bằng **Phiếu biểu quyết** đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết). Cách thức biểu quyết được quy định cụ thể tại Mục III dưới đây. Kết quả biểu quyết được tính theo tỷ lệ % giữa tổng số cổ phần của các phiếu biểu quyết hợp lệ và tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp.
- Trường hợp biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Bầu cử và Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc Đại hội, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Biên bản và Nghị quyết Đại hội... và một số nội dung phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất sẽ được biểu quyết thông qua **Thẻ biểu quyết**. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: *Tán thành* hoặc

Không tán thành hoặc *Không có ý kiến*. Kết quả được lấy theo ý kiến đa số và sẽ được Chủ tọa công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

III. Cách thức biểu quyết:

1. Quy định chung

- Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông được tiến hành công khai, trực tiếp theo sự điều hành của Đoàn chủ tịch và chỉ sử dụng các **Phiếu biểu quyết** do Ban tổ chức Đại hội phát hành.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông (sau đây gọi tắt là cổ đông) tham dự Đại hội đồng cổ đông có quyền biểu quyết sẽ được phát phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được bỏ vào hòm Phiếu và được Ban Bầu cử và Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu.

- Thông tin in trên phiếu biểu quyết:

+ Mã cổ đông, họ và tên cổ đông, hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông.

+ Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu: Là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do cổ đông đại diện.

+ Nội dung biểu quyết.

+ Dấu treo của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

- Phân loại phiếu biểu quyết:

+ Phiếu biểu quyết hợp lệ: Là Phiếu in sẵn theo mẫu do Ban Tổ chức Đại hội phát, có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại; Phiếu không bị tách rời, không bị tẩy xóa, không bị sửa chữa và có đánh dấu biểu quyết theo đúng quy định trên Phiếu biểu quyết; Phải có chữ ký xác nhận của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

+ Phiếu biểu quyết không hợp lệ: Là phiếu biểu quyết không do Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác ... khi không được Chủ tọa yêu cầu; Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn, không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông; Phiếu biểu quyết không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 02 (hai) ý kiến trở lên đối với 01 (một) nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

2. Cách thức biểu quyết

- Nếu tán thành vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu X vào ô tán thành.

- Nếu không tán thành vấn đề yêu cầu biểu quyết thì cổ đông đánh dấu X vào ô không tán thành.

- Nếu không có ý kiến về vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu X vào ô không có ý kiến.

- Các vấn đề đưa ra biểu quyết, mỗi cổ đông chỉ sử dụng Phiếu biểu quyết mà trên Phiếu đã được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.

- Chọn một trong ba ý kiến biểu quyết: *Tán thành* hoặc *Không tán thành* hoặc *Không có ý kiến*.

3. Tổng hợp kết quả

Trưởng ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết cho Đại hội đối với từng vấn đề biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết phải được ghi vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Đoàn chủ tịch Đại hội sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

IV. Thông qua kết quả biểu quyết:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.
- Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
- Việc tổ chức lại hay giải thể Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

2. Các quyết định, nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và được quy định tại Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.

V. Kiến nghị

Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc, kiến nghị về kết quả biểu quyết, Đoàn chủ tịch Đại hội sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội./.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- BTC Đại hội;
- Lưu: VT, TCLD.



Chủ tịch HĐQT
Mai Quốc Long

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐQT ngày 20/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.*

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
QUYẾT ĐỊNH:**

Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
Những quy định chung**

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban Kiểm soát (BKS) tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng cho tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

1. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại hội được nhận một phiếu Bầu cử HĐQT/BKS, trên phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu bầu tương ứng được sử dụng để bầu cử.

2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban kiểm phiếu, Chủ tọa Đại hội.

CHƯƠNG II

Quy định về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng viên HĐQT:

Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

2. Điều kiện ứng cử, đề cử bổ sung vào HĐQT và số thành viên được bầu bổ sung vào HĐQT Công ty.

2.1. Ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng cử viên hoặc tự ứng cử bầu bổ sung thành viên vào Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2.2. Số lượng thành viên bầu bổ sung vào HĐQT là 02 người, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

Điều 4. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

2. Điều kiện ứng cử, đề cử bổ sung vào BKS và số thành viên được bầu bổ sung vào BKS Công ty.

2.1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 2.1 Điều 3 quy chế này.

2.2. Số lượng thành viên bầu bổ sung vào BKS : 01 người.

Điều 5. Hồ sơ đề cử, ứng cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của cổ đông, nhóm cổ đông bao gồm:

- Đơn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Biên bản họp nhóm cổ đông;
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu có dán ảnh);
- Bản sao công chứng các giấy tờ: CCCD hoặc các giấy tờ tương đương; hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú); Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

Người đề cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHCĐ về tính chính xác, trung thực nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Để tạo điều kiện cho Công ty trong việc kiểm tra tính hợp lệ của Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử và chuẩn bị phiếu bầu tại Đại hội chính thức, Ban tổ chức đề nghị cổ đông/nhóm cổ đông tham gia đề cử, ứng cử gửi Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về Công ty chậm nhất 16h00 ngày 30/05/2024.

CHƯƠNG III Quy định về bầu cử thành viên HĐQT, BKS

Điều 6. Phương thức bầu cử

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại phải được thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.

Việc bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 7. Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

a) Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt; có đóng dấu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

b) Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

c) Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được phát phiếu bầu cử. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào HĐQT/BKS, thông tin về cổ đông (mã cổ đông, tên cổ đông) và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

2. Cách ghi phiếu bầu

a. Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;

Mỗi đại biểu được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

Cách 1: Số phiếu bầu hết cho ứng cử viên bằng cách đánh dấu “X” vào cột “Số phiếu bầu”.

Cách 2: Ghi vào cột “Số phiếu bầu” số phiếu biểu quyết mà mình bầu cho ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trường hợp ghi sai (trong khi chưa bỏ phiếu), cử động hoặc người đại diện theo ủy quyền của cử động đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác (việc đổi phiếu này được tiến hành trước khi kết thúc bầu cử).

Điều 8. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu hợp lệ khi có đủ điều kiện sau đây:

- Phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra có đóng dấu của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại; không gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự;

- Phiếu bầu cho ứng viên trong danh sách đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cử động đó (bằng số cử động nhân với số thành viên được bầu);

2. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có dấu của Công ty. Phiếu bầu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu hoặc ghi thêm nội dung khác.

- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng bút chì;

- Phiếu bầu vượt phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết bầu cử đã bầu cho những ứng cử viên của cử động vượt quá tổng số phiếu biểu quyết bầu cử được bầu của cử động đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);

- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong hòm phiếu;

- Phiếu bầu không ghi số lượng phiếu biểu quyết bầu cho ít nhất một ứng cử viên;

- Không ký và ghi rõ họ tên trên phiếu bầu;

- Phiếu vi phạm các quy định tại quy chế này.

Điều 9. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu

1. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT/BKS;

2. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT/BKS, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên bầu HĐQT/BKS, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải đảm bảo bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm.

Điều 10. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi được Chủ tọa hoặc Trưởng Ban Kiểm phiếu tuyên bố và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

2. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát;

4. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại khu vực tổ chức Đại hội ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu;

5. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 11. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT/BKS, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

2. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT/BKS phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu.

3. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại lần 2 trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

4. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa chọn được người trúng cử thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc đề khuyết thành viên HĐQT/BKS và bầu trong kỳ họp Đại hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tổng số cổ đông tham gia dự họp;

b) Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;

- c) Số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống;
- d) Số và tỉ lệ phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào HĐQT/BKS;
- e) Danh sách thành viên HĐQT/BKS trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu biểu quyết bầu từ cao xuống thấp;
- f) Chữ ký của Thành viên Ban kiểm phiếu.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội. Các phiếu bầu cử được niêm phong, giao lại cho Ban tổ chức Đại hội.

Điều 13. Giải quyết khiếu nại

1. Các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử (nếu có) sẽ do Chủ tọa ĐHĐCĐ giải quyết.

2. Mỗi cổ đông đều có quyền chất vấn trước đại hội về các vấn đề có liên quan về công tác bầu cử nếu xét thấy có dấu hiệu vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định./.



**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- BTC Đại hội;
- Lưu: VT, HCLĐ.




Chủ tịch HĐQT
Mai Quốc Long

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty;

Căn cứ văn bản số 1221/EVNGENCO2-KH+KTSX+TH ngày 29/03/2024 của Tổng Công ty phát điện 2 về việc các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 của CTCP Nhiệt điện Phả Lại;

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và dự kiến Kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

I. Kết quả thực hiện SXKD năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh với KH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất		3.894,17	3.525,40	90,53
	DC1	Triệu kWh	557,82	663,71	118,98
	DC2	Triệu kWh	3.336,35	2.861,69	85,77
2	Sản lượng điện bán (EVN)		3.532,37	3.188,32	90,26
	DC1	Triệu kWh	496,30	560,67	112,97
	DC2	Triệu kWh	3.036,07	2.627,64	86,55
3	Tổng doanh thu	tỷ đồng	6.109,97	6.280,29	102,79
	Doanh thu từ sản xuất điện	tỷ đồng	5.840,34	5.795,98	99,24
	Doanh thu hoạt động tài chính	tỷ đồng	248,49	464,41	186,89
	Doanh thu hoạt động, sx khác	tỷ đồng	21,14	19,9	94,13
4	Tổng chi phí	tỷ đồng	5.682,36	5.897,90	103,79
	Chi phí từ sản xuất điện	tỷ đồng	5.676,34	5.894,15	103,84
	Chi phí hoạt động tài chính	tỷ đồng		-0,83	
	Chi phí hoạt động, sx khác	tỷ đồng	6,02	4,57	75,91
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	427,61	382,39	89,42
	Lợi nhuận từ sản xuất điện	tỷ đồng	164,00	-98,17	-59,86
	Lợi nhuận hoạt động tài chính	tỷ đồng	248,49	465,23	187,22
	Lợi nhuận hoạt động, sx khác	tỷ đồng	15,12	15,33	101,39

Ghi chú: Doanh thu thoái hoàn đã hạch toán hồi tố vào 2022, vì vậy số liệu kế hoạch và số liệu thực hiện không bao gồm doanh thu thoái hoàn.

1. Công tác vận hành và sản xuất

Ngay từ đầu năm, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng phương án vận hành sản xuất trên cơ sở củng cố tốt các tổ máy để đảm bảo hệ số khả dụng cao nhất và đảm bảo công suất phát tối đa khi hệ thống yêu cầu.

1.1. Tình trạng thiết bị

Thiết bị Dây chuyền 1: Các tổ máy đã đưa vào vận hành khai thác hơn 40 năm đã rất cũ và rất lạc hậu. Nhiều hệ thống thiết bị suy giảm hiệu suất, độ tin cậy như Các bộ quá nhiệt ống bị hay bị xì, bục; Các bộ hâm nước hay bị xì bục; Các máy nghiền than thân, cỗ thùng nghiền bị nứt do quá tuổi thọ thiết kế, kim loại bị mòn mỏi; Một số bơm cấp, bơm ngưng đã xuống cấp, thường xuyên hư hỏng, độ rung cao; Đặc biệt, hệ thống lọc bụi tĩnh điện do quá cũ, các cực phóng thường xuyên bị đứt, các cực lắng bị mọt gây hư hỏng gây chập trường gây ngắn mạch không thể vận hành nhiều ngày. Thiết bị Dây chuyền 1 luôn tiềm ẩn nguy cơ cao sự cố, mất phương thức.

Thiết bị Dây chuyền 2: Trải qua hơn 20 năm vận hành, các thiết bị đã xuống cấp, đã thay đổi công nghệ, phần mềm điều khiển..nhiều thiết bị chưa được đầu tư sửa chữa, nâng cấp kịp thời, một số chỉ tiêu chính đã vượt so với thiết kế dẫn đến vận hành, khai thác không đạt hiệu quả như kỳ vọng. Tổ máy S5 vận hành 8082 giờ trong năm 2023, đáp ứng được yêu cầu huy động của ĐĐQG. Tổ máy S6 bị sự cố từ ngày 16/3/2021 đến ngày 05/09/2023 Công ty đã đưa tổ máy S6 trở lại vận hành ổn định sau sự cố.

1.2. Công tác vận hành

Năm 2023, với tình trạng xuống cấp đồng loạt của các lọc bụi lò hơi làm ảnh hưởng xấu đến tính ổn định liên tục của các tổ máy DC1. Chính vì vậy Công ty luôn định hướng thực hiện phương án phát dưới sản lượng Qc, duy trì tối đa khả dụng các tổ máy dự phòng để đem lại doanh thu CfD đồng thời tận dụng khoảng thời gian dự phòng để củng cố thiết bị. Ngoài ra, việc vận hành ở phương thức không kinh tế (1 lò/1 máy) đã làm tăng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổ máy như tỷ lệ điện tự dùng, suất hao nhiệt.

Tổ máy S5 liên tục được duy trì bám lưới phát theo phương thức đáp ứng yêu cầu huy động từ cấp Điều độ, số giờ vận hành S5 đạt mức hơn 8000 giờ.

Trong năm 2023 với sự quyết liệt chỉ đạo, hỗ trợ giúp đỡ của Tổng Công ty Phát điện 2, của Hội đồng Quản trị, sự phối hợp của Ban Điều hành, sự chung tay của các đơn vị trong Công ty, các Nhà thầu và các cấp có thẩm quyền Tổ máy S6 sau thời gian dài khắc phục sự cố ngày 05/09/2023 đã hòa đồng bộ vào lưới điện Quốc gia, sau quá trình vận hành thương mại đã đạt công suất khả dụng 300MW, tổ máy S6 Vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả.

Việc đưa tổ máy S6 trở lại vận hành sau sự cố và đáp ứng khả dụng 300MW là sự nỗ lực lớn, thể hiện sự cố gắng khắc phục khó khăn trong năm 2023.

2. Doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Tổng Doanh năm 2023 đạt 6.280,28 tỷ đồng bằng 102,79 % so với kế hoạch năm 2023, bằng 112,91% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó Doanh thu sản xuất điện đạt 5.795,97 tỷ đồng bằng 99,24% so với kế hoạch năm, bằng 110,36% so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 464,41 tỷ đồng bằng 186,89% so với kế hoạch năm, bằng 157,29% so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu sản xuất khác và hoạt

động khác đạt 19,90 tỷ đồng bằng 94,15% kế hoạch năm, bằng 130,47% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng chi phí năm 2023 Chi phí là 5.897,89 tỷ đồng bằng 103,79% so với kế hoạch năm 2023, bằng 117,59% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó Chi phí sản xuất điện là 5.894,15 tỷ đồng bằng 103,95% so với kế hoạch năm, bằng 117,59% so với cùng kỳ năm 2022, chi phí tài chính và khác là -0,85 tỷ đồng, chi phí khác 4,57 tỷ đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 382,39 tỷ đồng, bằng 89,42% so với kế hoạch năm 2023 (427,61 tỷ đồng), bằng 69,98% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó lợi nhuận sản xuất điện -98,17 tỷ đồng giảm 45,22 tỷ đồng so với kế hoạch năm, giảm 337,54 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 465,23 tỷ đồng bằng 192,15% so với kế hoạch năm, bằng 158,98% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sản xuất khác và hoạt động khác là 15,33 tỷ đồng bằng 101,38% so với kế hoạch năm, bằng 106,11% so với cùng kỳ năm 2022.

- Nguyên nhân không đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra:

+ Về doanh thu

Thấp hơn kế hoạch: do sản lượng không đạt kế hoạch dẫn đến doanh thu không đạt kế hoạch.

Cao hơn so với cùng kỳ năm trước là do sản lượng cao hơn dẫn đến doanh thu cao hơn.

+ Về chi phí:

Cao hơn kế hoạch năm: Do suất tiêu hao than hai dây chuyền đều cao hơn kế hoạch năm, suất tiêu hao dầu cao hơn kế hoạch năm dẫn đến chi phí tăng so với kế hoạch. Trong năm 2023 ghi nhận thêm khoản chi phí sự cố máy 6 là 137 tỷ đồng. theo kế hoạch năm 2023 ghi nhận 19,4 tỷ đồng.

Cao hơn so với cùng kỳ năm trước là do sản lượng cao hơn dẫn đến chi phí nhiên liệu cao hơn. Trong năm 2023 ghi nhận thêm khoản chi phí sự cố máy 6 là 137 tỷ đồng, năm 2022 không có.

+Về lợi nhuận

Thấp hơn kế hoạch năm: Do doanh thu sản xuất điện thấp hơn nhiều so với kế hoạch năm.

Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước là do một số chi phí tăng cao: Chi phí sửa chữa lớn, chi phí phân bổ khấu phục sự cố máy 6.

3. Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn: Bao gồm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng. Đến ngày 31/12/2023 số dư tiền gửi là 100 tỷ đồng của 01 HĐ tiền gửi kỳ hạn 6 tháng. Năm 2023, tổng số tiền lãi từ các hợp đồng tiền gửi là: 11,02 tỷ đồng.

Khoản tiền cho GENCO2 huy động vốn là: 188,16 tỷ đồng (ngắn hạn). GENCO2 đã trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho PPC vào tháng 9 năm 2023. Và PPC nhận lãi từ khoản cho vay này là: 8,71 tỷ đồng.

Đầu tư dài hạn: Các khoản đầu tư dài hạn đến 31/12/2023 tổng giá trị đầu tư góp vốn vào các dự án điện là: 2.535,9 tỷ đồng. Trong năm 2023, PPC nhận được cổ tức của các khoản đầu tư dài hạn này là: 444,67 tỷ đồng.

Kế hoạch dòng tiền: Hàng tháng, hàng tuần Công ty cân đối và sử dụng nguồn tiền có hiệu quả đảm bảo vốn kịp thời, đầy đủ phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản tiền nhàn rỗi, PPC thực hiện mời các Tổ chức tín dụng gửi bản chào lãi suất và lựa chọn gửi tiền tại các Tổ chức tín dụng có uy tín và lãi suất cạnh tranh để tăng lợi nhuận cho công ty.

Mặt khác, năm 2023 là năm rất khó khăn cho PPC về nguồn tiền như: Ngoài việc chi trả tiền cổ tức, mua nhiên liệu, tiền lương, chi trả các nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị, dịch vụ, PPC phải chi trả chi phí sửa chữa tổ khác phục tổ máy S6, bù trừ khoản doanh thu thoái hoàn 221 tỷ đồng và tình hình tài chính Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) trong năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn, dẫn đến tiền điện thanh toán cho PPC luôn bị chậm trễ từ 1 đến 2 tháng ...vì vậy cuối tháng 11.2023, PPC đã phải thực hiện vay vốn ngắn hạn để trả nợ tiền than, và phát sinh chi phí vay là: 0,419 tỷ đồng.

4. Công tác sửa chữa lớn

Đối với Dây chuyền 1:

Công tác sửa chữa lớn tập trung thực hiện các giải pháp duy tu, sửa chữa đảm bảo độ tin cậy, tiếp tục duy trì khai thác có hiệu quả các tổ máy (Ống sinh hơi các lò, các máy nghiền than, các bộ khử bụi tĩnh điện, các bộ hâm bộ sấy không khí, ống quá nhiệt, thiết bị trạm phân phối 220 kV, trạm 110 kV,...).

Năm 2023 Công ty đã đại tu sửa chữa lớn được tổ máy S2 nhưng do hệ thống lọc bụi không được thay thế nên tổ máy S2 chưa đưa vào khả dụng. Công ty đã triển khai các gói thầu thay thế các lọc bụi lò hơi dây chuyền 1 hiện tại đã thay xong lọc bụi lò hơi 4A và 4B, 05 lò hơi còn lại sẽ triển khai dự kiến xong trước Quý II/2024. Kế hoạch của Công ty thực hiện sửa chữa lớn đại tu tổ máy S3, S4 tuy nhiên do các yếu tố khách quan đem lại và do cân đối chi phí sản xuất kinh doanh nên đã chuyển Đại tu tổ máy S3, S4 sang năm 2024.

Với tình trạng thiết bị của Dây chuyền 1 để đáp ứng yêu cầu của hệ thống điện trong thời gian tới cần sớm củng cố, thay thế hệ thống lọc bụi tĩnh điện, hệ ống quá nhiệt, bộ sấy không khí, bộ hâm nước, thùng nghiền than.

Đối với Dây chuyền 2:

Công tác sửa chữa lớn tập trung hoàn thành sửa chữa sự cố tổ máy S6; Nâng cao độ tin cậy, khả dụng các tổ máy S5 đảm bảo từng bước cải thiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng/xuống cấp (tấm chèn bộ sấy không khí, điều khiển các hệ thống BOP, hệ thống rơ le bảo vệ trạm 220kV, bộ điều áp dưới tải (OLTC), hệ thống tự dừng 1 chiều khối; máy phát điện số 5, 6).

Năm 2023 công tác sửa chữa Dây chuyền 2 đạt được thành công lớn khi tổ máy S6 sau sửa chữa các thông số trong giới hạn cho phép của nhà sản xuất đặc biệt với sự cố gắng nỗ lực rất lớn của Công ty và các nhà thầu tổ máy S6 sau nhiều năm đã đạt được khả dụng công suất định mức 300MW mang lại lợi ích lớn cho PPC.

5. Công tác thị trường điện

Năm 2023, công tác vận hành thị trường điện gặp nhiều khó khăn thách thức trong chiến lược chào giá thị trường: Dây chuyền 1 khả dụng thấp, thường xuyên xảy ra sự cố do tình trạng lọc bụi sửa chữa kéo dài làm mất cơ hội nhận doanh thu CfD khi máy ngừng sự cố và sửa chữa kéo dài; Dây chuyền 2 Tổ máy S6 sửa chữa đến

04/9/2023 mới đưa vào khai thác (*kế hoạch ban đầu là 01/5/2023*), các tháng đầu năm khai thác hiệu quả tổ máy S5 với phương án Điều độ Quốc gia lập kế hoạch vận hành theo từng tháng.

Khắc phục những khó khăn, vận dụng sáng tạo trong công việc, công tác chào giá đáp ứng đúng quy định của thị trường. Các công việc trực tiếp đến công tác thị trường điện đều thực hiện đúng theo các văn bản pháp quy. Đúng quy trình, quy định.

Chiến lược chào giá hợp lý, phù hợp với tình trạng thiết bị với chiến lược chào giá tối ưu. Hiệu quả mang lại: Giá bán điện bình quân PL1 cao hơn giá Pc bình quân. Giá bán điện bình quân PL1 đạt 2.286,83 đồng/kWh (Pc bình quân là 2.088,83 đồng/kWh); Giá bán điện bình quân PL2 cao hơn giá Pc biến đổi. Giá bán điện bình quân PL2 đạt 1.746,04 đồng/kWh (Pc biến đổi bình quân là 1.408,76 đồng/kWh).

Các công việc trực tiếp đến công tác thị trường điện, Công ty đều thực hiện đúng theo các văn bản pháp quy, các quy trình, quy định của Thị trường điện.

Các công việc liên quan khác: Công tác phân bổ xác nhận sản lượng hợp đồng Qc hàng tháng của đơn vị sau khi ĐĐQG công bố định kỳ hàng tháng trên trang web thị trường điện theo thỏa thuận sản lượng Qc với EPTC, phối hợp với các đơn vị xử lý các điểm đo đếm điện năng tồn tại sai lệch do TU/TI sai số điện áp pha.

6. Công tác hành chính lao động

Tổng số lao động tính đến hết 31/12/2023 tại PPC là 731 lao động (Trong đó bao gồm 05 lao động thử việc, 13 lao động HĐ xác định thời hạn, không bao gồm 01 TBKS, 04 cán bộ đảng, đoàn chuyên trách)

Căn cứ tình hình SXKD thực tế, Công ty đã thực hiện việc phân phối tiền lương và thu nhập cho NLĐ phù hợp và có sự điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo ổn định tiền lương cho NLĐ trong điều kiện SXKD năm 2023 còn gặp nhiều khó khăn. Tiền lương bình quân năm 2023 của NLĐ ước đạt 27,29 triệu đồng/người/tháng.

Công tác giải quyết chế độ chính sách cho NLĐ (bảo hiểm, trợ cấp thôi việc, hưu trí, ốm đau, thai sản...) tiếp tục được thực hiện đúng các quy định theo pháp luật lao động và thỏa ước LĐTT của Công ty. Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành thủ tục giải quyết cho 44 LĐ nghỉ chế độ hưu trí, 03 LĐ nữ nghỉ chế độ thai sản và hàng chục lượt NLĐ nghỉ chế độ ốm đau, dưỡng sức phục hồi sức khỏe.

Về kiện toàn mô hình tổ chức đã Hoàn thành việc sáp nhập 03 đơn vị: Văn phòng, phòng Bảo vệ - Cứu hỏa và phòng Tổ chức - Lao động thành phòng Hành chính - Lao động.

Năm 2023 đã tiến hành thủ tục bầu thay thế 1 thành viên HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách; bổ nhiệm mới 4 cán bộ; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho 5 cán bộ, giao nhiệm vụ phụ trách cho 2 cán bộ. Đồng thời, tổ chức các hội nghị lấy ý kiến bố trí Người đại diện theo yêu cầu của EVNGENCO2. Đã thực hiện việc điều động, bổ nhiệm 02 cán bộ từ phòng Kỹ thuật và phòng TCLĐ đến phân xưởng Vận hành 1. Bổ nhiệm mới 04 cán bộ lãnh đạo đối với phòng Hành chính – Lao động.

Về tuyển dụng: Hoàn thành công tác tuyển dụng do Tổng Công ty giao, Công ty tuyển dụng đủ chỉ tiêu được giao (30/30).

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Dự báo trong năm 2024, Công ty nhận định một số yếu tố thuận lợi cũng như khó khăn, thách thức có thể ảnh hưởng đến việc đảm bảo cung ứng điện và hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

❖ Thuận lợi:

Tổ máy S6 cơ bản sửa chữa hoàn thiện và đưa vào khai thác, tăng cơ hội tham gia thị trường và gia tăng doanh thu sản xuất điện cho Công ty.

Với sự hỗ trợ giúp đỡ của EVN, EVNGENCO2, các cơ quan Quản lý Nhà nước PPC đã ký được Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 19 Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 1 và Phả Lại 2 là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc khai thác vận hành các Tổ máy phát điện Dây chuyền 1 của PPC.

Đã hoàn thiện ký kết hợp đồng mua bán than năm 2024 với các đơn vị cung cấp, cơ bản đáp ứng nhiên liệu phục vụ cho sản xuất điện.

❖ Khó khăn, thách thức

Các tổ máy DC1 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại suy giảm công suất nghiêm trọng, tác động không nhỏ đến quá trình vận hành và sản xuất điện, khó khăn lớn trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được giao.

Theo Quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch điện VIII và Văn bản số: 3606/BCT-ĐL ngày 12/6/2023 của Bộ Công thương, đối với các nhà máy nhiệt điện than đã vận hành đủ 40 năm nếu không chuyển đổi nhiên liệu hoặc không thu giữ CO₂ sẽ phải dừng hoạt động. Tuy nhiên, hiện nay, việc chuyển đổi nhiên liệu hay thu giữ CO₂... đều đang ở giai đoạn nghiên cứu, định hướng mà chưa có các quy định, quy chế hướng dẫn, khung pháp lý... cụ thể từ các Bộ, Ngành liên quan. Thách thức đó ảnh hưởng trực tiếp trong thời gian tới PPC phải thực hiện các dự án nâng cấp - chuyển đổi nhiên liệu đối với các tổ máy Dây chuyền 1.

Để đảm bảo tiêu chuẩn theo Quy chuẩn Môi trường mới được ban hành và áp dụng thay thế cho Quy chuẩn Môi trường QCVN 22:2009 quy định về phát thải ra môi trường đối với các Nhà máy Nhiệt điện đốt than. Trong kế hoạch sắp tới, Công ty phải thực hiện khai dự án nâng cấp, cải tạo thiết bị Dây chuyền 1 để phù hợp với yêu cầu thời kỳ mới, đáp ứng quy định của Quy hoạch Điện VIII mà Chính phủ ban hành tháng 5 năm 2023. Đối với các tổ máy của Dây chuyền 2, Công ty tiếp tục khởi động dự án nâng cấp hệ thống khử SO_x, NO_x trong khói nhằm đáp ứng quy chuẩn mới đang tạm dừng trước đây. Với chi phí đầu tư, nâng cấp cải tạo giá trị rất lớn để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu về bảo vệ môi trường cũng đặt ra thách thức cho PPC. Công ty đang dự thảo báo cáo, trình Tổng Công ty cho phép thực hiện dự án theo 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: rà soát, đánh giá, hiệu chỉnh Báo cáo Nghiên cứu khả thi, Tổng mức đầu tư dự án đáp ứng quy chuẩn QCVN22:2009 hiện hành và có tính toán dự phòng khi quy chuẩn mới được chính thức ban hành.

+ Giai đoạn 2: Thực hiện nâng cấp thiết bị hệ thống sau khi quy chuẩn môi trường mới được ban hành, kết hợp chuyển đổi nhiên liệu cho các tổ máy DC2.

Lọc bụi tĩnh điện của dây chuyền 1 xuống cấp nghiêm trọng, hoạt động không hiệu quả, nguy cơ cao xảy sự cố phải ngừng lò để sửa chữa, tăng chi phí khởi động và

mất nhiều cơ hội tham gia thị trường điện. Hiện tại, lọc bụi khối 1 đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu, lọc bụi khối 2 và 3 đang trong quá trình thi công sửa chữa, lọc bụi khối 4 đã hoàn thiện sửa chữa.

Với nhận định, đánh giá tình hình như trên, tình hình thực tế thiết bị, trên cơ sở sử dụng tối đa có thể năng lực các tổ máy, Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại dự kiến một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2024, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh điện

1.1. Kế hoạch sản xuất

Năm 2024, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại dự kiến

- Điện năng sản xuất : 5.262,00 triệu kWh.
 - Trong đó: + Dây chuyền 1 : 1.476,00 triệu kWh
 - + Dây chuyền 2 : 3.786,00 triệu kWh
- Điện năng bán cho EVN : 4.758,90 triệu kWh.
 - Trong đó: + Dây chuyền 1 : 1.313,64 triệu kWh
 - + Dây chuyền 2 : 3.445,26 triệu kWh
- Suất tiêu hao nhiệt tinh
 - Trong đó: + Dây chuyền 1 : 14.649 kJ/kWh
 - + Dây chuyền 2 : 11.019 kJ/kWh
- Tỷ lệ điện tự dùng (bao gồm cả tổn thất): 9,44 %
 - Trong đó: + Dây chuyền 1 : 11,00 %
 - + Dây chuyền 2 : 8,83 %
- Hệ số khả dụng: 79,71%
- Suất sự cố:
 - Trong đó: + Dây chuyền 1 : 1,33
 - + Dây chuyền 2 : 1,00
- Hệ số đáp ứng:
 - Trong đó: + Dây chuyền 1 : 92,38 %
 - + Dây chuyền 2 : 94,87 %

1.2. Kế hoạch sửa chữa lớn : 487,85 tỷ VNĐ

Hiện tại, Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại dự kiến giá trị sửa chữa lớn năm 2024 là 487,85 tỷ đồng (đã bao gồm triết giảm).

1.3. Kế hoạch mua sắm, đầu tư tài sản cố định : 18,51 tỷ đồng

1.4. Kế hoạch lao động tiền lương

- * Lao động thực tế sử dụng bình quân : 728 người
- * Lương và BHYT,KPCĐ,BHTN,BHXH : 298,30 tỷ VNĐ
- NSLĐ/sản lượng điện sản xuất: 7,23 Tr.kWh/người
- NSLĐ/công suất đặt: 0,70 Người/MW.

1.5. Tổng doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu : 8.755,60 tỷ VNĐ
- Chi phí : 8.328,35 tỷ VNĐ
- Lợi nhuận trước thuế : 427,25 tỷ VNĐ

1.6. Cổ tức: dự kiến 6% vốn điều lệ

2. Một số giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Công tác vận hành và quản lý thiết bị

Công tác vận hành cần phải có kế hoạch chi tiết theo phương thức huy động của A0, các tổ máy đáp ứng khả dụng và sẵn sàng khởi động khi hệ thống huy động.

Nâng cao hơn nữa chất lượng kỷ luật vận hành và ý thức kỷ luật lao động, động viên khen thưởng kịp thời, đồng thời nghiêm khắc xử lý các trường vi phạm kỷ luật lao động.

Tăng cường kiểm tra thiết bị, kịp thời phát hiện những hư hỏng của thiết bị có thể gây ra sự cố, thực hiện tốt công tác vệ sinh thiết bị; cương quyết không vận hành thiết bị khi bị vi phạm các thông số kỹ thuật, chủ động dừng thiết bị trước nguy cơ xảy ra sự cố.

2.2. Công tác sửa chữa

Đối với DC1 sửa chữa lớn tập trung thực hiện các giải pháp duy tu, sửa chữa đảm bảo độ tin cậy, tiếp tục duy trì khai thác có hiệu quả các tổ máy. Trong đó tập trung thực hiện đối với các hệ thống thiết bị quan trọng bị xuống cấp/hư hỏng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật;

Đối với DC2, tiếp tục bảo dưỡng nâng cao độ tin cậy, khả dụng các tổ máy S5, S6, từng bước cải thiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng/xuống cấp.

2.3. Thị trường điện

Phải đảm bảo tiêu chí chỉ phát điện khi bán có lãi hoặc thấp nhất là đủ chi phí biến đổi thực tế, không để phát sinh sản lượng điện phát thừa không có thu hoặc bị phạt do không đủ sản lượng theo bản chào.

Bám sát thị trường điện, lập kế hoạch chi tiết cho từng ngày, tuần và tháng để triển khai đến tận ca vận hành và các đơn vị liên quan cùng thống nhất thực hiện theo phương thức thị trường điện.

2.4. Công tác tổ chức lao động

Tiếp tục thực hiện để hoàn thiện mô hình tổ chức của Công ty theo nghị quyết đã được phê duyệt; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức của công ty và Quy chế về công tác cán bộ. Đảm bảo công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đúng quy trình, đúng quy định, đúng nguyên tắc.

Coi trọng chất lượng đầu vào và chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay và các năm tiếp theo của công ty. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng; kế hoạch, chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện hiệu quả, chất lượng. Tiếp tục triển khai, áp dụng công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên dụng trong việc quản lý và đánh giá lao động.

Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động, đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

2.5. Công tác tài chính

Tăng cường quản lý các chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định trong công tác hoạt động tài chính để đồng bộ hoá với các quy định của các cấp;

Tiếp tục quan tâm đến các khoản đầu tư ngắn, trung và dài hạn đảm an toàn và hiệu quả;

III. Kết luận

Năm 2023 là một năm khó khăn đối với Công ty, hầu hết các chỉ tiêu dự kiến đều không đạt kế hoạch được giao. Công tác quản trị, điều hành của Công ty phù hợp với diễn biến trong sản xuất kinh doanh; trách nhiệm của người lao động được nâng cao, luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; sự quan tâm của Tổng công ty phát điện 2 và các cấp sát sao hơn.

Dự kiến năm 2024 sẽ tiếp tục là một năm cực kỳ khó khăn với PPC, khắc những tồn tại của năm 2023, Ban điều hành Công ty quyết tâm phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TV ✓

Nơi nhận:

- HĐQT (thay B/c);
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
BAN KIỂM SOÁT

Số: 16/BC-PPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 15 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);

Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp (Nghị định số 47);

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thông qua ngày 23/4/2021 (Điều lệ Công ty);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ban hành ngày 23/4/2021.

Ban Kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kết quả hoạt động trong năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban Kiểm soát như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD – ĐTXD – TÀI CHÍNH NĂM 2023

1. Về sản xuất điện

Kết quả sản xuất điện của Công ty xem bảng dưới đây:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh với KH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất		3.894,17	3.525,34	90,52
	DC1	Triệu kWh	557,82	663,71	118,98
	DC2	Triệu kWh	3.336,35	2.861,69	85,77
2	Sản lượng điện bán (EVN)		3.532,37	3.188,32	88,92
	DC1	Triệu kWh	496,30	560,67	112,97
	DC2	Triệu kWh	3.036,07	2.627,64	86,55
3	Tỷ lệ điện tự dùng (tồn thất)	%	9,29	10,25	Không Đạt
	DC1	%	11,03	15,39	Không Đạt
	DC2	%	9,00	9,05	Không Đạt
4	Suất hao nhiệt tính				Không Đạt
	DC1	kJ/kWh	14.649	17.895	Không Đạt
	DC2	kJ/kWh	11.019	11.283	Không Đạt
7	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	2,19	6,73	Không Đạt
8	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	20,57	32,53	Không Đạt
9	Hệ số khả dụng	%	77,24	60,74	Không Đạt
10	Suất sự cố		2,5	2,25	Đạt
11	NSLĐ theo SL điện sản xuất	Tr.kWh/Ng	4,88	4,82	Không Đạt
12	NSLĐ theo CS lắp đặt	Người/MW	0,80	0,70	Đạt
13	Tổng doanh thu	tỷ đồng	6.109,97	6.280,29	102,79
	Doanh thu sản xuất điện	tỷ đồng	5.840,34	5.795,98	99,24
	Doanh thu hoạt động tài chính	tỷ đồng	248,49	464,41	186,89
	Doanh thu khác	tỷ đồng	21,14	19,90	94,15
14	Tổng chi phí	tỷ đồng	5.682,36	5.897,89	103,79
	Chi phí sản xuất điện	tỷ đồng	5.669,96	5.984,15	103,95
	Chi phí hoạt động tài chính	tỷ đồng	6,37	(0,85)	-
	Chi phí khác	tỷ đồng	6,02	4,57	75,97
15	Tổng lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	427,61	382,39	89,42
	Lợi nhuận sản xuất điện	tỷ đồng	170,37	-98,17	
	Lợi nhuận hoạt động tài chính	tỷ đồng	242,12	465,23	192,15
	Lợi nhuận khác	tỷ đồng	15,12	15,33	101,39

Ghi chú: Doanh thu thoái hoàn đã hạch toán hồi tố vào 2022, vì vậy số liệu kế hoạch và số liệu thực hiện không bao gồm doanh thu thoái hoàn. Sản lượng Nhà máy Phả Lại 1 đã giảm trừ sản lượng thoái hoàn của năm 2023.

2. Kết quả SXKD năm 2023

- Sản lượng điện sản xuất, năm 2023 Công ty đã sản xuất được 3.525,40 triệu kWh, bằng 90,52% so với kế hoạch năm, bằng 110,26% so với năm 2022. Sản lượng điện thương phẩm năm 2023 Công ty đã bán được 3.188,32 triệu kWh, bằng 90,26 % so với kế hoạch năm, bằng 110,79% so với năm 2022. Tổng Doanh năm 2023 đạt 6.280,29 tỷ đồng bằng 112,91% so với cùng kỳ năm 2022 và bằng 102,79% so với kế hoạch năm 2023. Trong đó, doanh thu sản xuất điện đạt 5.795,97 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 464,41 tỷ đồng, doanh thu sản xuất khác và hoạt động khác đạt 19,90 tỷ đồng, chỉ có chỉ tiêu suất sự cố và NSLĐ theo công suất đặt đạt trong số các chỉ tiêu KTKT ảnh hưởng bởi các nguyên nhân chủ yếu sau:

i. Do sự cố hệ thống lọc bụi của lò hơi, từ 06/5/2023 Dây chuyền 1 chỉ duy trì 2 tổ máy (S1 và S3) với 2 lò hơi (1B và 3A) vận hành. Đây là phương thức vận hành kém hiệu quả (trong năm 2023 có 15 sự cố liên quan đến hệ thống ESP), thiết bị xuống cấp, không kịp thời SCBD/thay thế quá đời sống kinh tế đối với dự án nhiệt điện 25-30 năm/40 năm;

ii. Tổ máy S6 của Dây chuyền 2 hoàn thành sửa chữa và đưa vào vận hành từ ngày 05/9/2023, chậm so kế hoạch dự kiến tháng 6/2023. Vì vậy mặc dù đã thực hiện tối đa thời gian phát của S5, S6 trong giai đoạn cuối năm nhưng sản lượng Dây chuyền 2 cũng không đạt kế hoạch đề ra.

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 đạt 6.373,01 tỷ đồng bằng 114,58 % so với cùng kỳ năm 2022 và bằng 104,31% so với kế hoạch năm 2023. Trong đó:

i. Doanh thu sản xuất điện đạt 5.975,97 tỷ đồng bằng 99,24% kế hoạch năm. Doanh thu điện lũy kế năm 2023 thấp hơn so với kế hoạch năm là do sản lượng điện bán thấp hơn;

ii. Doanh thu hoạt động tài chính: Năm 2023 đạt 557,13 tỷ đồng bằng 224,2% so với kế hoạch năm do Công ty nhận được cổ tức của cổ phần từ hoạt động đầu tư tài chính.

- Tổng chi phí năm 2023 là 5.897,89 tỷ đồng bằng 117,59% so với cùng kỳ năm 2022 và bằng 103,79% so với kế hoạch năm 2023. Trong đó, chi phí sản xuất điện là 5.894,15 tỷ đồng, chi phí tài chính và khác là -0,85 tỷ đồng, chi phí khác 4,57 tỷ đồng.

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 382,39 tỷ đồng, bằng 69,98% so với cùng kỳ năm 2022 (546,44 tỷ đồng) và bằng 89,42% so với kế hoạch năm 2023 (427,61 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận sản xuất điện -98,17 tỷ đồng. Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 465,23 tỷ đồng. Lợi nhuận sản xuất khác và hoạt động khác là 15,33 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận trước thuế lũy kế năm 2023 Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 382,39 tỷ đồng bằng 69,89% so với cùng kỳ năm 2022 và bằng 89,42 % so với kế hoạch năm, cụ thể:

i. Lợi nhuận sản xuất điện: Với các yếu tố tăng giảm doanh thu chi phí, lợi nhuận lũy kế từ sản xuất điện là -98,17 tỷ đồng bằng -157,6% kế hoạch nguyên nhân do: sản lượng thấp, chi phí vật liệu tăng, chi phí SCL/SCTX tăng so với cùng kỳ;

ii. Lợi nhuận hoạt động tài chính: Lũy kế năm 2023 đạt 465,23 tỷ đồng bằng 158,98% so với cùng kỳ năm 2022, bằng 192,15,45% so với kế hoạch năm 2023. Nguyên nhân là lợi nhuận tài chính năm 2023 tăng so với cùng kỳ và kế hoạch năm là do doanh thu từ cổ tức tăng;

iii. Lợi nhuận sản xuất khác và hoạt động khác: Lũy kế đạt 15,24 tỷ đồng bằng 101,38% so với kế hoạch năm (15,12 tỷ đồng), bằng 106,11% so với cùng kỳ năm 2022.

- Tổng lợi nhuận sau thuế 382,39 tỷ đồng bằng 77,97% so với cùng kỳ năm 2022 và bằng 89,42 % so với kế hoạch năm.

3. Các chỉ số tài chính

Các chỉ số tài chính năm 2023 thể hiện qua Bảng cân đối kế toán rút gọn và một số chỉ tiêu tài chính cơ bản dưới đây cho thấy: Kết quả SXKD năm 2022 có lãi, khả năng thanh toán được đảm bảo với hệ số thanh toán nợ ngắn hạn >1 (lớn hơn 1), Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu ở mức an toàn < quy định (quy định tối đa không quá 3 lần), VCSH được bảo toàn và phát triển với hệ bảo toàn vốn >1. Chi tiết xem tại các bảng dưới đây:

Bảng cân đối kế toán rút gọn và KQSXKD năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	2	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	2.929.235	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	23.486	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	100.000	

III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.978.018	
IV. Hàng tồn kho	140	709.144	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	118.587	
B – TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	2.848.682	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	
II. Tài sản cố định	220	273.076	
III. Bất động sản đầu tư	230	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	23.996.101	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2.500.054	
VI. Tài sản dài hạn khác	260	49.973	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	5.777.918	
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	767.100	
I. Nợ ngắn hạn	310	767.100	
II. Nợ dài hạn	330	-	
B – VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	5.010.818	
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.010.818	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	5.777.918	

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
1. Tổng doanh thu	6.280.285,20	
2. Tổng chi phí	5.897.896,25	
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	382.388,94	
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	380.102,28	

Stt	Chỉ tiêu	DVT	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	86,72	
2	Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	0,15	
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	13,28	
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	50,70	
5	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	49,30	
II	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,89	
2	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	7,53	
3	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	3,82	
III	Hiệu quả sử dụng vốn			
1	Doanh thu trên tổng vốn	%	108,69	
2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	6,67	
3	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,58	

Bảo toàn vốn	Lần	1,00	
--------------	-----	------	--

4. Công tác Sửa chữa lớn

Về cơ bản các hạng mục bảo dưỡng, sửa chữa phần thiết bị chính đã hoàn thành theo yêu cầu. Xét về chi phí, chi phí sửa chữa lớn năm 2023 là 219,55 tỷ đồng bằng 223,83% so với cùng kỳ năm 2022 (98,09 tỷ đồng) và bằng 58,75% so với kế hoạch năm, tuy nhiên có một số vấn đề cần lưu ý như sau:

- Đơn vị còn một số hạng mục SCL năm 2023 chưa hoàn thành phải chuyển tiếp sang năm 2024.

- Công tác sửa chữa, khắc phục sự cố tổ máy S6 của PPC bị chậm trễ không hoàn thành tiến độ đưa tổ máy vào hoạt động trước cao điểm mùa khô năm 2023 (theo văn bản số 64/EVN-KTSX). Sau nhiều lần gia hạn tiến độ: lần 1 kéo dài đến 19/3/2023 (theo báo cáo 3115/BC-EVNGENCO2), lần 2 kéo dài đến 23/5/2023 (theo báo cáo 4718/BC-EVNGENCO2), lần 3 vào ngày 10/3/2023 có báo cáo số 238/KTSX, mới phát hiện vết nứt băng đa tầng cánh 19, 20 tuabin hạ áp và GE đề xuất phương án sửa chữa có thời gian kéo dài thêm từ 1,5 - 7 tháng. Tổ máy S6 đã đi vào hoạt động từ ngày 05/9/2023.

- Trong năm 2023 năm 2023 Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Bộ Công an đã ra quyết định xử phạt hành chính với tổng mức tiền phạt 3,925 tỷ đồng, cùng với hình thức phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại trong thời hạn 12 tháng (gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề chủ trì tổ chức hình thức phạt bổ sung): (i) Quyết định số 23/QĐ-XPHC ngày 07/7/2023 của Cục trưởng C05 về xử phạt vi phạm hành chính đối với PPC; (ii) Quyết định số 25/QĐ-SĐ ngày 20/9/2023 của Cục trưởng C05 về sửa đổi một phần trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại PPC. Do các dự án xử lý khí thải đang chờ chủ trương triển khai tiếp nên hiện tại Công ty đang thực hiện sửa chữa hệ thống ESP của Dây chuyền 1 và FGD của Dây chuyền 2.

5. Về đầu tư, mua sắm tài sản cố định

- Các dự án đã được phê duyệt đầu tư:

- i. Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống khử SOx và NOx cho dây chuyền 2;
- ii. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống khử lưu huỳnh trong khói của dây chuyền 1;
- iii. Dự án chuyển đổi sử dụng nhiên liệu phụ từ dầu FO sang dầu DO dây chuyền 1, dây chuyền 2.

- Các dự án chưa được phê duyệt đầu tư:

- i. Dự án cải tạo nâng cấp thiết bị Dây chuyền 1;
- ii. Dự án xin cấp phép quy hoạch Phả Lại III.

- Kết quả năm 2023 của Công ty thực hiện mua sắm là 11,77 tỷ đồng, đạt 3,49%.

6. Đầu tư vốn tại các công ty liên kết

Tổng số vốn Công ty đầu tư vốn công ty liên kết và đầu tư tài chính là 2.535,89 tỷ đồng. Trong năm, Công ty không thực hiện việc tăng/thoái vốn góp tại các đơn vị này cũng như không thực hiện góp vốn vào các dự án ngoài ngành điện khác. Lợi nhuận hoạt động tài chính: Lũy kế năm 2023 đạt 557,96 tỷ đồng bằng 210,29% so với cùng kỳ năm 2022, bằng 230,45% so với kế hoạch năm 2023. Nguyên nhân là lợi nhuận tài chính năm 2023 tăng so với cùng kỳ và kế hoạch năm là do doanh thu từ cổ tức tăng:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đầu tư vốn trong năm 2023	Dư đầu năm	Dư cuối năm	Tỷ lệ góp vốn (%)	Cổ tức/lợi nhuận được chia
1	Đầu tư vào Công ty liên kết				
1.1	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055	1.451.055	25,97	252,52
2	Đầu tư tài chính	1.084.843	1.084.843		
2.1	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295	817.295	16,35	241,81
2.2	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (EIC)	70.800	70.800	19,3	18,41
2.3	Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	50.250	50.250	15	9,83
2.4	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000	100.000	10,61	14,71
2.5	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP)	46.498	46.498	1	1,12

7. Nhân sự, lao động tiền lương

- Số liệu lao động SXKD điện bình quân thực hiện năm 2023 của PPC là 731 người, trong đó: (i) NQL là 05 người và (ii) NLĐ là 726 người (Định biên được duyệt 791 người).

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện và an toàn điện của Người lao động năm 2023 là 246,17 tỷ, gồm: (i) Quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện là 221,94 tỷ đồng; (ii) Quỹ tiền an toàn điện 24,23 tỷ đồng.

- Công ty đã chủ động cấu trúc nguồn nhân lực, phân bổ nhân sự linh hoạt giữa các Phòng/Văn phòng/Phân xưởng, dự án để tối ưu hóa năng lực của nhân viên; xây dựng tính chuyên nghiệp; kiểm soát lao động bằng hình thức đánh giá công việc theo khối lượng và chất lượng hiệu quả công việc nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý.

- Công ty đã quan tâm thực hiện đầy đủ các chương trình đào tạo theo các văn bản chỉ đạo của EVN, EVNGENCO2; đào tạo ngắn hạn về nghiệp vụ quản lý, chuyên môn, ... Các cán bộ người lao động được cử đi đào tạo đều đạt thành tích tốt, áp dụng những kiến thức vào thực tiễn phục vụ tốt cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ trong Công ty.

- Công ty thực hiện công tác nâng lương/nâng bậc/giữ bậc cho Người lao động phù hợp với các quy định; Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định; Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho Người lao động như: khám sức khỏe định kỳ, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, ... Kịp thời giải quyết các chế độ phục hồi sức khỏe, nghỉ phép, ốm đau, nghỉ thai sản, chính sách, đảm bảo quyền lợi cho Người lao động đúng quy định của pháp luật.

8. Tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023 là 1,32 tỷ đồng, chi tiết theo Bảng sau đây

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Chức vụ	Số người	Số tháng làm việc	Quỹ tiền lương, thù lao, ATĐ kế hoạch				Quỹ tiền lương, thù lao, ATĐ thực hiện			
				Mức tiền lương, thù lao kế hoạch/người/tháng	Quỹ tiền lương	Quỹ thù lao	Tổng cộng	Mức tiền lương, thù lao thực hiện/người/tháng	Quỹ tiền lương	Quỹ thù lao	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Thành viên HĐQT/KSV chuyên trách										
1	Chủ tịch HĐQT	1	7,26	48.600	352.836		352.836	36.386	264.162		264.162
2	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	12,00	41.400	496.800		496.800	30.995	371.940		371.940
3	Trưởng BKS (chuyên trách)	1	12,00	43.200	518.400		518.400	32.343	388.116		388.116
II	Thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách										
1	Thành viên BKS	2	12,00	8.000		192.000	192.000	6.199		148.776	148.776
2	Thành viên HĐQT	2	12,00	8.000		192.000	192.000	6.199		148.776	148.776
					1.368.036	384.000	1.752.036		1.024.218	297.552	1.321.770

Ghi chú: Tiền lương, thù lao thực hiện của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát thấp hơn so với kế hoạch do lợi nhuận thực hiện/lợi nhuận kế hoạch là 89,42%.

9. Về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Qua rà soát Báo cáo tình hình quản trị của PPC năm 2023 và Báo cáo kiểm toán năm 2023, PPC xác định không có các giao dịch nêu trên.

10. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

10.1. Kết quả giám sát HĐQT

- Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 283 Nghị quyết, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, kế hoạch SXKD-đầu tư và tài chính.

- HĐQT giám sát thường xuyên hoạt động của Ban điều hành đảm bảo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định và văn bản chỉ đạo của HĐQT có hiệu lực và hiệu quả; giải quyết kịp thời những kiến nghị/đề xuất của Ban điều hành theo thẩm quyền.

- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, nội dung cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, cho ý kiến, biểu quyết thông qua và được ghi vào biên bản.

- HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc trong Công ty đảm bảo công tác quản lý điều hành trong Công ty được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ và các quy định của pháp luật liên quan.

10.2. Kết quả giám sát Ban điều hành

- Trong năm 2023, Ban Điều hành đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT để điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

- Ban Điều hành đã chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT, hoạt động SXKD năm 2023 có lãi, bảo toàn được vốn của CSH.

11. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông

- Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát thông qua chương trình D-Office, Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi có yêu cầu.

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý điều hành và giám sát hoạt động của Đơn vị.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Đơn vị Công ty để hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; trong năm BKS không có nhận khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty và công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

12. Hoạt động của Ban Kiểm soát

12.1 Cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của PPC trong năm 2023 vẫn giữ nguyên số lượng thành viên, có thay đổi Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 01/12/2023:

- | | |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------|
| - Ông Ngô Nguyên Đồng: | TBKS đến ngày 30/11/2023
Thành viên BKS từ ngày 01/12/2023 |
| - Ông Lương Trường Luân: | Thành viên BKS đến ngày 30/11/2023
TBKS từ ngày 01/12/2023 |

- Ông Quách Vĩnh Bình: Thành viên BKS

12.2. Nội dung, phạm vi công việc Ban Kiểm soát đã thực hiện trong năm 2023

- Giám sát thường xuyên hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty, luôn tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan. Cụ thể các nội dung công việc đã thực hiện xem tại bảng dưới đây:

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	GHI CHÚ
1	Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	
2	Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên giao HĐQT PPC lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2023	
3	Thẩm tra quỹ tiền lương thực hiện năm 2022, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023	
4	Giám sát kiểm toán độc lập chứng kiến kiểm kê và kiểm toán BCTC Năm 2023	
5	Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2022	
6	Giám sát thường xuyên hoạt động SXKD, ĐTXD và tài chính hàng tháng/quý	
7	Giám sát soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023	
8	Thẩm tra BCTC 6 tháng đầu năm 2023	
9	Sơ kết 6 tháng đầu năm 2023 của Ban Kiểm soát	
10	Giám sát kiểm toán độc lập kiểm toán giữa kỳ năm 2023	
11	Theo dõi, đôn đốc, phúc tra tình hình thực hiện các kiến nghị theo kết quả thanh kiểm tra, giám sát	
12	Tham gia các cuộc họp do EVN, EVNGENCO2 tổ chức liên quan đến chức năng nhiệm vụ của KSV	
13	Tổng kết hoạt động năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024 của Ban Kiểm soát.	

12.3. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- Tính đến thời điểm lập báo cáo, Ban Kiểm soát đã ban hành các văn bản sau đến HĐQT/BĐH/ĐHĐCĐ PPC:

TT	Ngày văn bản	Số ký hiệu	Trích yếu nội dung	Tỷ lệ biểu quyết
1			Báo cáo hoạt động năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 của Ban Kiểm soát	3/3
2	10/04/2024	15/TTr-BKS	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (thay thế Tờ trình số 14/TTr-PPC ngày 10/4/2024 của BKS)	3/3
3	10/04/2024	14/TTr-PPC	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3/3
4	09/03/2024	09/PPC-BKS	V/v xem xét vai trò, quá trình hoạt động của thành viên độc lập HĐQT PPC và rà soát, sửa đổi Điều lệ của PPC	2/3 (Ông Luân và ông Đồng thông qua, Ông Bình không thông qua và có ý kiến riêng tại biên bản xin ý kiến)
5	01/03/2024	07/PPC-BKS	Về việc đảm bảo định mức than tồn kho theo quy định	3/3
6	23/02/2024	06/TB-BKS	Về việc thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2023 của BKS PPC	3/3

7	02/01/2024	01/PPC-BKS	Về việc đảm bảo tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng.	3/3
8	27/12/2023	34/PPC-BKS	Về việc thực hiện Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.	3/3
9	03/10/2023	26/PPC-BKS	V/v vi phạm về thời gian trong quá trình LCNT theo quy định pháp luật về đấu thầu	3/3
10	15/08/2023	40/PPC-BKS	Tuân thủ thời hạn đăng tải thông tin về đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	3/3
11	05/06/2023	17/PPC-BKS	V/v thực hiện công tác LCNT các gói thầu phục vụ sửa chữa khắc phục sự cố tổ máy S6 (chuyển tiếp năm 2023) không đáp ứng gian quy định	3/3
12	12/05/2023	16/PPC-BKS	Vv tiến độ thực hiện công tác LCNT các gói thầu phục vụ sửa chữa khắc phục sự cố tổ máy S6 (chuyển tiếp năm 2023)	3/3
13	28/04/2023	15/TTr-PPC	V/v ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3/3
14	20/04/2023	12/PPC-BKS	V/v ý kiến của Công ty về phát hiện và kiến nghị của kiểm soát	3/3
15	18/04/2023	11/BC-PPC	Báo cáo Kiểm soát năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (thay thế cho báo cáo số 08/BC-PPC ngày 20/3/2023)	3/3
16	07/04/2023	10/TTr-PPC	TTr V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3/3
17	20/03/2023	08/BC-PPC	Báo cáo Kiểm soát năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3/3
18	10/03/2023	07/PPC-BKS	V/v xét thưởng hoàn thành nhiệm vụ tháng 2/2023 (PPC)	3/3
19	06/01/2023	02/PPC-BKS	V/v kết quả xử lý kiến nghị của các đoàn thanh kiểm tra đến hết Quý IV năm 2022	3/3

- Năm 2023 Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 phiên họp, chi tiết xem bảng dưới đây:

TT	PHIÊN HỌP	NỘI DUNG
1	Phiên họp thứ 1 Ngày 09/12/2022	- Tổng kết công tác năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023 của Ban Kiểm soát.
2	Phiên họp thứ 2 Ngày 10/3/2023	- Kiểm soát hoạt động của PPC năm 2022 - Triển khai nhiệm vụ Thẩm tra Báo cáo tài chính & Giám sát các đơn vị kiểm toán độc lập BCTC năm 2022.
3	Phiên họp thứ 3 Ngày 15/8/2023	- Đánh giá kết quả thực hiện quý I/2023, triển khai nhiệm vụ quý II/2023. - Thực hiện giám sát đợt 1 của BKS
4	Phiên họp thứ 4 Ngày 30/11/2023	- Đánh giá kết quả thực hiện quý II/2022, triển khai nhiệm vụ quý III/2023. - Bỏ phiếu miễn nhiệm TBKS-Ngô Nguyên Đồng; Bỏ phiếu bầu TBKS-Lương Trường Luân. - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong BKS.

12.4. Thẩm tra Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của PPC năm 2023

Ban Kiểm soát chấp thuận với BCTC đã được kiểm toán, trong đó một số lưu ý:

- Vấn đề nhấn mạnh của kiểm toán độc lập lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Công ty không còn ý kiến ngoại trừ trên BCTC năm 2023 và đã được sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) có Quyết định số 139/QĐ-SGDHVM về việc đưa cổ phiếu PPC ra khỏi diện cảnh báo ngày 02/4/2024.

12.5. Kế hoạch của Ban Kiểm soát năm 2024

- Ban Kiểm soát thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của PPC; Việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của PPC và Cổ đông.

- Giám sát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong việc: i) Tuân thủ chế độ chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động của đơn vị, Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của PPC; ii) Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; iii) Triển khai các dự án đầu tư xây dựng, đầu tư tài chính, các hợp đồng kinh tế mua sắm vật tư thiết bị phục vụ SXKD, sửa chữa; iv) Kiểm tra việc sử dụng và bảo toàn vốn của PPC; v) Các công tác khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của đơn vị.

Kế hoạch kiểm soát trong năm 2023, chi tiết xem tại bảng dưới đây:

TT	Nội dung kiểm soát	Thời gian dự kiến
1	Đợt 1: Thẩm tra - soát xét BCTC cuối năm 2023	tháng 01/2024
1.1	Thẩm tra - soát xét BCTC năm 2023 theo chuẩn mực cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.	05 ngày làm việc sau khi phát hành báo cáo kiểm toán độc lập
1.2	Thẩm tra quyết toán quỹ tiền lương SXKD điện thực hiện năm 2023; Thẩm tra quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024	
2	Đợt 2: Kiểm soát Quý I/2024	tháng 4/2024
2.1	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024	
2.2	Rà soát, đánh giá và kiến nghị hiệu đính tính phù hợp với các văn bản pháp lý của chủ sở hữu và quy phạm pháp luật của các QCQLNB trong Công ty	
2.3	Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của nhà nước trong công tác mua sắm, quản lý và sử dụng nhiên liệu	
2.4	Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kết luận giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra và báo cáo kiểm toán (nếu có) của Công ty	
3	Đợt 3: kiểm soát Quý II/2024	tháng 7/2024
3.1	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024	
3.2	Rà soát, đánh giá và kiến nghị hiệu đính tính phù hợp với các văn bản pháp lý của chủ sở hữu và quy phạm pháp luật của các QCQLNB trong Công ty	
3.3	Kiểm tra việc tuân thủ quy định và thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	
3.4	Kiểm tra công tác sửa chữa tài sản cố định của Công ty	
3.5	Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kết luận giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra và báo cáo kiểm toán (nếu có) của Công ty	
4	Đợt 4: kiểm soát Quý III/2024	tháng 10/2024
4.1	Thẩm tra - soát xét BCTC theo chuẩn mực cho kỳ giữa niên độ	
4.2	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024	

TT	Nội dung kiểm soát	Thời gian dự kiến
4.3	Rà soát, đánh giá và kiến nghị hiệu đính tính phù hợp với các văn bản pháp lý của chủ sở hữu và quy phạm pháp luật của các QCQLNB trong Công ty	
4.4	Kiểm tra việc tuân thủ quy định trong công tác mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất điện.	
4.5	Giám sát, đánh giá HĐQT, Tổng Giám đốc, NDDPV trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của EVNGENCO2 tại Công ty	
4.6	Giám sát tổ chức thực hiện các dự án đầu tư	
4.7	Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kết luận giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra và báo cáo kiểm toán (nếu có) của Công ty	
5	Tổng kết báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát năm 2024 và kế hoạch triển khai thực hiện công tác kiểm soát năm 2025 của BKS Công ty: Lập báo cáo gửi các Cổ đông của Công ty	tháng 12/2024

II. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

1.1. Về sản xuất điện

Sản lượng điện sản xuất, năm 2023 Công ty đã sản xuất được 3.525,40 triệu kWh, bằng 90,52% so với kế hoạch năm, bằng 110,26% so với năm 2022. Sản lượng điện thương phẩm năm 2023 Công ty đã bán được 3.188,32 triệu kWh, bằng 90,26 % so với kế hoạch năm, bằng 110,79% so với năm 2022. Tổng Doanh năm 2023 đạt 6.280,29 tỷ đồng bằng 112,91% so với cùng kỳ năm 2022 và bằng 102,79% so với kế hoạch năm 2023. Trong đó, doanh thu sản xuất điện đạt 5.795,97 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 464,41 tỷ đồng, doanh thu sản xuất khác và hoạt động khác đạt 19,90 tỷ đồng

1.2. Về công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị

- Công tác sửa chữa hệ thống ESP của Dây chuyền 1 và FGD của Dây chuyền 2 còn chậm tiến độ so với yêu cầu của các cấp có thẩm quyền và khả năng sẽ không kịp thời đáp ứng cho cung ứng điện mùa khô năm 2024.

- Nhiều hạng mục SCL các thiết bị chính của Dây chuyền 1 thuộc kế hoạch năm 2023 chưa hoàn thành phải chuyển tiếp sang thực hiện vào năm 2024. Chi phí sửa chữa lớn năm: 219,56 tỷ đạt 58,75%, thấp hơn so với kế hoạch 373,7 tỷ. Cho thấy việc không hoàn thành kế hoạch SCL hàng năm là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến tính hoạt động ổn định, hiệu quả của thiết bị, không hoàn thành được cả chỉ tiêu kỹ thuật và khó khăn trong công tác đàm phán giá điện trong các chu kỳ sau, có thể phải trả lại chi phí này đã tính trong giá thành điện ở các chu kỳ kế tiếp.

1.3. Về đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định

- Đối với các dự án đã được phê duyệt đầu tư hoặc chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư: Do có các điều kiện ràng buộc và cần được xem xét đầu tư đồng bộ, đồng thời, các dự án đều chưa được xem xét điều chỉnh giá bán điện cũng chưa có khung pháp lý để hướng dẫn để tiếp tục thực hiện các dự án.

- Đơn vị cần có kế hoạch, tiến độ cụ thể phấn đấu hoàn thành các hạng mục mua sắm tài sản cố định chuyển tiếp từ 2023 sang năm 2024 và kế hoạch 2024.

1.4. Về công tác quản lý tài chính - kế toán

Theo kết quả kiểm toán độc lập năm 2023, Kiểm toán đã đưa ra ý kiến phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Không có ý kiến ngoại trừ, có ý kiến vấn đề nhấn mạnh về tính hoạt động liên tục của Công ty.

2. Kiến nghị

Theo kết quả kiểm soát trong năm 2023 trên đây, Ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT PPC chỉ đạo Đơn vị khắc phục các tồn tại và thực hiện các kiến nghị dưới đây, định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 20 của tháng đầu tiên quý tiếp theo, cụ thể như sau:

2.1. Về công tác sản xuất điện

- Đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất điện, duy trì mức tồn trữ theo quy định (các tháng 3,4,5,6 là 240 nghìn tấn, các tháng còn lại 160 nghìn tấn) cho năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Bám sát các mục tiêu, nhóm giải pháp nhằm khắc phục tình trạng suy giảm công suất, nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành của các tổ máy phát điện, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu KTKT được giao.

- Tuyệt đối không để xảy ra sự cố chủ quan, sự cố lặp lại. Đồng thời, tuân thủ quy định về kỷ luật lao động, an toàn môi trường.

2.2. Đối với công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị

- Rà soát toàn diện, tổng thể các danh mục hệ thống, thiết bị hư hỏng, xuống cấp và các thiết bị đã đến chu kỳ cần sửa chữa để thực hiện duy tu, bảo dưỡng định kỳ/cục bộ các tổ máy theo đúng kế hoạch, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả và chất lượng. Trong đó, lưu ý khẩn trương hoàn thành việc sửa chữa, khắc phục và có các giải pháp đảm bảo tiến độ sửa chữa hệ thống liên quan tới xử lý khí thải và môi trường nhằm hoàn thành kiến nghị tại Quyết định số 23/QĐ-XPHC ngày 07/7/2023 của Cục trưởng C05 về xử phạt vi phạm hành chính đối với PPC, Quyết định số 25/QĐ-SĐ ngày 20/9/2023 của Cục trưởng C05 về sửa đổi một phần trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại PPC, đồng thời, giải trừ ý kiến về vấn đề nhấn mạnh tại BCTC đã kiểm toán năm 2023; Phục hồi công suất đặt của tổ máy S5 đảm bảo hoạt động hoàn thành nhiệm vụ phát điện kịp thời trong thời gian tới và chấm dứt việc sụt giảm kết quả sản xuất kinh doanh do thời gian dừng máy S6 và các hệ thống ESP kéo dài (giai đoạn 2021-2023).

- Các hạng mục/công trình SCL năm 2022, 2023 chưa hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2024, khẩn trương đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành công tác sửa chữa, đảm bảo thiết bị/công trình vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả; Thời gian tới, hạn chế tối đa việc chuyển tiếp công tác sửa chữa đối với các thiết bị/công trình chính, trọng yếu sang năm sau; Bám sát các giải pháp ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của lộ trình giảm suất hao nhiệt để có giải pháp đưa giá trị suất hao nhiệt về tiệm cận PPA; Chịu trách nhiệm toàn diện trong trường hợp để xảy ra sự cố do thiết bị/công trình không được bảo dưỡng sửa chữa kịp thời.

2.3. Đối với các hạng mục đầu tư xây dựng

- Các dự án đã có quyết định phê duyệt đầu tư: Trong thời gian chờ khung pháp lý để thực hiện triển khai đầu tư dự án, các chi phí đã phát sinh cho dự án tiếp tục thực hiện theo dõi trên chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Đối với các dự án xử lý khí thải tại các Nhà máy nhiệt điện Phả Lại đang tạm dừng để chờ có quy chuẩn mới về khí thải, trong thời gian chờ tái khởi động các dự án này, đề nghị đơn vị có giải pháp thay thế đáp ứng tiêu chuẩn môi trường khi vận hành.

- Các dự án chưa có quyết định phê duyệt đầu tư: Tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để tìm kiếm cơ hội đầu tư. Các chi phí phát sinh trực tiếp cho dự án trong thời

gian chờ khung pháp lý để thực hiện triển khai đầu tư dự án, các chi phí đã phát sinh cho dự án tiếp tục thực hiện theo dõi trên chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

- Đối với công tác cải tạo, nâng cấp kết hợp công tác chuyển đổi nhiên liệu Dây chuyền 1 và Dây chuyền 2 Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại: Tiếp tục tích cực báo cáo, giải trình với các Cấp có thẩm quyền nhằm đưa vào danh sách các Nhà máy theo quy định tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch điện VIII để có cơ sở pháp lý thực hiện dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp và triển khai dự án chuyển đổi nhiên liệu trong thời gian tới.

- Đối với dự án “Lắp mới kháng hạn chế dòng điện ngắn mạch sân phân phối 220kV Nhiệt điện Phả Lại”: Tiếp tục bám sát xin phép các cấp có thẩm quyền chấp thuận đưa chi phí đầu tư dự án vào giá điện của PPC để triển khai cho phù hợp và đảm bảo thu hồi vốn theo quy định. Đồng thời, chuẩn bị sẵn sàng các hồ sơ cần thiết để có thể triển khai dự án từ giai đoạn lập FS điều chỉnh (nếu có), công tác LCNT để triển khai phê duyệt và tổ chức thực hiện ngay sau khi được các cấp có thẩm quyền thông qua các bước thực hiện theo trình tự quy định.

- Đối với kế hoạch mua sắm tài sản cố định đã được ĐHĐCĐ thường niên hàng năm thông qua, Công ty cần phải có kế hoạch thực hiện và hoàn thành kế hoạch đặt ra. Đảm bảo hiệu quả kinh tế của tài sản được mua sắm.

2.4. Đối với công tác tài chính

Tích cực làm việc với EPTC để thu hồi tiền điện, đảm bảo dòng tiền phục vụ SXKD và chi trả cổ tức cho cổ đông, không phát sinh lãi vay dẫn tới phát sinh chi phí tài chính của Công ty.

III. ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2024

Tờ trình số 15/TTr-BKS ngày 10/4/2024 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (Tờ trình số 15) đính kèm.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban Kiểm soát, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Đính kèm:

Tờ trình số 15.

Nơi nhận:

- Như trên (để b/c);
- HĐQT PPC (để p/h);
- Lưu: VT, BKS.



**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lương Trường Luân

Hải Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Căn cứ các Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch trong công tác quản trị và lập báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC). Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC cho PPC đảm bảo chất lượng, tiến độ báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 và năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của PPC để công bố thông tin như sau:

1. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 của PPC là các đơn vị kiểm toán độc lập thuộc Danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị PPC thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 cho PPC theo quy định pháp luật hiện hành.

Ban Kiểm soát kính trình HĐQT xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên (để b/c);
- HĐQT PPC (để p/h);
- Lưu: VT, BKS.



Lương Trường Luân

Số: 2540/BC-PPC

Hải Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Kết quả hoạt động năm 2023; chương trình mục tiêu năm 2024
và các năm tiếp theo

Kính thưa các Quý vị cổ đông!

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại xin báo cáo đến toàn thể Quý vị cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023; Nhiệm vụ, chương trình mục tiêu năm 2024 và những năm tiếp theo như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

I. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2023.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

Căn cứ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng Giám đốc Công ty,

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2023 với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh với KH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất		3.894,17	3.525,40	90,53
	DC1	Triệu kWh	557,82	663,71	118,98
	DC2	Triệu kWh	3.336,35	2.861,69	85,77
2	Sản lượng điện bán (EVN)		3.532,37	3.188,32	90,26
	DC1	Triệu kWh	496,30	560,67	112,97
	DC2	Triệu kWh	3.036,07	2.627,64	86,55
3	Tổng doanh thu	tỷ đồng	6.109,97	6.280,29	102,79
	Doanh thu từ sản xuất điện	tỷ đồng	5.840,34	5.795,98	99,24
	Doanh thu hoạt động tài chính	tỷ đồng	248,49	464,41	186,89
	Doanh thu hoạt động, sx khác	tỷ đồng	21,14	19,9	94,13
4	Tổng chi phí	tỷ đồng	5.682,36	5.897,90	103,79
	Chi phí từ sản xuất điện	tỷ đồng	5.676,34	5.894,15	103,84
	Chi phí hoạt động tài chính	tỷ đồng		-0,83	
	Chi phí hoạt động, sx khác	tỷ đồng	6,02	4,57	75,91
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	427,61	382,39	89,42
	Lợi nhuận từ sản xuất điện	tỷ đồng	164,00	-98,17	-59,86
	Lợi nhuận hoạt động tài chính	tỷ đồng	248,49	465,23	187,22
	Lợi nhuận hoạt động, sx khác	tỷ đồng	15,12	15,33	101,39

Ghi chú: Doanh thu thoái hoàn đã hạch toán hồi tố vào 2022, vì vậy số liệu kế hoạch và số liệu thực hiện không bao gồm doanh thu thoái hoàn.

1. Công tác vận hành và sản xuất

Ngay từ đầu năm, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng phương án vận hành sản xuất trên cơ sở củng cố tốt các tổ máy để đảm bảo hệ số khả dụng cao nhất và đảm bảo công suất phát tối đa khi hệ thống yêu cầu.

2. Công tác vận hành

Năm 2023, với tình trạng xuống cấp đồng loạt của các lọc bụi lò hơi làm ảnh hưởng xấu đến tính ổn định liên tục của các tổ máy DC1. Chính vì vậy Công ty luôn định hướng thực hiện phương án phát dưới sản lượng Qc, duy trì tối đa khả dụng các tổ máy dự phòng để đem lại doanh thu CfD đồng thời tận dụng khoảng thời gian dự phòng để củng cố thiết bị. Ngoài ra, việc vận hành ở phương thức không kinh tế (1 lò/1 máy) đã làm tăng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổ máy như tỷ lệ điện tự dùng, suất hao nhiệt.

Tổ máy S5 liên tục được duy trì bám lưới phát theo phương thức đáp ứng yêu cầu huy động từ cấp Điều độ, số giờ vận hành S5 đạt mức hơn 8.000 giờ.

Trong năm 2023 với sự hỗ trợ giúp đỡ của Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty Phát điện 2, sự chỉ đạo quyết liệt, phối hợp đồng bộ của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, sự cố gắng nỗ lực của các đơn vị trong Công ty, các Nhà thầu Tổ máy S6 sau thời gian dài khắc phục sự cố đến ngày 05/09/2023 đã hòa đồng bộ vào lưới điện Quốc gia, đạt công suất khả dụng 300MW. Tổ máy S6 sau sửa chữa đã vận hành an toàn, liên tục, ổn định, hiệu quả, phục hồi năng lực sản xuất của công ty.

Việc đưa tổ máy S6 trở lại vận hành sau sự cố và đạt công suất thiết kế 300MW là sự nỗ lực lớn, thể hiện sự cố gắng khắc phục khó khăn trong năm 2023.

2. Doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Tổng Doanh năm 2023 đạt 6.280,28 tỷ đồng bằng 102,79 % so với kế hoạch năm 2023, bằng 112,91% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó Doanh thu sản xuất điện đạt 5.795,97 tỷ đồng bằng 99,24% so với kế hoạch năm, bằng 110,36% so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 464,41 tỷ đồng bằng 186,89% so với kế hoạch năm, bằng 157,29% so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu sản xuất khác và hoạt động khác đạt 19,90 tỷ đồng bằng 94,15% kế hoạch năm, bằng 130,47% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng chi phí năm 2023 Chi phí là 5.897,89 tỷ đồng bằng 103,79% so với kế hoạch năm 2023, bằng 117,59% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó Chi phí sản xuất điện là 5.894,15 tỷ đồng bằng 103,95% so với kế hoạch năm, bằng 117,59% so với cùng kỳ năm 2022, chi phí tài chính và khác là -0,85 tỷ đồng, chi phí khác 4,57 tỷ đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 382,39 tỷ đồng, bằng 89,42% so với kế hoạch năm 2023 (427,61 tỷ đồng), bằng 69,98% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó lợi nhuận sản xuất điện -98,17 tỷ đồng giảm 45,22 tỷ đồng so với kế hoạch năm, giảm 337,54 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 465,23 tỷ đồng bằng 192,15% so với kế hoạch năm, bằng 158,98% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sản xuất khác và hoạt động khác là 15,33 tỷ đồng bằng 101,38% so với kế hoạch năm, bằng 106,11% so với cùng kỳ năm 2022.

3. Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn: Bao gồm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng. Đến ngày 31/12/2023, số dư tiền gửi là 100 tỷ đồng của 01 HĐ tiền gửi kỳ hạn 6 tháng. Năm 2023, tổng số tiền lãi từ các hợp đồng tiền gửi là: 11,02 tỷ đồng.

Đầu tư dài hạn: Đến 31/12/2023, tổng giá trị đầu tư góp vốn vào các dự án điện là: 2.535,9 tỷ đồng. Trong năm 2023, PPC nhận được cổ tức của các khoản đầu tư dài hạn này là: 444,67 tỷ đồng.

Năm 2023 là năm rất khó khăn cho PPC về nguồn tiền như: Ngoài việc chi trả tiền cổ tức, mua nhiên liệu, tiền lương, chi trả các nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị, dịch vụ, PPC phải chi trả chi phí sửa chữa tổ khắc phục tổ máy S6, bù trừ khoản doanh thu thoái hoàn 221 tỷ đồng và tình hình tài chính Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) trong năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn, dẫn đến tiền điện thanh toán cho PPC luôn bị chậm trễ từ 1 đến 2 tháng. Trước tình hình khó khăn, công ty đã tăng cường công tác quản trị dòng tiền có hiệu quả, Lãnh đạo công ty trực tiếp làm việc, đôn đốc EVN để thu hồi công nợ, đảm bảo vốn kịp thời, đầy đủ phục vụ sản xuất kinh doanh, không để xảy ra tình trạng chậm thanh toán làm ảnh hưởng đến cung cấp nhiên liệu cho sản xuất điện. Khi có khoản tiền nhàn rỗi, PPC thực hiện mời các Tổ chức tín dụng gửi bản chào lãi suất và lựa chọn gửi tiền tại các Tổ chức tín dụng có uy tín và lãi suất cạnh tranh để tăng lợi nhuận cho công ty.

4. Công tác sửa chữa lớn

Năm 2023 là năm đánh dấu sự thay đổi lớn về “tư duy, cách làm” trong công tác sửa chữa lớn. Với sự chỉ đạo sâu sát và hỗ trợ của Tổng công ty Phát điện 2, công ty đã làm việc với tất cả các nhà sản xuất gốc, chính hãng cho các hệ thống thiết bị chính của cả hai nhà máy. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá và tư vấn kỹ thuật của nhà sản xuất, công ty đã nhìn nhận được những khiếm khuyết, nguy cơ đối với các hệ thống thiết bị như turbine, máy phát, hệ thống điều khiển DCS, hệ thống lò, hệ thống trao đổi nhiệt, hệ thống bơm cấp... Hiện nay, công ty đang tích cực làm việc với nhà sản xuất gốc và tư vấn để triển khai sửa chữa, thay thế nhằm khôi phục tình trạng kỹ thuật của nhà máy về theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

4.1 Đối với Dây chuyền 1:

Năm 2023, Công ty đã đại tu sửa chữa lớn được tổ máy S2 và triển khai thay thế các lọc bụi lò hơi dây chuyền 1. Đến nay đã thay xong lọc bụi lò hơi 4A và 4B, lọc bụi lò hơi 2A và 2B sẽ hoàn thành trong tháng 4&5 năm 2024; lọc bụi lò hơi 3B sẽ hoàn thành trong tháng 6 năm 2024; lọc bụi lò hơi 1A và 1B sẽ triển khai xong trước tháng 8/2024.

Đối với kế hoạch sửa chữa lớn đại tu tổ máy S3, S4 vào năm 2023 đã chuyển tiếp sang năm 2024 do cần tập trung nguồn lực ưu tiên khắc phục sự cố tổ máy S6 và cân đối chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông.

Với tình trạng thiết bị của Dây chuyền 1 để đáp ứng yêu cầu của hệ thống điện miền Bắc đang có nguy cơ thiếu hụt công suất nguồn trong thời gian tới cần sớm củng cố, hoàn thiện hệ thống lọc bụi tĩnh điện, hệ thống ống quá nhiệt, bộ sấy không khí, bộ hâm nước, thùng nghiền than, sửa chữa cải tạo nâng cấp đồng bộ các Tổ máy để nâng cao chất lượng thiết bị đảm bảo vận hành hiệu quả vận hành và tận dụng cơ hội phát điện đem lại doanh thu và lợi nhuận.

4.2. Đối với Dây chuyền 2:

Công tác sửa chữa lớn tập trung hoàn thành sửa chữa sự cố tổ máy S6; Nâng cao độ tin cậy, khả dụng các tổ máy S5 đảm bảo từng bước cải thiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng/xuống cấp (tấm chèn bộ sấy không khí, điều khiển các hệ thống BOP, hệ thống rơ le bảo vệ trạm 220kV, bộ điều áp dưới tải (OLTC), hệ thống tự dừng 1 chiều khối; máy phát điện số 5, 6).

Năm 2023 công tác sửa chữa Dây chuyên 2 đạt được thành công lớn khi tổ máy S6 sau sửa chữa các thông số trong giá trị cho phép của nhà sản xuất đặc biệt với sự cố gắng nỗ lực rất lớn của Công ty và các nhà thầu tổ máy S6 sau nhiều năm đã đạt được khả dụng công suất định mức 300MW mang lại lợi ích lớn cho PPC.

5. Công tác thị trường điện

Năm 2023, công tác vận hành thị trường điện gặp nhiều khó khăn thách thức trong chiến lược chào giá thị trường: Dây chuyên 1 khả dụng thấp, thường xuyên xảy ra sự cố do tình trạng lọc bụi sửa chữa kéo dài làm mất cơ hội nhận doanh thu CfD khi máy ngừng sự cố và sửa chữa kéo dài; Dây chuyên 2 Tổ máy S6 sửa chữa đến 04/9/2023 mới đưa vào khai thác (*chậm 3 tháng so với kế hoạch ban đầu là 01/5/2023*), các tháng đầu năm khai thác hiệu quả tổ máy S5 với phương án Điều độ Quốc gia lập kế hoạch vận hành theo từng tháng.

Chiến lược chào giá hợp lý, phù hợp với tình trạng thiết bị với chiến lược chào giá tối ưu. Hiệu quả mang lại: Giá bán điện bình quân PL1 cao hơn giá Pc bình quân. Giá bán điện bình quân PL1 đạt 2.286,83 đồng/kWh (Pc bình quân là 2.088,83 đồng/kWh); Giá bán điện bình quân PL2 cao hơn giá Pc biến đổi. Giá bán điện bình quân PL2 đạt 1.746,04 đồng/kWh (Pcđ bình quân là 1.408,76 đồng/kWh).

6. Công tác hành chính lao động

Tổng số lao động tính đến hết 31/12/2023 tại PPC là 731 lao động (Trong đó bao gồm 05 lao động thử việc, 13 lao động HĐ xác định thời hạn, không bao gồm 01 TBKS, 04 cán bộ đảng, đoàn chuyên trách)

Triển khai kiện toàn mô hình tổ chức: Hoàn thành việc sáp nhập 03 đơn vị: Văn phòng, phòng Bảo vệ - Cứu hỏa và phòng Tổ chức - Lao động thành phòng Hành chính - Lao động nhằm giảm đầu mối và tăng năng suất lao động.

Lần đầu tiên trong năm 2023, trên cơ sở sự thống nhất của Đảng ủy, Ban Chấp hành công ty và các đơn vị trong công ty, Hội đồng Quản trị đã ban hành quy định về luân chuyển vị trí công tác tại những vị trí nhạy cảm nhằm phòng chống tiêu cực và kết hợp luân chuyển, đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công việc.

Năm 2023 đã tiến hành thủ tục bầu thay thế 1 thành viên HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách; bổ nhiệm mới 4 cán bộ; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho 5 cán bộ, giao nhiệm vụ phụ trách cho 2 cán bộ. Đồng thời, tổ chức các hội nghị lấy ý kiến bố trí Người đại diện theo yêu cầu của EVNGENCO2. Đã thực hiện việc điều động, bổ nhiệm 02 cán bộ từ phòng Kỹ thuật và phòng TCLĐ đến phân xưởng Vận hành 1. Bổ nhiệm mới 04 cán bộ lãnh đạo đối với phòng Hành chính – Lao động.

Về tuyển dụng: Hoàn thành công tác tuyển dụng do Tổng Công ty giao, Công ty tuyển dụng đủ chỉ tiêu được giao (30/30).

II. Đánh giá Hoạt động của HĐQT.

1. Đánh giá chung tình hình hoạt động của HĐQT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại Căn cứ Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/5/2023: Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định.

Từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 05 năm 2023, căn cứ vào kết quả các cuộc họp và văn bản xin ý kiến Hội đồng Quản trị, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 283 Nghị quyết. Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự quy định.

Các phiên họp HĐQT đều mời Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tham gia. Đối với các vấn đề quan trọng, HĐQT mời trưởng các đơn vị, phòng ban có liên quan trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT kịp thời, tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả SXKD cho Công ty.

Cụ thể, từ sau Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã thực hiện nhiệm vụ với những nội dung chính như sau:

- Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023.
- Cử lại Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần EVN Quốc tế
- Đề cử thành viên Ban kiểm soát tại Công ty CP Nhiệt điện Quang Ninh.
- Họp Hội đồng Quản trị quý 1 năm 2023, nhiệm vụ quý 2 năm 2023 .
- Thông qua bổ nhiệm mới; Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý, thông qua chủ trương điều động, bổ nhiệm cán bộ
- Thành lập Tổ thẩm định đấu thầu các gói thầu sửa chữa lớn năm 2023 trên 5 tỷ đồng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Thông qua các nội dung biểu quyết trong HĐQT & Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại các Công ty do PPC có vốn góp cho Người đại diện biểu quyết.
- Thông qua bổ sung phí dịch vụ kiểm toán, soát xét các báo cáo tài chính năm 2022 và dự thảo phụ lục hợp đồng kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2022 (Hợp đồng cung ứng dịch vụ chuyên môn số 22-01-00344 ký ngày 5 tháng 7 năm 2022).
- Thông qua trả cổ tức lần 1 năm 2022 bằng tiền mặt.
- Thành lập và kiện toàn các Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

- Thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023”.

- Thông qua Báo cáo số 3086/BC-PPC về việc công tác sửa chữa, khắc phục sự cố tổ máy S6.

- Thông qua chương trình tổng thể thực hành Tiết kiệm chống lãng phí và Kế hoạch triển khai Chủ đề năm 2023.

- Thông qua báo cáo thực hiện kế hoạch Kiểm soát tuân thủ năm 2023.

- Thông qua kiện toàn Hội đồng xử lý nợ của Công ty.

- Thông qua bổ sung Danh mục đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò 1A, 1B vào kế hoạch Sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

- Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 2 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”.

- Thông qua Báo cáo số 3724/BC-PPC về việc nhu cầu than cho sản xuất điện 5 tháng cuối năm 2023 và dự kiến năm 2024.

- Thông tạm thời áp dụng các sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về công tác Quản lý kỹ thuật trong EVN tại PPC.

- Họp Hội đồng Quản trị quý 2 năm 2023, nhiệm vụ quý 3 năm 2023.

- Thông qua Ban hành Quy chế trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

- Thông quan ủy quyền cho Tổng Giám đốc phê duyệt giá gói thầu trong các Kế hoạch Lựa chọn nhà thầu đã được HĐQT phê duyệt.

- Thông qua trả cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền mặt.

- Thông qua đàm phán giá điện NMNĐ Phả Lại 1 giai đoạn 2024-2027.

- Thông qua triển khai thực hiện dự án “Mở rộng ngăn lộ 220kV tại SPP 220kV Nhiệt điện Phả Lại”

- Thay đổi hình thức Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

- Họp Hội đồng Quản trị quý 3 năm 2023, nhiệm vụ quý 4 năm 2023.

- Thông qua nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

- Thông qua Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2023 bằng tiền mặt.

- Thông qua hiệu chỉnh định mức than tồn kho.

- Thông qua kế hoạch lao động tiền lương sản xuất kinh doanh điện của người lao động năm 2023.

- Thông qua phê duyệt các dự toán; dự thảo Hồ sơ mời thầu; Kết quả lựa chọn nhà thầu, phụ lục hợp đồng về mua sắm nhiên liệu và các gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty...

Ngoài các Nghị quyết/Quyết định trên trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành 295 Quyết định về việc phê duyệt các dự thảo Hồ sơ mời thầu; Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt các phụ lục hợp đồng, Dự thảo hợp đồng liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty... Các quyết định đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao biểu quyết tán thành.

2. Hoạt động của từng thành viên HĐQT

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách và thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp; điều lệ Công ty; các quy chế hiện hành; tổ chức các cuộc họp đúng, đủ phù hợp với các quy định hiện hành; các nội dung cần lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức đúng theo quy định.

- Các thành viên đã tham gia dự họp đầy đủ các phiên họp qua trực tiếp hoặc trực tuyến, tham gia cho ý kiến kịp thời để ban hành các Nghị quyết, quyết định kịp thời giao Ban điều hành thực hiện.

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị .

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

- Lập kế hoạch kiểm soát theo chức năng.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát.

- Ban hành quy chế hoạt động của ban kiểm soát Công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Tham gia xây dựng các quy chế quản lý nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Thực hiện chi trả tiền lương, thù lao đối với Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Người Quản lý năm 2023 như sau:**

- Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Người quản lý, HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023 (triệu đồng): 2.269,802 triệu đồng, cụ thể:

Đv tính: triệu đồng

Số TT	Chức danh	Số người	Mức tiền lương, thù lao BQ	Tiền lương	Thù lao	Tổng tiền lương/thù lao	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	36,386	264,162		264,162	
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1	35,038	291,867		291,867	
3	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	30,995	371,940		371,940	
4	Thành viên HĐQT (Q. TGD, Phó TGD)	2	30,995	260,668		260,668	
5	Thành viên HĐQT không chuyên trách	2	6,199		148,776	148,776	
6	Phó Tổng Giám đốc	2	30,995	395,497		395,497	

Số TT	Chức danh	Số người	Mức tiền lương, thù lao BQ	Tiền lương	Thù lao	Tổng tiền lương/thù lao	Ghi chú
7	Trưởng Ban KS chuyên trách	1	32,343	388,116		388,116	
8	Thành viên BKS không chuyên trách	2	6,199		148,776	148,776	
	Tổng			1.972,250	297,552	2.269,802	

III. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Ban điều hành đã chủ động trong điều hành sản xuất, đề xuất kịp thời các biện pháp, giải pháp để nâng cao hiệu quả cho sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị đã thực hiện ban hành nghị quyết, quyết định, văn bản để chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp theo quy định của điều lệ và các quy chế hiện hành, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành trong năm 2023 luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị để hoàn thành mức tốt nhất các chỉ tiêu đã được Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua.

Công tác đấu thầu mua sắm vật tư trong năm 2023 đã có nhiều bước chuyên biệt tích cực; tuy nhiên cần đẩy mạnh công tác này trong năm 2024 và các năm tiếp theo để đáp ứng được cho nhu cầu sản xuất của Công ty luôn ổn định.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của Công ty, có thể đánh giá rằng Hội đồng Quản trị Công ty đã hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị. Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty, hầu hết các chỉ tiêu dự kiến đều không đạt kế hoạch được giao. Tuy nhiên, Công ty đã phấn đấu thực hiện tốt nhất có thể kế hoạch SXKD năm 2023.

PHẦN THỨ HAI NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2024 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

A. KẾ HOẠCH NĂM 2024 VÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt nam, Tổng công ty Phát điện 2 về việc đảm bảo cung ứng điện phục vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2024 và các năm tiếp theo, Công ty xác định tập

trung tối đa vào nhiệm vụ vận hành nhà máy sản xuất điện đảm bảo ổn định, tin cậy và an toàn. Tích cực làm việc với nhà sản xuất gốc, nhà sản xuất chính hãng và tư vấn để giám sát đánh giá, phát hiện và xử lý kịp thời các bất thường thiết bị, triển khai sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất nhằm khôi phục tình trạng kỹ thuật của nhà máy về theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhằm giảm tối đa sự cố, giảm suất hao nhiệt. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác vận hành, chuẩn bị đầy đủ nhiên liệu, vật tư tiêu hao, VTTB dự phòng để các Tổ máy luôn sẵn sàng, đáp ứng nhu cầu của hệ thống điện từ đó tận dụng và phát huy lợi thế của nhà máy ở nút phụ tải quan trọng khu vực Đông Bắc nhằm tăng doanh thu thị trường điện trong bối cảnh hệ thống điện miền Bắc dự kiến thiếu hụt công suất từ nay đến năm 2023, đem lại lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông.

Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện mô hình để sử dụng hiệu quả các nguồn lực, từng bước tái lập lực lượng sửa chữa thường xuyên của công ty để tăng cường chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, khắc phục nhanh nhất sự cố nếu xảy ra. Tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của Hội đồng Quản trị đối với công tác đấu thầu, kiểm tra giám sát nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời nhiên liệu than, dầu, vật tư hoá chất tiêu hao phục vụ sản xuất, đảm bảo tiến độ và chất lượng các gói thầu sửa chữa lớn để từ đó đảm bảo sản xuất điện liên tục, an toàn và hiệu quả.

Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư tài chính tại các đơn vị phát điện nhằm bảo toàn và phát triển vốn đầu tư. Cập nhật hiệu chỉnh và ban hành quy định về “Quản lý vốn và Người đại diện” nhằm tăng cường sự chỉ đạo, định hướng với Người đại diện, thành viên Ban Kiểm soát cử tại các công ty liên kết để từ đó nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, tăng doanh thu hoạt động tài chính cho công ty.

B. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHÍNH NHƯ SAU

1. Năm 2024, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại dự kiến:

- Điện năng sản xuất	:	5.262,00 triệu kWh.
<i>Trong đó:</i>		
+ Dây chuyền 1	:	1.476,00 triệu kWh
+ Dây chuyền 2	:	3.786,00 triệu kWh
- Điện năng bán cho EVN	:	4.758,90 triệu kWh.
<i>Trong đó:</i>		
+ Dây chuyền 1	:	1.313,64 triệu kWh
+ Dây chuyền 2	:	3.445,26 triệu kWh

2. Tổng doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu	:	8.755,60	tỷ VND
- Chi phí	:	8.328,35	tỷ VND
- Lợi nhuận trước thuế	:	427,25	tỷ VND
- Tỷ lệ chia cổ tức	:	6%	
- Kế hoạch sửa chữa lớn	:	487,85	tỷ VNĐ.
- Kế hoạch mua sắm, đầu tư tài sản cố định:		18,51	tỷ đồng
- Kế hoạch tiền Lương và BHYT, KPCĐ, BHTN, BHXH:		297,23	tỷ VND

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024.

Do các dự án môi trường, xử lý khí thải vẫn đang tạm dừng chờ khung pháp lý. Ngoài ra, khi quy hoạch điện VIII và Quy chuẩn Việt nam mới về khí thải công nghiệp thải ra môi trường được phê duyệt sẽ cần thiết phải rà soát, điều chỉnh lại các dự án cho phù hợp, do đó đơn vị xây dựng Kế hoạch đầu tư xây dựng dự phòng khi các Dự án được triển khai tiếp. cụ thể

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án	Kế hoạch vốn năm 2024
1.	Đầu tư xây mới hệ thống khử lưu huỳnh	26.6
2.	Cải tạo, nâng cấp hệ thống khử SOx và NOx cho Dây chuyền 2	1,350
3.	Cải tạo, nâng cấp thiết bị Dây chuyền 1	1,444.18
4.	Dự án lắp kháng sân phân phối 220kV Nhiệt điện Phả Lại	10,389
5.	Trang bị bổ sung thiết bị cho dự án đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong CTCP Nhiệt điện Phả lại	635.98
6.	Mở rộng ngăn lộ 220kV Nhiệt điện Phả Lại	2,500
7.	Trạm quan trắc khí thải Dây chuyền 2 (nâng cấp) - CTCP Nhiệt điện Phả Lại	12,000
Tổng cộng:		28,345.76

(chi tiết như trong báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; Kế hoạch đầu tư xây dựng).

3. Một số giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm

3.1. Công tác vận hành và quản lý thiết bị

Công tác vận hành cần phải có kế hoạch chi tiết theo phương thức huy động của A0, các tổ máy đáp ứng khả dụng và sẵn sàng khởi động khi hệ thống huy động.

Nâng cao hơn nữa chất lượng kỷ luật vận hành và ý thức kỷ luật lao động, động viên khen thưởng kịp thời, đồng thời nghiêm khắc xử lý các trường vi phạm kỷ luật lao động.

Tăng cường kiểm tra thiết bị, kịp thời phát hiện những hư hỏng của thiết bị có thể gây ra sự cố, thực hiện tốt công tác vệ sinh thiết bị; cương quyết không vận hành thiết bị khi bị vi phạm các thông số kỹ thuật, chủ động dừng thiết bị trước nguy cơ xảy sự cố.

3.2. Công tác sửa chữa

Đối với DC1 sửa chữa lớn tập trung thực hiện các giải pháp duy tu, sửa chữa đảm bảo độ tin cậy, tiếp tục duy trì khai thác có hiệu quả các tổ máy. Trong đó tập trung thực hiện đối với các hệ thống thiết bị quan trọng bị xuống cấp/hư hỏng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật;

Đối với DC2, tiếp tục bảo dưỡng nâng cao độ tin cậy, khả dụng các tổ máy S5, S6, từng bước cải thiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng/xuống cấp.

3.3. Thị trường điện

Phải đảm bảo tiêu chí chỉ phát điện khi bán có lãi hoặc thấp nhất là đủ chi phí biến đổi thực tế, không để phát sinh sản lượng điện phát thừa không có thu hoặc bị phạt do không đủ sản lượng theo bản chào.

Bám sát thị trường điện, lập kế hoạch chi tiết cho từng ngày, tuần và tháng để triển khai đến tận ca vận hành và các đơn vị liên quan cùng thống nhất thực hiện theo phương thức thị trường điện.

3.4. Công tác tổ chức lao động

Tiếp tục thực hiện để hoàn thiện mô hình tổ chức của Công ty theo nghị quyết đã được phê duyệt; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức của công ty và Quy chế về công tác cán bộ. Đảm bảo công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đúng quy trình, đúng quy định, đúng nguyên tắc.

Coi trọng chất lượng đầu vào và chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay và các năm tiếp theo của công ty. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng; kế hoạch, chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện hiệu quả, chất lượng. Tiếp tục triển khai, áp dụng công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên dụng trong việc quản lý và đánh giá lao động.

Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động, đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

3.5. Công tác tài chính

Tăng cường quản lý các chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định trong công tác hoạt động tài chính để đồng bộ hoá với các quy định của các cấp;

Tiếp tục quan tâm đến các khoản đầu tư ngắn, trung và dài hạn đảm bảo an toàn và hiệu quả;

Hội đồng Quản trị Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ

- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Quốc Long

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2023 và dự kiến mức cổ tức năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính của Công ty;
Căn cứ Báo cáo tài năm 2023 đã kiểm toán và dự kiến Kế hoạch năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NĐ-HĐQT ngày 20/05/2024 của HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại Về việc thông qua các nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 về việc phân phối lợi nhuận năm 2023 và dự kiến mức chia cổ tức năm 2024 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2023:

STT	Nội dung	Dự kiến (ĐVT: đồng)	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận được phân phối (1)+(2)+(3)	994.580.532.613	
1	Lợi nhuận để lại các năm trước	13.328.779.202	BCTC sau kiểm toán
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	380.102.277.161	BCTC sau kiểm toán
3	Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	601.149.476.250	BCTC sau kiểm toán
II	Phương án phân phối lợi nhuận	994.580.532.613	
1	Chi trả cổ tức		
1.1	Tỷ lệ Cổ tức	27,75%	
1.2	Số tiền Chi trả Cổ tức	889.701.224.850	
1.2.1	Cổ tức từ hoàn nhập quỹ ĐTPT (18,75%)	601.149.476.250	
1.2.2	Cổ tức từ lợi nhuận (9%)	288.551.748.600	
	Trong đó:		
-	Đã tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 (2,75%), đã chi trả ngày 04/03/2024	88.168.589.850	
-	Đã tạm ứng cổ tức từ nguồn hoàn nhập quỹ ĐTPT (18,75%), chốt danh sách ngày 22/01/2024, chi trả ngày 28/06/2024.	601.149.476.250	

-	Tỷ lệ cổ tức còn lại chi trả trong năm 2024 (6,25%)	200.383.158.750	
2	Trích Quỹ Khen thưởng	23.853.371.713	1,5 tháng tiền lương x (nhân) tỷ lệ hoàn thành lợi nhuận (89%)
3	Trích Quỹ phúc lợi	23.853.371.713	1,5 tháng tiền lương x (nhân) tỷ lệ hoàn thành lợi nhuận (89%)
4	Trích Quỹ thưởng người quản lý công ty	189.150.167	1 tháng lương
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	43.654.634.968	
6	Lợi nhuận để lại	13.328.779.202	

2. Dự kiến mức cổ tức năm 2024:

Căn cứ dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, HĐQT Công ty đề xuất dự kiến mức cổ tức năm 2024 là: 6% vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.



Mai Quốc Long

hành hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đều được bộ phận kiểm toán nội bộ theo dõi.

5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong Công ty:

Công ty đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp:

Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước về kế toán tài chính và thuế;

Các nội dung trong Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Bộ phận kiểm toán nội bộ với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông:

Trong quá trình hoạt động, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã phối hợp tốt với HĐQT, Tổng Giám đốc và các Cổ đông. Bộ phận kiểm toán nội bộ không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, được tạo điều kiện tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ. Mọi vấn đề phát sinh đều được thảo luận và giải quyết kịp thời.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập trong bộ phận kiểm toán nội bộ trong năm 2023

Trân trọng./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024
TRƯỞNG BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Lê Tuấn Hải

Số: 2536/TTr-PPC

Hải Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2023 - Dự kiến năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐQT ngày 20/05/2024 của HĐQT Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông về mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) công ty năm 2023 và dự kiến năm 2024, cụ thể như sau:

- Tổng tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS thực hiện năm 2023 là **1.321,77** triệu đồng, cụ thể như sau:

Đv tính: triệu đồng

Số TT	Chức danh	Số người	Mức tiền lương, thù lao BQ tháng	Tổng tiền lương/thù lao
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	36,386	264,162
2	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	30,995	371,940
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách	2	6,199	148,776
4	Trưởng BKS chuyên trách	1	32,343	388,116
5	Thành viên BKS không chuyên trách	2	6,199	148,776
I	Tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS thực hiện năm 2023			1.321,770

- Dự kiến tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 là **3.374,5** triệu đồng, cụ thể như sau:

Đv tính: triệu đồng

Số TT	Chức danh	Số người	Mức tiền lương, thù lao BQ tháng	Tổng tiền lương/thù lao
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	67,5	810,00
2	Thành viên HĐQT chuyên trách	2	57,5	1.075,25
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	8,0	245,60
4	Trưởng Ban KS chuyên trách	1	60,0	720,00
5	Thành viên BKS chuyên trách	1	57,5	385,25
6	Thành viên BKS không chuyên trách	1	8,0	138,40
II	Dự kiến tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS năm 2024			3.374,50

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Mai Quốc Long

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Thông tư số 116/2020 ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/BĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐQT ngày 20/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Có phụ lục sửa đổi và dự thảo Điều lệ, Quy chế kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Quốc Long

Phụ lục I
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh																											
1.	Điều 3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Tổng giám đốc; 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty. 2. Trường hợp chưa có Tổng Giám đốc thì người được giao quyền Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Phù hợp theo Khoản 3 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020 “Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam”.																											
2.	Điều 4	Điều 4: Mục tiêu hoạt động của công ty 1. Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty là: - Hoạt động, sản xuất, kinh doanh điện; - Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; - Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện; - Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị; - Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; - Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ - nhiệt điện; - Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện; - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về	Điều 4: Mục tiêu hoạt động của công ty 1. Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty là: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Ngành nghề kinh doanh</th> <th>Mã ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>Sản xuất điện</td> <td>3511</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>Truyền tải và phân phối điện (bao gồm bán buôn, bán lẻ điện)</td> <td>3512</td> </tr> <tr> <td>3.</td> <td>Xây dựng công trình điện</td> <td>4221</td> </tr> <tr> <td>4.</td> <td>Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện</td> <td>4293</td> </tr> <tr> <td>5.</td> <td>Lắp đặt hệ thống điện</td> <td>4321</td> </tr> <tr> <td>6.</td> <td>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện, lò hơi</td> <td>7120</td> </tr> <tr> <td>7.</td> <td>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông</td> <td>4652</td> </tr> <tr> <td>8.</td> <td>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy</td> <td>4659</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành	1.	Sản xuất điện	3511	2.	Truyền tải và phân phối điện (bao gồm bán buôn, bán lẻ điện)	3512	3.	Xây dựng công trình điện	4221	4.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện	4293	5.	Lắp đặt hệ thống điện	4321	6.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện, lò hơi	7120	7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	4659	Sửa đổi để phù hợp theo Phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy theo mô hình tái cơ cấu theo định hướng tách bạch công tác vận hành, công tác quản lý dự án đầu tư, công tác sửa chữa tại PPC.
STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành																													
1.	Sản xuất điện	3511																													
2.	Truyền tải và phân phối điện (bao gồm bán buôn, bán lẻ điện)	3512																													
3.	Xây dựng công trình điện	4221																													
4.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện	4293																													
5.	Lắp đặt hệ thống điện	4321																													
6.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện, lò hơi	7120																													
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652																													
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	4659																													

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh		Lý do hiệu chỉnh	
		quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị Nhà máy điện; - Cho thuê tài sản.		khác: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)		
			9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662	
			10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker); Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...)	4663	
			11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, tro, xỉ, thạch cao. Bán buôn nhiên liệu, nguyên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện, (Trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).	4669	
			12.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh		Lý do hiệu chỉnh	
			13.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Hiệu chỉnh tuabin nhà máy nhiệt điện	3312	
			14.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313	
			15.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, nâng cấp, cải tạo thiết bị điện, công trình điện	3314	
			16.	Giáo dục khác chưa phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý thiết bị, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.	8559	
			17.	Hoạt động bảo vệ tư nhân: Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ	8010	
			18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510	
			19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
			20.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
			21.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	
			22.	Thu gom rác thải không độc hại	3811	
			23.	Thu gom rác thải độc hại	3812	
			24.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	
			25.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822	
			26.	Tái chế phế liệu	3830	
			27.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900	
			28.	Đấu giá hàng hóa	46103	
			29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ	5225	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh		Lý do hiệu chỉnh	
			30.	Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở	68103	
			31.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	
			32.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121	
			33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Chi tiết: cơ khí điện lực	2592	
			34.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện, các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo	6491	
			35.	Cho thuê xe có động cơ	7710	
			36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
			37.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129	
			38.	Hoạt động tư vấn quản lý: Chi tiết: - Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công các công trình nguồn điện - lưới điện; - Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công các công trình viễn thông và công nghệ thông tin; - Tư vấn thẩm định, thẩm tra chuyên ngành về hoạt động điện lực	7020	
			39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt các thiết bị cơ nhiệt, điện lạnh, thiết bị điện, các trạm biến áp, các nhà máy điện.	3320	
			40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Vận hành thuê các nhà máy điện	8299	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
3.	Điều 7	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu (Giữ nguyên khoản 1)</p> <p>2. Cổ phiếu là <u>loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.</u> Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc <u>trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định)</u> kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.</p> <p>5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại <u>dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u></p> <p>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại <u>dưới hình thức khác;</u></p> <p>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc <u>cấp lại cổ phiếu mới.</u></p>	<p>Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
4.	Điều 12	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu ... thông qua đại diện</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu ... thông qua đại diện được ủy</p>	<p>Phù hợp Luật DN hiện hành và nội dung tại khoản 2 cho phù hợp với</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>được ủy quyền <u>hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa</u>;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng <u>cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành</u>;</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>f. Tiếp cận <u>thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p><u>quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</u> (Giữ nguyên điểm b)</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng <u>cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</u> (Giữ nguyên các điểm d, e)</p> <p>f. Được tiếp cận <u>đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</u> (Giữ nguyên các điểm g, h, i)</p> <p>j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; (Giữ nguyên điểm j)</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này; <u>việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</u> (i) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người</p>	<p>khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 26 và Điều 37 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p><u>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p><i>(Bổ sung điểm e)</i></p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật</p>	<p><u>vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>(ii) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u></p> <p><i>(Giữ nguyên điểm b)</i></p> <p><u>c. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u></p> <p><i>(Giữ nguyên điểm d)</i></p> <p><u>e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</u></p> <p><i>(Giữ nguyên điểm e).</i></p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		và Điều lệ này.		
5.	Điều 12	Bổ sung khoản 4	4. Tổ chức là cổ đông của Công ty: có sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 10% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ trên 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.	
6.	Điều 13	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p><u>1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p><u>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</u></p> <p><u>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</u></p> <p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p><u>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</u></p> <p><u>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u></p> <p><u>3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</u></p> <p><u>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u></p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p>	Phù hợp với nội dung và bổ cục lại thứ tự các khoản cho phù hợp với Luật DN hiện hành, Điều 13 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;</p> <p><u>8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</u></p> <p><u>9. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp;</u></p> <p>10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
7.	Điều 14	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một (01)	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông <u>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</u> , là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên</p>	<p>thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>y kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối</u>, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán <u>được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: (Giữ nguyên điểm a) (Lược bỏ điểm b) (Giữ nguyên điểm c) c. <u>Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do</u></p>	116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</u></p> <p>e. <u>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u></p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. <u>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u> (Giữ nguyên điểm f)</p>	
8.	Điều 15	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p>	<p>Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p>	<p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật. 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này;</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>n) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>o) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	<p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>h) Tổng số tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; Báo cáo tiền thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;</p> <p>i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần</p> <p>m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o) Quyết định giao dịch đầu tư, bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	<p>q) Chấp thuận việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Quyết định thay đổi vốn Điều lệ của Công ty;</p> <p>t) Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
9.	Điều 17	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <u>khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</u></p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <u>khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	<p>Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 17 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
10.	Điều 18	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông (<i>Bổ sung khoản 6</i>)</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận</p>	<p>Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
			và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
11.	Điều 19	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u> (<i>Bổ sung khoản 4</i>)	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</u> 4. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 19 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
12.	Điều 20	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết <u>theo trình tự sau:</u> a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.</u> Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. <u>Kết quả kiểm</u>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 20 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu</p>	<p><u>phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p><u>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</u></p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) <u>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</u></p> <p>c) <u>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</u></p> <p>d) <u>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào</u></p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p>	<p><u>ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu</p>	<p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
13.	Điều 21	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p>Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc i) sửa đổi và bổ sung Điều lệ; ii) loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; iii) việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; iv) dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>e) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
14.	Điều 22	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn</p>	<p>Phù hợp với Luật DN hiện hành và khoản 1 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
15.	Điều 23	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u></p> <p><u>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u></p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (Lược bỏ khoản 3, 4)</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 23 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư 116/2020/TT-BTC.
16.	Điều	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ	Phù hợp với Luật DN

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	24	<p>hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng</u> theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p><u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>	<p>đồng Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <u>Trong trường hợp này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u></p>	<p>hiện hành và Điều 24 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
17.	Điều 25	<p>Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ</p>	(Lược bỏ Điều 25)	<p>Lược bỏ để phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này và Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>		116/2020/TT-BTC
18.	Điều 26	<p>Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến</u></p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; <u>từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa 09 (chín) ứng viên.</u></p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội</p>	phù hợp với Luật DN hiện hành với khoản 2, 3 Điều 25 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng <u>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p>	
19.	Khoản 1 Điều 27	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>là từ 5 đến 7 người, số lượng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u></p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị <u>không quá năm (05) năm</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p><u>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</u></p> <p><u>Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật.</u></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị <u>không còn tư</u></p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>là 07 (bảy) người.</u></p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị <u>là 05 (năm) năm</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. <u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u></p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo: <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p><u>cách thành viên Hội đồng quản trị</u> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp nhận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><i>(Bổ sung khoản 5)</i></p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị <u>không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị</u> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp nhận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.</p> <p><i>(Giữ nguyên khoản 4, 5)</i></p>	
20.	Điều 28	Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 27 Điều lệ mẫu ban hành

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. <u>Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác,</p>	<p>quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>f) Quyết định giải pháp thị trường và phát triển công nghệ;</p> <p>g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế</p>	<p>kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>quản lý nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>k) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l) Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n) Kiến nghị mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;</p> <p>q) Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.</p> <p>r) Phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
			<p>tài chính và quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Công ty;</p> <p>s) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu;</p> <p>t) Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật;</p> <p>u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
21.	Điều 29	<p>Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị (<i>Bổ sung khoản 1</i>)</p> <p>1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ</u></p>	<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</u></p> <p>2. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị</u></p>	<p>Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 28 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>đồng quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. <u>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.</u> Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành</p>	<p><u>dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.</u> Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p><i>(Giữ nguyên khoản 3, 4)</i></p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. <i>(Bổ sung khoản 6)</i>		
22.	Điều 31	Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</u> 3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</u> a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; d. Các trường hợp khác (nếu có). 7. <u>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng</u>	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có). 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các	Phù hợp với Luật DN hiện hành và khoản 2, 3, 7, 8, 9 Điều 30 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. <u>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u></p> <p>9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được xem là có tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi:</u></p> <p>a) <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> b) <u>Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;</u> c) <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> d) <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u></p> <p>Trường hợp <u>cuộc họp lần thứ nhất</u> không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	
23.	Điều	Điều 35. Người điều hành công ty	Điều 34. Người điều hành công ty	Phù hợp với Luật DN

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	35	<p><i>(Bổ sung khoản 1)</i></p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, <u>lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc</u> do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p> <p><i>(Bổ sung khoản 4)</i></p>	<p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.</p> <p><i>(Giữ nguyên khoản 1)</i></p> <p>3. Thù lao, tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</p>	<p>hiện hành và Điều 34 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
24.	Điều 36	<p>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p><i>(Giữ nguyên khoản 1)</i></p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Tổng Giám đốc đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty ... và, hoặc Quy chế về công tác cán bộ của Công ty (nếu có).</u></p> <p>3. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p>	<p>Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 35 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p><u>Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</u> Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung của pháp luật, Điều lệ công ty và đảm bảo các điều kiện sau:</p> <p>b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</p> <p>c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. (<i>Bổ sung khoản 3</i>)</p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>f. Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của từ cấp quản lý Phó trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống;</p>	<p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty;</p> <p>i) Trước ngày 20 tháng 10 hằng năm, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm và dài hạn của Công ty;</p> <p>k) Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này;</p> <p>l) Ký kết hợp đồng, thoả thuận nhân danh Công ty theo thẩm quyền;</p> <p>m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
25.	Điều 38	<p>Điều 38. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là <u>ba (03) người</u>. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và đảm bảo các điều kiện sau:</p> <p>a. <u>Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;</u></p> <p>b. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	<p>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là <u>03 (Ba) người</u>. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định chế độ làm việc của <u>Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.</u></p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; (lược bỏ điểm a)</u></p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó</p>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 37 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
26.	Điều 40	<p>Điều 40. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p>	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; <u>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u></p>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 39, 40, 41 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc</p>	<p>thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao,</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		hợp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	<p>thường và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	
27.	Điều 42	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị</p>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 47 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc <u>bằng hai mươi phần trăm (20%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành</p>	<p>chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc <u>bằng 35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn <u>hai mươi phần trăm (20%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn <u>35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	
28.	Điều 44	<p>Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc</p>	<p>Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 49 Điều lệ mẫu ban hành

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	<p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
29.	Điều 49	Điều 49. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.	Điều 50. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 <u>ương lịch hàng năm.</u>	Phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
30.	Điều 50	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty	Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo,	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 55 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<p>phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	
31.	Điều 53	<p>Điều 53. Con dấu</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định <u>thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</u></p>	<p>Điều 54. Dấu của Công ty</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định <u>loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u></p>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 58 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
32.	Điều 54	<p>Điều 54. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 55. Giải thể Công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Giải thể theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>b. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty</p>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 59 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	mà không có quyết định gia hạn; c. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật	

Phụ lục II
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY;
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
I	Quy chế nội bộ về quản trị PPC		
1.	Điều 2	<p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Vai trò của ĐHĐCĐ</p> <p><u>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty; ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể được gia hạn theo quyết định của HĐQT nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
2.	Điều 2	<p>b) Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; + Báo cáo của Hội đồng quản trị; + Báo cáo của Ban kiểm soát; + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>2.1. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
3.	Điều 2	<p>- Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>2.2. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<ul style="list-style-type: none"> + Thông qua báo cáo tài chính năm; + Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; + Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; + Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; + Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; + Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; + Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; + Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; + Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông; + Quyết định giao dịch đầu tư/bán sô tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán; + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại; + Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần 	<ul style="list-style-type: none"> b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ; d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; f) Mức cổ tức đối với mỗi loại cổ phần của từng loại; g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; i) Tổng số tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết; k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>nhất; + Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; + Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát; - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán; p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; s) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của Công ty; t) Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty; u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
5.	Điều 2	<p>2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng</p>	<p>Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ 1. Thẩm quyền triệu tập ĐHCĐ 1.1. HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ thường niên, ĐHCĐ thường niên thảo luận và quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC, đặc biệt thông qua báo cáo</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính năm của PPC có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, PPC phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của PPC dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của PPC.</p> <p>1.2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>
6.	Điều 2	<p>b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp</p> <p>a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		đồng được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	đồng có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của PPC và không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
7.	Điều 2	c) Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam không chậm hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ PPC phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
8.	Điều 2	d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Khi triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường, Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông triệu tập họp theo quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty phải thông báo đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ 4.2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thông báo đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
9.	Điều 2	đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau: (Bổ sung điểm 5.4)	5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ 5.3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối những kiến nghị nêu trên thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: ... 5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
10.	Điều 2	e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông (Bổ sung điểm 6.5)	6. Việc ủy quyền cho Người đại diện và cách thức đăng ký dự họp ĐHCĐ 6.5. Các chi phí phát sinh do khiếu nại liên quan đến việc tham dự ĐHCĐ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông gây ra khi thực hiện các hành động sai trái, gian lận, cố ý sai phạm thì người khiếu nại phải bồi hoàn cho PPC.
11.	Điều 2	g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông <i>(Giữ nguyên nội dung)</i>	7. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHCĐ
12.	Điều 2	h) Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	8. Các điều kiện tiến hành họp ĐHCĐ a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</u> Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty
13.	Điều 2	k) Cách thức bỏ phiếu nếu cuộc họp có bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi bầu cử, cổ đông sử dụng phiếu bầu cử để bỏ phiếu theo một trong hai cách: - Số phiếu bầu chia đều cho các ứng cử viên. - Số phiếu bầu dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.	10. Cách thức bỏ phiếu a. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, số thẻ không có ý kiến được thu sau cùng, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. b. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>
14.	Điều 2	<p>1) Cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. - Việc kiểm phiếu do Ban kiểm phiếu tiến hành theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp theo cách thức: kiểm số phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó kiểm số phiếu biểu quyết không tán thành rồi đến số phiếu không có ý kiến; kiểm số cổ phần được bầu cho từng ứng viên (nếu cuộc họp có bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát). - Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. 	<p>11. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>11.1. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 05 (năm) người.</p> <p>11.2 Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>11.3. Trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông; b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu; c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước đại hội; đ. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ PPC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này. <p>11.4. PPC nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			phần mềm điện tử để phòng tránh sai sót. 11.5. Tất cả thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.
15.	Điều 2	<p>m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi trên 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: <ul style="list-style-type: none"> + Thông qua báo cáo tài chính năm; + Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; + Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. - Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp. - Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc: i) sửa đổi và bổ sung Điều lệ; ii) loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; iii) việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; iv) giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 	<p>12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua</p> <p>12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý PPC; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản của PPC có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của PPC; đ. Tổ chức lại, giải thể PPC. e. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ. <p>12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ quy định tại khoản 12.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>12.3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PPC.</p>
16.	Điều 2	<p>l) Cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả</p>	<p>13. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trưởng ban Kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	b. Biên bản kiểm phiếu được công bố trên trang thông tin điện tử của PPC trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
17.	Điều 2	o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <i>(Giữ nguyên nội dung)</i>	14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ
18.	Điều 2	p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông - <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u> - <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u> - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ 15.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
19.	Điều 2	q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc công bố nghị quyết, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các thông tin khác có liên quan ra công chúng theo quy định tại điều 109 luật Chứng khoán, thông tư Số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định khác của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	16. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ a. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của PPC trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua. b. PPC tổ chức công bố thông tin về cuộc họp ĐHĐCĐ theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
20.	Điều 2	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua	Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>ng nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p> <p>b) Việc đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến được thực hiện trước khi diễn ra Đại hội và/hoặc trước mỗi nội dung cần biểu quyết, bỏ phiếu hoặc theo quy định khác của Công ty (nếu có).</p>	<p>2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được quy định cụ thể trong thông báo mời họp.</p>
21.	Điều 2.	c) Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.	<p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Quy chế này.</p>
22.	Điều 2.	d) Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 2 điều 2 của quy chế này hoặc các tài liệu hướng dẫn khác của Công ty (nếu có).	<p>4. Điều kiện tiến hành Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 của Quy chế này hoặc các tài liệu hướng dẫn khác của Công ty (nếu có).</p>
23.	Điều 2.	đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại điểm i khoản 2 điều 2 của Quy chế này.	<p>5. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 của Quy chế này.</p>
24.	Điều 2.	e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến <u>Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi bầu cử có thể bỏ phiếu bầu cử ngay trên nền tảng phần mềm tiến hành Đại hội theo một trong hai cách:</u> <u>- Số phiếu bầu chia đều cho các ứng cử viên.</u> <u>- Số phiếu bầu dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</u> <u>Hoặc theo quy định khác của Công ty (nếu có).</u>	<p>6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến Cách thức bỏ phiếu trực tuyến sẽ được Chủ tọa hướng dẫn cụ thể trong cuộc họp trước thời điểm bỏ phiếu.</p>
25.	Điều 2.	f) Cách thức kiểm phiếu <u>Việc kiểm phiếu được thực hiện tự động ngay trên nền tảng phần mềm tiến hành Đại hội và phải được lập thành biên bản.</u>	<p>7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến Cách thức kiểm phiếu trực tuyến sẽ được Chủ tọa làm rõ trong cuộc họp trước thời điểm bỏ phiếu.</p>
26.	Điều 2.	i) Việc lập biên bản tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	<p>9. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		được thực hiện như đối với việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.	Việc lập biên bản tại ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện như đối với việc lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tiếp được quy định tại khoản 15 Điều 4 của Quy chế này.
27.	Điều 2.	<p>5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p> <p>d) Điều kiện tiến hành Đại hội là kết quả cộng dồn số cổ đông dự họp trực tiếp và cổ đông dự họp trực tuyến đại diện cho trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng các điều kiện khác được quy định tại điểm h khoản 2 điều 2 của quy chế này.</p>	<p>Điều 7. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p> <p>4. Điều kiện tiến hành</p> <p>Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 của Quy chế này và số cổ đông dự họp được tính bằng tổng số cổ đông dự họp trực tiếp và trực tuyến.</p>
28.	Điều 2.	<p><u>đ) Các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và trực tuyến:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;</u> - <u>Định hướng phát triển công ty;</u> - <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> - <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> - <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</u> - <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> - <u>Tổ chức lại, giải thể công ty.</u> 	<p>5. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 của Quy chế này.</p>
29.	Điều 2.	<p>e) <u>Cách thức bỏ phiếu trực tuyến</u></p> <p><u>Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi bầu cử có thể bỏ phiếu bầu cử ngay trên nền tảng phần mềm tiến hành Đại hội theo một trong hai cách:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Số phiếu bầu chia đều cho các ứng cử viên.</u> - <u>Số phiếu bầu dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu</u> 	<p>6. Cách thức bỏ phiếu</p> <p>Cách thức bỏ phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 4 và khoản 6 Điều 6 của Quy chế này hoặc theo quy định khác của PPC.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p><u>của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</u> <u>Hoặc theo quy định khác của Công ty (nếu có).</u></p>	
30.	Điều 2.	<p>f) Cách thức kiểm phiếu Việc kiểm phiếu được thực hiện tự động ngay trên nền tảng phần mềm tiến hành Đại hội và phải được lập thành biên bản.</p>	<p>7. Cách thức kiểm phiếu Cách thức kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 4 và khoản 7 Điều 6 của Quy chế này hoặc theo quy định khác của PPC.</p>
31.	Điều 2.	<p>i) Việc lập biên bản tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như đối với việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.</p>	<p>9. Lập biên bản họp ĐHCĐ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 4 của Quy chế này.</p>
32.	Điều 3.	<p>Điều 3. Hội đồng quản trị</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. - Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ 	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của PPC phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý PPC, có toàn quyền nhân danh PPC để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ PPC, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHCĐ.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; + Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; + Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; + Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác; + Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; + Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; + Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; + Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông; + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; + Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; + Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; + Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; 	<p>khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; k) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>+ Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>+ Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>+ Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>+ Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p> <p>- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>+ Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>+ Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>+ Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>+ Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>+ Việc vay nợ, cho vay và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; Thông qua các hợp đồng mua bán điện thương phẩm với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hợp đồng khác có giá trị từ 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng trở lên;</p> <p>+ Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách từ 500 triệu đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>+ Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các</p>	<p>n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>q) Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.</p> <p>r) Quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty;</p> <p>s) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu;</p> <p>t) Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật;</p> <p>u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>33. 3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; + Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng; + Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; + Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. <p>- Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>- Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
34.	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị Bổ sung khoản 4	<p>4. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên HĐQT</p> <p>4.1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ PPC, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của PPC.</p> <p>4.2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PPC, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của PPC; b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa PPC, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa PPC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của PPC theo quy định của pháp luật. <p>4.3. PPC có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ PPC.</p>
35.	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị	Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 5 đến 7 người, số lượng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	<p>thành viên HĐQT</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (Bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (Năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>
36.	<p>- Điều chỉnh cấu trúc điều khoản</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung nội dung</p>	<p>b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật.</p> <p><u>- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u></p> <p><u>+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</u></p> <p><u>+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.</u></p> <p><u>+ Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</u></p> <p><u>+ Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý</u></p>	<p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT</p> <p>a. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PPC và các quy định pháp luật có liên quan.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p><u>khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý.</u></p> <p><u>- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây , trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</u></p> <p><u>+ Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</u></p> <p><u>+ Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.</u></p> <p><u>+ Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</u></p> <p><u>+ Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</u></p> <p><u>+ Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</u></p> <p><u>- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định nêu trên và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều</u></p>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p><u>kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</u></p>	
37.	<p>- Điều chỉnh cấu trúc điều khoản - Sửa đổi, nội dung</p>	<p><u>c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên. - Không thực hiện việc tự ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị. - Việc đề cử ứng viên vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị phải được lập thành văn bản và gửi đến Hội đồng Quản trị đương nhiệm - Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Thủ tục Hội đồng 	<p>3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT</p> <p>a. Ứng cử, đề cử vào HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 25 Điều lệ PPC có quyền đề cử các ứng viên HĐQT.</p> <p>b. Ứng viên HĐQT sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lệ của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nếu được bầu làm thành viên HĐQT. ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	
38.	<p>- Điều chỉnh cấu trúc điều khoản - Sửa đổi, Bổ sung nội dung</p>	<p>d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị Việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông giới thiệu danh sách đề cử để Đại hội đồng thống nhất thông qua, Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt dự họp và tiến hành bầu cử, kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị. Người trúng cử vào Hội đồng Quản trị phải là người có tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 điều 3 của Quy chế này và phải đạt được trên 51% Cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>4. Cách thức bầu thành viên HĐQT</p> <p>4.1. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>4.2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt; có đóng dấu PPC.</p> <p>4.3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.</p> <p>4.4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp ĐHĐCĐ. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào HĐQT, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện, cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.</p> <p>4.5. Ghi phiếu bầu:</p> <p>a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu.</p> <p>b. Trường hợp ghi sai, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác (việc đổi Phiếu này được tiến hành trước khi kết thúc bầu cử);</p> <p>c. Ký xác nhận việc thực hiện bầu.</p> <p>4.6. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>nhiều trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Phiếu không theo mẫu quy định của PPC, không có dấu của PPC; b. Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; c. Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết bầu cử đã bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết bầu cử được bầu của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền); d. Phiếu bầu không ghi số lượng phiếu biểu quyết bầu cho ít nhất một ứng cử viên; đ. Phiếu bầu vượt phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua. <p>4.7. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu không quá 05 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT; b. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên bầu HĐQT, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội. <p>4.8. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông; b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;</p> <p>d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.</p> <p>4.9. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu của cổ đông có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên HĐQT, trong đó đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC.</p> <p>4.10. Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT theo quy định, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu.</p> <p>4.11. Trong trường hợp phải lựa chọn 01 (một) trong 02 (hai) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì:</p> <p>a. Nếu ứng viên là cổ đông thì ứng viên nào đang nắm giữ số cổ phần nhiều hơn hoặc đại diện chủ sở hữu nắm giữ cổ phần nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu biểu quyết bầu cao hơn;</p> <p>b. Nếu ứng viên không phải là cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ được xem xét ưu tiên chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.</p> <p>4.12. Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT hoặc thành viên độc lập HĐQT thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.</p> <p>4.13. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>a. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào HĐQT; danh sách thành viên HĐQT trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu biểu quyết bầu từ cao xuống thấp;</p> <p>b. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.</p> <p>4.14. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHCĐ thông qua.</p>
39.	Điều 3	đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; Thay thế bằng điều khoản tham chiếu	<p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT</p> <p>5.1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 26 của Điều lệ PPC.</p>
40.	Điều 3	e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	<p>6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ PPC và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của PPC kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và, hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>
41.	Điều 3	g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	<p>7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT</p> <p>42. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>- Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được giới thiệu bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; + Trình độ học vấn; + Trình độ chuyên môn; + Quá trình công tác; + Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; + Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; + Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); + Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); + Các thông tin khác (nếu có) về tỉ lệ số lượng đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty. 	<p>quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác) f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). j. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
43.	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 10. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT 44. 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>- Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>- Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc</p>	<p>Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>45. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>46. 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>47. 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>48. 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .	49. 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
50.	Điều 3	<p>Điều 3. Hội đồng quản trị</p> <p>4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</u></p>	<p>Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT bao gồm các nội dung chính sau đây</p> <p>1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p>
51.	Điều 3	<p>b) Các trường họp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm soát; - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; - Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; - Các trường họp khác (nếu có). 	<p>2. Các trường họp phải triệu tập họp HĐQT bất thường</p> <p>52. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị; d) Trường họp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).
53.	Điều 3	<p>c) Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng 	<p>3. Thông báo họp HĐQT</p> <p>54. a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. - Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty. - Cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tổ chức tại địa chỉ đã đăng ký của công ty, hoặc có thể sẽ được tổ chức tại địa chỉ khác ở Việt nam hoặc ở nước ngoài hoặc có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của đa số thành viên Hội đồng Quản trị, đảm bảo rằng địa điểm đó là thuận lợi nhất cho việc tổ chức họp; 	<p>này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.</p> <p>55. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>c. Thành viên HĐQT nếu như không nhận được và, hoặc không tiếp cận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của HĐQT có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ tổ chức lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</p>
56.	Điều 3	<p>d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>4. Quyền dự họp HĐQT của Kiểm soát viên</p> <p>Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết</p>
57.	Điều 3	<p>đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. - Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy 	<p>5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT</p> <p>a. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</p> <p>b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại điểm b của khoản này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm với những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại điểm b của khoản này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>- Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>(bảy) ngày kể từ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị ngày dự định họp lần thứ nhất Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm với những thiệt hại xảy ra đối với PPC, những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp HĐQT.</p>
58.	Điều 3	<p>e) Cách thức biểu quyết;</p> <p>- Trừ quy định tại mục 2 điểm này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điểm c khoản này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>- Thành viên hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>- Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 31 Điều lệ</p>	<p>6. Cách thức biểu quyết của HĐQT</p> <p>a. Ngoài việc tham gia biểu quyết trực tiếp, thành viên HĐQT có thể gửi Phiếu biểu quyết thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua thư thì phiếu biểu quyết này phải được đựng trong phong bì dán kín và chuyển tới Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>b. Trong các cuộc họp trực tuyến, qua điện thoại, các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>công ty hoặc quy định dưới đây, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó; - Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên. - Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người 	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
59.	Điều 3	<p>dự họp.</p> <p>g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>- Cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>+ Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>+ Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp này và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>- Nghị quyết bằng văn bản thông qua tại cuộc họp HĐQT phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội</p>	<p>7. Cách thức thông qua và phản đối nghị quyết của HĐQT</p> <p>7.1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>7.2. Cuộc họp của HĐQT tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe các thành viên tham dự khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>7.3. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>7.4. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>7.5. Thành viên HĐQT có quyền phản đối nghị quyết của</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>đồng Quản trị sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị; + Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu để tiến hành họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy chế này; <p>Nghị quyết loại này có thể được thông qua bằng việc sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. 	<p>HĐQT bằng các yêu cầu, Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến HĐQT nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.</p> <p>7.6. Trong mọi trường hợp, thành viên HĐQT vẫn phải tuân thủ nghị quyết của HĐQT cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy nghị quyết của HĐQT.</p>
60.	Điều 3	<p>i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây: + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của công ty; + Mục đích, chương trình và nội dung họp; + Thời gian, địa điểm họp; + Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp, lý do; + Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; + Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp; 	<p>9. Lập biên bản họp HĐQT</p> <p>9.1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích, chương trình và nội dung họp; c. Thời gian, địa điểm họp; d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<ul style="list-style-type: none"> + Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không ý kiến; + Các vấn đề đã được thông qua; + Họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản; - Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. - Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị; - Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. - Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> h. Các vấn đề đã được thông qua; i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên HĐQT tham dự họp và biểu quyết. <p>9.2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.</p> <p>9.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của PPC. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt (có thể được lập thêm tiếng Anh). Biên bản có chữ ký của Chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và biểu quyết.</p>
61.	Điều 3	k) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực.	<p>10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp HĐQT</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.</p>
62.	Điều 3	<ul style="list-style-type: none"> l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. - Các nghị quyết Hội đồng Quản trị phải được thông báo tới từng thành viên Hội đồng Quản trị; - Tuỳ từng Nghị quyết, quyết định Hội đồng Quản trị mà công ty phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 	<p>11. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT</p> <p>PPC có trách nhiệm công bố, thông báo thông tin về nghị quyết, quyết định của HĐQT trong nội bộ PPC và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) và trên trang thông tin điện tử của PPC theo trình tự và quy định của pháp luật doanh</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		109 Luật Chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định khác của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
63.	Điều 3	<p>5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: + Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định ít nhất ba (03) người, Các thành viên trong Tiểu ban không nhất thiết phải là thành viên HĐQT, nhiệm kỳ của các tiểu ban là không quá 5 năm + Cơ cấu của các tiểu ban bao gồm thành viên của hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. 	<p>Điều 12. Các tiểu ban thuộc HĐQT</p> <p>2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc HĐQT</p> <p>2.1. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc HĐQT.</p> <p>a. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.</p> <p>b. HĐQT quy định chi tiết về trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được bổ nhiệm phụ trách các tiểu ban này.</p> <p>c. Trưởng của một tiểu ban phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Thông báo cho HĐQT biết về tất cả các vấn đề quan trọng liên quan đến công việc của Tiểu ban, ít nhất 03 (ba) tháng một lần; ii. Thực hiện những biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo rằng tiểu ban hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
64.	Điều 3	c) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	<p>3. Hoạt động của tiểu ban thuộc HĐQT</p> <p>a. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.</p> <p>b. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>quy định tại Điều lệ PPC sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.</p> <p>c. Tiểu ban có trách nhiệm soạn thảo quy định, nguyên tắc hoạt động của tiểu ban trong đó bao gồm các quy định chi tiết về hoạt động hợp, các nhiệm vụ và trách nhiệm báo cáo cùng các vấn đề khác để trình HĐQT phê duyệt.</p>
65.	Điều 3	<p>6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>(Bổ sung khoản 4)</p> <p>(Bổ sung điểm h, khoản 5)</p>	<p>Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC</p> <p>2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị PPC</p> <p>a. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị PPC để hỗ trợ hoạt động quản trị PPC được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị PPC có thể kiêm nhiệm làm Thư ký PPC theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị PPC do HĐQT quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.</p> <p>b. Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị PPC: Các thông tin về ứng viên có thể bao gồm nhưng không giới hạn việc tóm tắt quá trình học tập, quá trình công tác, các mối quan hệ với các thành viên trong PPC, số lượng cổ phiếu của PPC đang nắm giữ, xác nhận không có tiền án, tiền sự, ...</p> <p>4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC</p> <p>PPC phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC trong nội bộ PPC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của PPC theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị PPC</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>
66.	Điều 4.	Điều 4. Ban Kiểm soát	CHƯƠNG IV

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>b) Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; - Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông; - Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 	<p style="text-align: center;">BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của Kiểm soát viên</p> <p>2. BKS có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của PPC; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của PPC, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; c. Giám sát tình hình tài chính PPC, việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác; d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông; đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ PPC của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của PPC lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và người lao động của PPC trong giờ làm việc.</p> <p>i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của PPC.</p> <p>k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC.</p>
67.	Điều 4.	Điều 4. Ban Kiểm soát (Bổ sung khoản 3)	<p>3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên</p> <p>a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ PPC, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của PPC.</p> <p>c. Trung thành với lợi ích của PPC và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của PPC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>d. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC.</p> <p>đ. Trường hợp vi phạm quy định tại các nội dung nêu trên mà gây thiệt hại cho PPC hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho PPC.</p> <p>e. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
68.	Điều 4.	<p>2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát</p> <p>a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</p> <p>Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên</p> <p>1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên</p> <p>a. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng Ban kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>b. Các Kiểm soát viên bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</p>
69.	Điều 4.	<p>b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>- <u>Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước;</u></p>	<p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên</p> <p>70. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p><u>không phải là người lao động của công ty;</u> - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	
71.	Điều 4.	<p>c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát; - <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</u> + <u>Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u> + <u>Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u> + <u>Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu</u></p>	<p>3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên 72. a) Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này. 73. b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	
74.	Điều 4.	<p>d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông giới thiệu danh sách đề cử để Đại hội thống nhất thông qua, Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt dự họp và tiến hành bầu cử, kiểm phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát. Người trúng cử vào Ban kiểm soát phải là người có tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 điều 4 của Quy chế này và phải đạt được trên 51% cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. - Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. - Cách thức bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (thực hiện biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng văn bản) để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong 	<p>4. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>a. Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>b. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ (thực hiện biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng văn bản) để bầu bổ sung Kiểm soát viên trong trường hợp số Kiểm soát viên bị giảm một phần ba so với số quy định tại Điều lệ PPC. Trường hợp này HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm một phần ba.</p> <p>c. Trình tự cách thức bầu, phiếu bầu, cách thức ghi phiếu bầu, phiếu hợp lệ và không hợp lệ, đề cử Ban bầu cử và kiểm phiếu, kết quả bầu cử được thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này.</p> <p>d. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba	
75.	Điều 4.	đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 37 Điều lệ PPC.
76.	Điều 4.	e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Việc công bố nghị quyết, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ra công chúng theo quy định tại Điều 109 Luật Chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định khác của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ PPC và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của PPC kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và/hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
77.	Điều 4.	g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	7. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: 78. a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 79. b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 80. c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
81.	Điều 5.	<p>Điều 5. Tổng Giám đốc Công ty</p> <p>1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Công ty</p> <p>a) Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>	<p>CHƯƠNG V</p> <p>TỔNG GIÁM ĐỐC</p> <p>Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc</p> <p>Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p>
82.	Điều 5.	<p>a) Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; - Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; - Kiến nghị số lượng người điều hành và các chức danh quản lý từ cấp trưởng phòng hoặc tương đương trở lên để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác để Hội đồng quản trị quyết định; - Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều 	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của TGD:</p> <p>83. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty; i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của từ cấp Phó trưởng hoặc tương đương trở xuống;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước ngày 05 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty; - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty. 	<p>của Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> j. Trước ngày 20 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm; k. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này; l. Ký kết hợp đồng, thoả thuận nhân danh Công ty theo thẩm quyền; m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
84.	Điều 5.	<p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc</p> <p>a) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quyết định khác. Việc bổ nhiệm này hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Điều lệ Công ty hay trong Hợp đồng lao động và có thể được tái bổ nhiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: <p>Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều</p>	<p>Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc</p> <p>1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGD</p> <p>85. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và tiêu chuẩn, Điều lệ Công ty và, hoặc Quy chế về công tác cán bộ của Công ty (nếu có).</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>kiện theo quy định chung của pháp luật, Điều lệ công ty và đảm bảo các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ; + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. + Phải có đủ các tiêu chuẩn quy định trong quy chế về công tác cán bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty ban hành. 	
86.	Điều 5.	<p>b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Các thành viên HĐQT có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì HĐQT có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt,...) để lựa chọn người được bổ nhiệm. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. TGDĐ bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định của Tập đoàn, Tổng công ty và Công ty</p> <p>c) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc, Hội</p>	<p>2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm TGDĐ HĐQT có thể miễn nhiệm TGDĐ khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGDĐ mới thay thế.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>đồng Quản trị sẽ ký hợp đồng lao động trong đó sẽ quy định rõ: Thời gian, mức lương, lợi ích, nghĩa vụ và các điều khoản khác liên quan tới việc tuyển dụng; Tổng Giám đốc không phải là Chủ tịch Hội đồng Quản trị;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc ký kết hợp đồng trên phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của công ty. <p>d) Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này + Có đơn xin từ chức và đã gửi tới Hội đồng Quản trị; - Các trường hợp khác được quy định trong Điều lệ công ty và luật doanh nghiệp; - Ngoài các trường hợp quy định trên, còn có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào khi mà có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (<i>không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc</i>); các cán bộ này có quyền phản đối quyết định của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông kế tiếp. 	
87.		<p>c) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị sẽ ký hợp đồng lao động trong đó sẽ quy định rõ: Thời gian, mức lương, lợi ích, nghĩa vụ và các điều khoản khác liên quan tới việc tuyển dụng; Tổng Giám đốc không phải là Chủ tịch Hội đồng Quản trị;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc ký kết hợp đồng trên phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của công ty. 	<p>3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với TGD HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong số thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, phụ cấp, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của TGD phải được báo cáo tại ĐHCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của PPC.</p>
88.	Điều 5.	<p>d) Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với TGD TGD bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<ul style="list-style-type: none"> + Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này + Có đơn xin từ chức và đã gửi tới Hội đồng Quản trị; - Các trường hợp khác được quy định trong Điều lệ công ty và luật doanh nghiệp; - Ngoài các trường hợp quy định trên, còn có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào khi mà có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (<i>không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc</i>); các cán bộ này có quyền phản đối quyết định của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông kế tiếp. 	Doanh nghiệp.
89.	Điều 5.	<p>đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc</p> <p>Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc này nếu pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có quy định phải công bố thông tin.</p>	<p>5. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD</p> <p>Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD theo quy định tại Điều lệ PPC và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của PPC kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và/hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>
90.	Điều 5.	<p>e) Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>6. Tiền lương và lợi ích khác của TGD</p> <p>HDQT quyết định việc trả lương, thưởng cho TGD theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của TGD được tính vào chi phí kinh doanh của PPC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của PPC và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.</p>
91.	Điều 6	<p>Điều 6. Các hoạt động khác</p> <p>1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:</p> <p>c) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG VI</p> <p style="text-align: center;">CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</p> <p>Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa HDQT, BKS và TGD</p> <p>3. Các trường hợp TGD và BKS đề nghị triệu tập họp HDQT và những vấn đề cần xin ý kiến HDQT</p> <p>a. Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa TGD và HDQT.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị: <ul style="list-style-type: none"> + Khi có yêu cầu của một nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ; + Có bằng chứng cho thấy cần phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị nếu không sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của công ty; + Có đầy đủ bằng chứng cho rằng Hội đồng Quản trị thực hiện nghị quyết của mình có thể sẽ ảnh hưởng lợi ích của công ty, vi phạm pháp luật Nhà nước; + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. - Các trường hợp Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát xin ý kiến của Hội đồng Quản trị: <ul style="list-style-type: none"> + Ban kiểm soát có thể ban hành các quyết định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát, nhưng phải sau khi đã tham khảo, xin ý kiến của Hội đồng Quản trị; + Tổng Giám đốc phải thực hiện xin ý kiến của Hội đồng Quản trị trừ trường hợp mà pháp luật và Điều lệ quy định Tổng Giám đốc không phải xin ý kiến như: Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị; tuyển dụng lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh theo phương án đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và một số trường hợp khác theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> b. Khủng hoảng mà việc xử lý vượt thẩm quyền của TGD. c. Các giao dịch mà TGD là một bên liên quan. d. Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT. đ. Các nội dung vượt thẩm quyền theo uỷ quyền của HĐQT đối với TGD.
92.	Điều 6	d) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:	4. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao <ul style="list-style-type: none"> a. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện báo cáo với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông; các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện báo cáo với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và khi có yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; - Một số trường hợp khác mà Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	<p>và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT, bao gồm các nội dung chính về kết quả hoạt động của PPC: sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư xây dựng, quản trị PPC, tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT.</p> <p>b. TGD cung cấp thông tin bằng hình thức phù hợp khi thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của PPC theo đúng quy định của pháp luật.</p>
93.	Điều 6	<p>h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành và giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong pháp luật và Điều lệ công ty; - Việc phối hợp này nhằm tránh sự xung đột về quyền và nghĩa vụ đảm bảo lợi ích cao nhất của công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật. 	<p>7. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS</p> <p>7.1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên một cách đồng thời; b. Các nghị quyết của HĐQT được đồng thời gửi đến BKS với thời điểm gửi đến TGD trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ PPC; c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của PPC, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ PPC; d. Các nội dung khác cần lấy ý kiến của BKS phải được gửi trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc và BKS phản hồi trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày BKS nhận được đề nghị; đ. HĐQT phải tạo điều kiện để BKS của PPC phát huy tác dụng của công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của BKS, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch khắc phục và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan.</p> <p>7.2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT:</p> <p>a. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;</p> <p>b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện công ty kiểm toán viên độc lập, khi cần thiết, tham dự họp chung và họp riêng để trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;</p> <p>c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản, nhưng không trễ hơn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý PPC. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ gần nhất;</p> <p>d. Trường hợp BKS phát hiện có thành viên HĐQT vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và/hoặc quy định tại Điều lệ PPC thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>đ. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của PPC thì BKS phải gửi trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày HĐQT nhận được đề nghị;</p> <p>e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc và HĐQT phản hồi</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày HĐQT nhận được đề nghị.</p> <p>8. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD</p> <p>a. HĐQT và các thành viên HĐQT không can thiệp vào hoạt động kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Ban điều hành.</p> <p>b. HĐQT thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để TGD hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>c. HĐQT có quyền tham gia vào tất cả các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban Điều hành, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.</p> <p>d. HĐQT thực hiện giám sát công tác điều hành của TGD và TGD thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của HĐQT, Điều lệ PPC.</p> <p>đ. TGD điều hành hoạt động hàng ngày của PPC theo nghị quyết, quyết định của HĐQT và chịu trách nhiệm chỉ đạo, nghiên cứu và quyết định các biện pháp điều hành thực hiện có kết quả các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong điều hành hàng ngày hoạt động sản xuất kinh doanh; chịu sự giám sát của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của PPC.</p> <p>e. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho TGD về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ PPC.</p> <p>g. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT (sau khi có ý kiến của Chủ tịch HĐQT) có quyền yêu cầu TGD, người quản lý doanh nghiệp trong PPC cung cấp các thông tin về hoạt động của PPC. Yêu cầu có thể bằng văn bản hoặc bằng email và gửi cho TGD hoặc gửi trực tiếp cho cán bộ quản lý trước ít nhất 24 giờ, cán bộ quản lý có trách nhiệm báo cáo TGD trước khi cung cấp.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>h. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC do TGD đề trình, HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ PPC.</p> <p>i. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD.</p> <p>k. TGD có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hoả hoạn, sự cố bất ngờ, ... nhưng phải báo cáo HĐQT ngay, trong vòng 1 giờ thông tin bằng điện thoại, tin nhắn, báo cáo bằng văn bản trong vòng 1 ngày kể từ khi xảy ra sự việc; và chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHCĐ về các quyết định đó.</p> <p>l. Khi nhận thấy các Quyết định của HĐQT trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền của cổ đông, TGD phải có báo cáo ngay bằng văn bản với HĐQT và BKS.</p> <p>m. Các nội dung trình HĐQT để HĐQT có ý kiến được gửi trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày.</p> <p>n. Đối với các nội dung có trong kế hoạch năm, HĐQT đã phê duyệt, thông qua thì Ban điều hành chủ động triển khai và báo cáo kết quả thực hiện mà không phải trình lại chi tiết khi triển khai (như công tác tuyển dụng, điều động, triển khai các khóa đào tạo,...).</p> <p>o. Bộ máy giúp việc của PPC, Phó Tổng Giám đốc PPC có trách nhiệm tham mưu cho HĐQT và TGD PPC theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.</p> <p>9. Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD</p> <p>a. Trong các cuộc họp của BKS, khi cần thiết, BKS có quyền đề nghị TGD, thành viên HĐQT có liên quan, và đại diện công ty kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			<p>b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản và kết luận phải gửi cho TGD muộn nhất trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra để có thêm cơ sở giúp TGD trong công tác quản lý PPC. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS có thể tham khảo ý kiến của TGD trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất.</p> <p>c. Trường hợp BKS phát hiện TGD vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và/hoặc vi phạm Điều lệ PPC thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu TGD cung cấp hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ PPC. Ngoài ra, Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của PPC tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.</p> <p>đ. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến PPC trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ.</p> <p>e. Các nội dung khác cần lấy ý kiến của TGD: phải được gửi trước ít nhất là 05 (năm) ngày làm việc và TGD sẽ xem xét và phản hồi trong vòng 05 (năm) ngày làm việc.</p>
94.	Điều 6	<p>2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác: (Giữ nguyên nội dung)</p>	Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
II.	Quy chế hoạt động của HĐQT PPC		
1.	Điều 9	Điều 9. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có <u>từ 5 đến 7 người</u> . 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị <u>không quá 05 năm (là 05 năm)</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	1. Hội đồng quản trị có 07 (Bảy) người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là <u>05 (năm) năm</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2.	Điều 10	Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: d) <u>Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;</u>	d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ EVNGENCO2;
3.	Điều 11	Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; ... - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		nghiệp và Điều lệ công ty.	
4.	Điều 12	Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.	a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) <u>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> c) <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u> d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
5.	Điều 13	Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thực hiện theo quy định trong điều lệ của Công ty hiện hành.	1. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</u> a) <u>Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u> b) <u>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</u>
6.	Điều 15	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và <u>người quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định</u>; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; 	<p>27 Điều lệ công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung thêm điều khoản quy định: <i>“Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật”</i>
7.	Điều 19	<p>Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (<u>trên 51%</u>); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>
8.	Điều 21	<p>Điều 21. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và <u>bằng tiếng nước ngoài</u> có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và <u>bằng tiếng nước ngoài</u> thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	<p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và <u>bằng tiếng Anh</u> có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và <u>bằng tiếng Anh</u> thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>
9.	Điều 26	<p>Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành</p> <p>1. HĐQT lãnh đạo Ban điều hành Công ty thực hiện việc quản lý điều hành bộ máy quản lý để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty bằng các Nghị quyết, chỉ thị trên cơ sở Nghị quyết và các định hướng của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, có quyền yêu cầu Tổng</p>	<p>Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<p>Giám đốc cung cấp các thông tin trong điều hành.</p> <p>6. Tổng Giám đốc ký duyệt:</p> <p>d) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, ... Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống sau khi được HĐQT thống nhất chủ trương nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt cơ cấu và định biên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt/ thông qua;</p>	



EVN GENCO2
TPC PHA LAI

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI**

*(Được sửa đổi, bổ sung và thông qua
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)*

Hải Dương, tháng 6 năm 2024

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày 10 tháng 06 năm 2024

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;

e. "Người điều hành công ty" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

f. "Người điều hành khác" là người được Hội đồng quản trị phê chuẩn trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc bao gồm Trưởng, phó trưởng các đơn vị Văn phòng, các phòng nghiệp vụ, các phân xưởng và cấp tương đương;

g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h. "Người có quan hệ gia đình" là cá nhân được quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 2 Điều lệ này;

k. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

l. "Công ty" là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định và văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI

- Tên tiếng Anh: PHA LAI THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY.

- Tên viết tắt: **PPC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Km 28 quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 0220 3881126

- Fax: 0220 3881338

- E-mail: plpc@ppc.evn.vn

- Website: www.ppc.evn.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.
2. Trường hợp chưa có Tổng Giám đốc thì người được giao quyền Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Sản xuất điện	3511
2.	Truyền tải và phân phối điện (bao gồm bán buôn, bán lẻ điện)	3512
3.	Xây dựng công trình điện	4221
4.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện	4293
5.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện, lò hơi	7120
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker); Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...)	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, tro, xỉ, thạch cao. Bán buôn nhiên liệu, nguyên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện, (Trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước	4669

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).	
12.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
13.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Hiệu chỉnh tuabin nhà máy nhiệt điện	3312
14.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
15.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, nâng cấp, cải tạo thiết bị điện, công trình điện	3314
16.	Giáo dục khác chưa phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý thiết bị, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.	8559
17.	Hoạt động bảo vệ tư nhân: Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ	8010
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
21.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
22.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
23.	Thu gom rác thải độc hại	3812
24.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
25.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
26.	Tái chế phế liệu	3830
27.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
28.	Đấu giá hàng hóa	46103
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ	5225
30.	Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở	68103
31.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
32.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Chi tiết: cơ khí điện lực	2592
34.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện, các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo	6491
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
37.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
38.	Hoạt động tư vấn quản lý: Chi tiết: - Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công các công trình nguồn điện - lưới điện;	7020

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công các công trình viễn thông và công nghệ thông tin; - Tư vấn thẩm định, thẩm tra chuyên ngành về hoạt động điện lực	
39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt các thiết bị cơ nhiệt, điện lạnh, thiết bị điện, các trạm biến áp, các nhà máy điện.	3320
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Vận hành thuê các nhà máy điện	8299

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận. Phân đầu đảm bảo lợi ích cho công ty và cổ đông;
- Phân đầu và duy trì đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;
- Đảm bảo thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, chú trọng đến công tác phát triển nguồn điện.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 3.107.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba nghìn một trăm linh bảy tỷ đồng*); Sau khi phát hành thêm cổ phiếu thưởng 5%, hiện tại vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 326.235.000 cổ phần (*ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (*mười nghìn đồng một cổ phần*).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông khi phát hành thêm, phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ

đồng đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo lãi suất tiền gửi 12 (mười hai) tháng bình quân của các Ngân hàng thương mại cổ phần: Vietcombank, Vietinbank, Agribank và BIDV vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ

phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này; việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

(i) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

(ii) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ

phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổ chức là cổ đông của Công ty: có sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 10% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ trên 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;
8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
9. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp;
10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp

Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

f. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

g. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

h. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu

tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

i. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- h. Tổng số tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;
- i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- j. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n. Quyết định giao dịch đầu tư, bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p. Chấp thuận việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r. Quyết định thay đổi vốn điều lệ của Công ty;

s. Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30

(ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp đại hội lần thứ hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn

đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy

bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong trường hợp này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

j. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa 09 (chín) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa 09 (chín) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là **07 (bảy) người**.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là **05 (năm) năm** và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức và được chấp nhận;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường và phát triển công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

r. Phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Công ty;

s. Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu;

t. Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật;

u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức danh Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ về quản trị Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội

đồng quản trị chấp thuận. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp

nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản và thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và biểu quyết.

17. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, ít nhất là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, 01 (một) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty ... và, hoặc Quy chế về công tác cán bộ của Công ty (nếu có).

3. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty;

i. Trước ngày 20 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm và dài hạn của Công ty;

j. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này;

k. Ký kết hợp đồng, thoả thuận nhân danh Công ty theo thẩm quyền;

l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại hội cổ đông xem xét, quyết định chế độ làm việc của Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, căn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên,

hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc

này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu

trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 54. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- b. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- c. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc

giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại nhất trí thông qua ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở chính Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HĐQT

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	5
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	7
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	23
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	32
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	37
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	38
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 34. Người điều hành công ty	39
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.	39
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	41
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	41
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	42
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	42
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	43
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	44
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	44
Điều 42. Trách nhiệm căn trọng.....	44
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	45
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	46
CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.	47

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	47
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN CÔNG ĐOÀN	48
Điều 46. Công nhân viên và Công đoàn	48
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	48
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	48
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	49
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	49
Điều 49. Năm tài chính	49
Điều 50. Chế độ kế toán	49
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	50
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý.....	50
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	50
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	50
Điều 53. Kiểm toán	50
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA CÔNG TY	51
Điều 54. Dấu của Công ty	51
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THẺ CÔNG TY	51
Điều 55. Giải thẻ Công ty	51
Điều 56. Thanh lý.....	51
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	52
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	52
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	53
Điều 58. Điều lệ công ty	53
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC.....	53
Điều 59. Ngày hiệu lực	53



EVN GENCO2
TPC PHA LAI

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI**

Hải Dương, tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 5. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT	5
Điều 6. Chế độ hội họp và đi công tác của các thành viên HĐQT	5
Điều 7. Điều kiện và chi phí làm việc của các thành viên HĐQT.....	6
Điều 8. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT	6
Điều 9. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	11
CHƯƠNG III.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	12
Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyet, ký kết hợp đồng giao dịch	15
Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	15
Điều 18. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	16
CHƯƠNG IV.CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị	17
Điều 20. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị.	19

Điều 21. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	19
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	21
Điều 22. Trình báo cáo hằng năm.....	21
Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan.....	22
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành.....	23
Điều 27. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.	23
Điều 28. Bộ máy giúp việc HĐQT	24
Điều 29. Hiệu lực thi hành.....	25

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và bảo đảm lợi ích của Công ty.

3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến và hoạt động của mình có liên quan đến lợi ích của Công ty;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
5. Các thành viên HĐQT có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về các hoạt động của Công ty.
6. Chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT

1. HĐQT phân công, ủy quyền cho từng thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác của Công ty. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên HĐQT về các mặt công tác được quy định trong các văn bản thuộc từng lĩnh vực hoạt động của Công ty. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách có trách nhiệm phản ánh với Chủ tịch HĐQT để thống nhất hướng giải quyết.
2. Chủ tịch HĐQT trực tiếp phụ trách các mặt công tác không phân công cho các thành viên khác của HĐQT.

Điều 6. Chế độ hội họp và đi công tác của các thành viên HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của các cơ quan, đơn vị theo giấy mời HĐQT hoặc mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể tham dự được, thì ủy quyền cho người khác đi họp thay, trừ trường hợp cơ quan mời họp không chấp nhận người thay thế.
2. Thành viên HĐQT đi công tác trong và ngoài Công ty phải có chương trình cụ thể, được Chủ tịch HĐQT phê duyệt. Tùy theo tính chất và

nội dung công việc, Chủ tịch HĐQT có thể yêu cầu các cán bộ, nhân viên Công ty có liên quan cùng tham gia.

3. Khi đi họp hoặc công tác, Chủ tịch HĐQT thông báo cho Tổng Giám đốc biết thời gian và địa điểm đi công tác để Tổng Giám đốc liên hệ công việc khi cần.

Điều 7. Điều kiện và chi phí làm việc của các thành viên HĐQT

1. Phòng làm việc của Chủ tịch và các thành viên HĐQT được đặt tại trụ sở của Công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên HĐQT được áp dụng theo quy định chung của Công ty.

2. Chi phí hoạt động để phục vụ cho nhiệm vụ của các thành viên HĐQT do Chủ tịch HĐQT duyệt (*trừ những khoản chi đã được định mức*) và được thanh toán vào chi phí của Công ty theo chứng từ, hóa đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của Pháp luật và của Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT được hưởng thù lao công vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 8. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT

1. HĐQT phân công, ủy quyền cho từng thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác của Công ty. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên HĐQT về các mặt công tác được quy định trong các văn bản thuộc từng lĩnh vực hoạt động của Công ty. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách có trách nhiệm phản ánh với Chủ tịch HĐQT để thống nhất hướng giải quyết.

2. Chủ tịch HĐQT trực tiếp phụ trách các mặt công tác không phân công cho các thành viên khác của HĐQT.

Điều 9. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có **7 (bảy)** người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập được quy định cụ thể trong Điều lệ của Công ty.

Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ EVNGENCO2

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ về quản trị Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp thị trường và phát triển công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- l) Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q) Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
- r) Phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Công ty;
- s) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu;
- t) Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật;
- u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty;

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ

công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 18. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi

ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 20. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định việc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản về một số vấn đề giữa hai phiên họp của HĐQT để thông qua quyết định.

2. Thời gian chậm nhất để trả lời Phiếu lấy ý kiến là 7 ngày, nếu trong Phiếu lấy ý kiến không có quy định khác. Phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT được Thư ký quản lý, lưu giữ như Biên bản họp HĐQT.

3. Kết quả lấy ý kiến thành viên HĐQT được Thư ký tổng hợp thành Biên bản tổng hợp ý kiến của các thành viên HĐQT và Nghị quyết HĐQT.

4. Quyết định được thông qua HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị tương đương với một Quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.

Điều 21. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng

tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và **bằng tiếng Anh** có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và **bằng tiếng Anh** thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Căn cứ vào biên bản họp HĐQT, Thư ký Công ty soạn thảo Nghị quyết phiên họp (*một Nghị quyết chung hoặc các Nghị quyết về từng vấn đề*) gửi cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát để thực hiện, giám sát, đồng thời lưu giữ tại bộ phận Thư ký giúp việc cho HĐQT và Văn phòng Công ty.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh

nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai

báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 27. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. HĐQT tham khảo ý kiến Ban kiểm soát về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề khác có liên quan đến kiểm toán.

4. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm phải chấm dứt ngay hành vi đó và có biện pháp khắc phục.

5. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin tài liệu về công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kiến nghị với HĐQT các vấn đề cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. BKS có thể tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình ĐHĐCĐ về các báo cáo, kết luận kiểm tra, thẩm tra, kiến nghị thuộc quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

7. Thành viên Ban Kiểm soát được quyền tham dự các cuộc họp thường kỳ của HĐQT.

Điều 28. Bộ máy giúp việc HĐQT

1. HĐQT sử dụng Bộ máy quản lý điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Thư ký Công ty giúp việc của HĐQT và Ban Kiểm soát; Thư ký có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Xây dựng, theo dõi chương trình hoạt động của HĐQT, lịch công tác của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;

b) Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT; chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên HĐQT để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT; ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;

c) Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT; giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và Chủ tịch HĐQT;

d) Tổng hợp trình HĐQT và Chủ tịch HĐQT các đề nghị, văn bản, tài liệu do Tổng Giám đốc trình cũng như các văn bản của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến HĐQT;

e) Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của HĐQT; bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT theo quy định của Công ty;

f) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT;

g) Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc được giao;

h) Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty;

i) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

3. Khi có nhiều thư ký, trợ lý, Chủ tịch HĐQT có thể bổ nhiệm một người phụ trách chung.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại bao gồm 7 chương, 29 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2024.



EVN GENCO2
TPC PHA LAI

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày /2024
của Hội đồng quản trị công ty)*

Hải Dương, tháng /2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	2
CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	2
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	4
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	12
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	14
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.....	15
CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT.....	17
Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	19
Điều 10. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT	23
Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT bao gồm các nội dung chính sau đây	23
Điều 12. Các tiểu ban thuộc HĐQT	27
Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC.....	29
CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của Kiểm soát viên	31
Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên.....	32
CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC	34
Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	34
Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	34
CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	36

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và TGD.....	36
Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.....	40
CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	41
Điều 20. Bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị PPC.....	41
Điều 21. Hiệu lực thi hành	41

Hải Dương, ngày

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2024;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những từ ngữ và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. PPC/công ty: Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
2. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
3. HĐQT: Hội đồng quản trị.
4. TGD: Tổng Giám đốc.
5. Ban Điều hành: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. Vai trò của ĐHĐCĐ

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty; ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể được gia hạn theo quyết định của HĐQT nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

1. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

2.1. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2.2. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ PPC.
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i. Tổng số tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;
- J. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Quyết định thay đổi vốn điều lệ của Công ty;

t. Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ

1.1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính năm của PPC có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, PPC phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của PPC dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của PPC

1.2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số

thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp **và khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty**; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của PPC và không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

PPC phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

4.1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của PPC và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán

4.2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thông báo đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được đăng trên website của PPC. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Thời gian, địa điểm tổ chức họp, chương trình họp, các tài liệu sử dụng

trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ

5.1. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình và nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Thực hiện các công việc khác phục vụ cuộc họp.

5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến PPC ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5.3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối những kiến nghị nêu trên thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho Người đại diện và cách thức đăng ký dự họp ĐHĐCĐ

6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

6.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm 6.1 khoản này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

6.3. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với PPC).

6.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp PPC nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6.5. Các chi phí phát sinh do khiếu nại liên quan đến việc tham dự ĐHĐCĐ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông gây ra khi thực hiện các hành động sai trái, gian lận, cố ý sai phạm thì người khiếu nại phải bồi hoàn cho PPC.

7. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ

a. Trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ, các cổ đông muốn tham dự đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự đại hội phải thực hiện đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ, bao gồm nhưng không giới hạn một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho PPC trước khi khai mạc đại hội ít nhất 02 (hai) ngày.

b. Trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, PPC phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tham dự họp ĐHĐCĐ người dự họp phải nộp bản đăng ký dự họp chính, quốc tịch hoặc số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, PPC cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết phiếu bầu cử (nếu cuộc họp có bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên) và thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó; Trường hợp nhiều cổ đông ủy quyền cho một người dự họp thì phiếu biểu quyết ghi họ, tên của một cổ đông ủy quyền sở hữu số cổ phiếu cao nhất trong số các cổ đông ủy quyền, tổng số cổ phần do các cổ đông ủy quyền sở hữu, tổng số cổ phần ủy quyền cùng số phiếu biểu quyết tương ứng.

c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các

cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

d. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ PPC;
- b. Định hướng phát triển PPC;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của PPC, trừ trường hợp Điều lệ PPC quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể PPC.

10. Cách thức bỏ phiếu

a. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, số thẻ không có ý kiến được thu sau cùng, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định.

b. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

11. Cách thức kiểm phiếu

11.1. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 05 (năm) người.

11.2. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

11.3. Trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS:

a. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước đại hội;

đ. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ PPC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này.

11.4. PPC nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử để phòng tránh sai sót.

11.5. Tất cả thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ quy định tại khoản 12.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

12.3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PPC.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Trưởng ban Kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

b. Biên bản kiểm phiếu được công bố trên trang thông tin điện tử của PPC trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại PPC hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ PPC có quyền yêu cầu PPC mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu PPC mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến PPC trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định nêu trên với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

15.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa, thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa, thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

15.2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt hoặc/và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

15.3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

15.4 **Nghị quyết**, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ

a. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của PPC trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

b. PPC tổ chức công bố thông tin về cuộc họp ĐHĐCĐ theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của PPC, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp như sau:

- + Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- + Định hướng phát triển công ty;
- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

+ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

+ Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

+ Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2.1. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ PPC.

2.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến PPC bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về PPC phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về PPC qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu ý kiến PPC nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.4. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý PPC; Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

2.5. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của PPC.

2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự như đối với thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định tại khoản 4 Điều 4 của Quy chế này. Trong thông báo triệu tập cần nêu rõ hình thức hội nghị là trực tuyến và kèm theo đó là hướng dẫn truy cập tham dự đại hội.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được quy định cụ thể trong thông báo mời họp.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành

Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 của quy chế này hoặc các tài liệu hướng dẫn khác của Công ty (nếu có).

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 của Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

Cách thức bỏ phiếu trực tuyến sẽ được Chủ tọa hướng dẫn cụ thể trong cuộc họp trước thời điểm bỏ phiếu.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Cách thức kiểm phiếu trực tuyến sẽ được Chủ tọa làm rõ trong cuộc họp trước thời điểm bỏ phiếu.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay sau khi các cổ đông hoàn thành việc bỏ phiếu.

9. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

Việc lập biên bản tại ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện như đối với việc lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tiếp được quy định tại khoản 15 Điều 4 của Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của PPC.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ

Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện tương tự như đối với thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tiếp được quy định tại khoản 4 Điều 4 của Quy chế này. Trong thông báo triệu tập cần nêu rõ hình thức hội nghị là trực tiếp kết

hợp với trực tuyến và kèm theo đó là hướng dẫn truy cập tham dự đại hội đối với các cổ đông tham dự trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

a. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp thực hiện việc đăng ký tham dự được quy định tại khoản 7 Điều 4 của Quy chế này.

b. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến thực hiện đăng ký tham dự được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

c. Hoặc theo quy định khác của PPC.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành

Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 của Quy chế này và số cổ đông dự họp được tính bằng tổng số cổ đông dự họp trực tiếp và trực tuyến.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 của Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu

Cách thức bỏ phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 4 và khoản 6 Điều 6 của Quy chế này hoặc theo quy định khác của PPC.

7. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 4 và khoản 7 Điều 6 của Quy chế này hoặc theo quy định khác của PPC.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 4 của Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của PPC.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của PPC phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý PPC, có toàn quyền nhân danh PPC để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ PPC, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ PPC và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

r. Quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty

t. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

β. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên HĐQT

4.1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ PPC, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của PPC.

4.2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PPC, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của PPC;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của PPC theo quy định của pháp luật.

4.3. PPC có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ PPC.

Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

a. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PPC và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

a. Ứng cử, đề cử vào HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 25 Điều lệ PPC có quyền đề cử các ứng viên HĐQT.

b. Ứng viên HĐQT sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lệ của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nếu được bầu làm thành viên HĐQT. ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT

4.1. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4.2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt; có đóng dấu PPC.

4.3. Cử đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4.4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp ĐHĐCĐ. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào HĐQT, thông tin về cử đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện, cử đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

4.5. Ghi phiếu bầu:

a. Cử đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cử đông phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu.

b. Trường hợp ghi sai, cử đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cử đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác (việc đổi Phiếu này được tiến hành trước khi kết thúc bầu cử);

c. Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

4.6. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không theo mẫu quy định của PPC, không có dấu của PPC;

b. Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

c. Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết bầu cử đã bầu cho những ứng cử viên của cử đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết bầu cử được bầu của cử đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);

d. Phiếu bầu không ghi số lượng phiếu biểu quyết bầu cho ít nhất một ứng cử viên;

đ. Phiếu bầu vượt phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua.

4.7. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu:

a. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu không quá 05 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;

b. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng cử viên bầu HĐQT, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

4.8. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

4.9. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu của cổ đông có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên HĐQT, trong đó đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC.

4.10. Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT theo quy định, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu.

4.11. Trong trường hợp phải lựa chọn 01 (một) trong 02 (hai) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì:

- a. Nếu ứng viên là cổ đông thì ứng viên nào đang nắm giữ số cổ phần nhiều hơn hoặc đại diện chủ sở hữu nắm giữ cổ phần nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu biểu quyết bầu cao hơn;

- b. Nếu ứng viên không phải là cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ được xem xét ưu tiên chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.

4.12. Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT hoặc thành viên độc lập HĐQT thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

4.13. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- a. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào HĐQT; danh sách thành viên HĐQT trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu biểu quyết bầu từ cao xuống thấp;

- b. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

4.14. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ toạ phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

5.1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ PPC.

5.2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ (thực hiện biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng văn bản) để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ PPC. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ PPC.

c. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ PPC và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của PPC kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và, hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

e) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác)

- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).
- j) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

- a. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
- b. Chủ tịch HĐQT không được kiêm TGD. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm.
- c. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- d. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ PPC. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 10. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT bao gồm các nội dung chính sau đây

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường

2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).

3. Thông báo họp HĐQT

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

c. Thành viên HĐQT nếu như không nhận được và, hoặc không tiếp cận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của HĐQT có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ tổ chức lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

4. Quyền dự họp HĐQT của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

a. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên HĐQT dự họp.

c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm với những thiệt hại xảy ra đối với PPC, những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp HĐQT.

6. Cách thức biểu quyết của HĐQT

a. Ngoài việc tham gia biểu quyết trực tiếp, thành viên HĐQT có thể gửi Phiếu biểu quyết thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua thư thì phiếu biểu quyết này phải được đựng trong phong bì dán kín và chuyển tới Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

b. Trong các cuộc họp trực tuyến, qua điện thoại, các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận.

7. Cách thức thông qua và phản đối nghị quyết của HĐQT

7.1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch Hội đồng quản trị.

7.2. Cuộc họp của HĐQT tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe các thành viên tham dự khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

7.3. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7.4. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7.5. Thành viên HĐQT có quyền phản đối nghị quyết của HĐQT bằng các yêu cầu, Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến HĐQT nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

7.6. Trong mọi trường hợp, thành viên HĐQT vẫn phải tuân thủ nghị quyết của HĐQT cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy nghị quyết của HĐQT.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

9. Lập biên bản họp HĐQT

9.1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên HĐQT tham dự họp và biểu quyết.

9.2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

9.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của PPC.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi.

Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt (có thể được lập thêm tiếng Anh). Biên bản có chữ ký của Chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và biểu quyết.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp HĐQT

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

PPC có trách nhiệm công bố, thông báo thông tin về nghị quyết, quyết định của HĐQT trong nội bộ PPC và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) và trên trang thông tin điện tử của PPC theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 12. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc HĐQT và từng thành viên trong tiểu ban

1.1. Bảo mật thông tin theo quy chế của PPC và theo pháp luật hiện hành.

1.2. Chịu trách nhiệm về kết quả công tác của mình.

1.3. Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra kết quả thực hiện các khuyến nghị của cổ đông, HĐQT.

1.4. Cập nhật kiến thức nhằm đảm bảo năng lực chuyên môn cho lĩnh vực được giao.

1.5. HĐQT sẽ quyết định cách thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Tiểu ban và của từng thành viên trong tiểu ban thông qua các quy chế nội bộ của tiểu ban hoặc các quyết định thành lập tại từng thời điểm. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT.

1.6. Các Tiểu ban của HĐQT có thể được xác lập theo Điều lệ PPC bao gồm:

a. Tiểu ban Chính sách phát triển;

b. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ;

c. Tiểu ban Nhân sự;

d. Tiểu ban Lương thưởng.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc HĐQT

2.1. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc HĐQT.

a. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.

b. HĐQT quy định chi tiết về trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được bổ nhiệm phụ trách các tiểu ban này.

c. Trưởng của một tiểu ban phải:

i. Thông báo cho HĐQT biết về tất cả các vấn đề quan trọng liên quan đến công việc của Tiểu ban, ít nhất 03 (ba) tháng một lần;

ii. Thực hiện những biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo rằng tiểu ban hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

2.2. Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc HĐQT

a. Thành viên tiểu ban thuộc HĐQT do HĐQT bầu và phải có các tiêu

chuẩn, điều kiện sau đây:

- i. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động của PPC; Có kiến thức, năng lực giỏi trong các lĩnh vực nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được phân công;
 - iii. Phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản về đạo đức kinh doanh, quản lý, Luật doanh nghiệp, Luật Lao động và các quy định khác có liên quan.
- b. Trưởng tiểu ban thuộc HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy chế này
- c. HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc HĐQT trong các trường hợp sau đây:
- i. Không đủ tiêu chuẩn theo quy định;
 - ii. Không hoàn thành nhiệm vụ
 - iii. Có đơn xin từ chức và đã gửi tới HĐQT;
 - iv. Ngoài các trường hợp quy định trên, còn có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào khi mà có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành.

3. Hoạt động của tiểu ban thuộc HĐQT

- a. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
- b. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ PPC sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.
- c. Tiểu ban có trách nhiệm soạn thảo quy định, nguyên tắc hoạt động của tiểu ban trong đó bao gồm các quy định chi tiết về hoạt động họp, các nhiệm vụ và trách nhiệm báo cáo cùng các vấn đề khác để trình HĐQT phê duyệt.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị PPC

- a. Có hiểu biết về pháp luật.
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của PPC.
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị PPC

a. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị PPC để hỗ trợ hoạt động quản trị PPC được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị PPC có thể kiêm nhiệm làm Thư ký PPC theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị PPC do HĐQT quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

b. Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị PPC: Các thông tin về ứng viên có thể bao gồm nhưng không giới hạn việc tóm tắt quá trình học tập, quá trình công tác, các mối quan hệ với các thành viên trong PPC, số lượng cổ phiếu của PPC đang nắm giữ, xác nhận không có tiền án, tiền sự,...

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC

3.1. HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

3.2. Người phụ trách quản trị PPC bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định điểm a khoản 6 Điều này hoặc bị luật pháp cấm;
- b. Có đơn xin không đảm nhận công việc này;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên của HĐQT hoặc kiểm soát viên có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC

PPC phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC trong nội bộ PPC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của PPC theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị PPC

a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa PPC và cổ đông.

b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d. Tham dự các cuộc họp.

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật.

- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên.
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của PPC.
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ PPC.
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành PPC.

2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC.

3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ PPC, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của PPC.

c. Trung thành với lợi ích của PPC và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của PPC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC.

đ. Trường hợp vi phạm quy định tại các nội dung nêu trên mà gây thiệt hại cho PPC hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho PPC.

e. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên

a. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

b. Các Kiểm soát viên bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở

Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

a) Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Cách thức bầu Kiểm soát viên

a. Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ (thực hiện biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng văn bản) để bầu bổ sung Kiểm soát viên trong trường hợp số Kiểm soát viên bị giảm một phần ba so với số quy định tại Điều lệ PPC. Trường hợp này HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm một phần ba.

c. Trình tự cách thức bầu, phiếu bầu, cách thức ghi phiếu bầu, phiếu hợp lệ và không hợp lệ, đề cử Ban bầu cử và kiểm phiếu, kết quả bầu cử được thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này.

d. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 37 Điều lệ PPC.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ PPC và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của PPC kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và/hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ của TGD:

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty;
- i) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- j) Trước ngày 20 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;
- k) Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này;
- l) Ký kết hợp đồng, thoả thuận nhân danh Công ty theo thẩm quyền;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGD

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và tiêu chuẩn, Điều lệ Công ty và, hoặc Quy chế về công tác cán bộ của Công ty (nếu có).

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD

HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một TGD điều hành mới thay thế

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với TGD

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong số thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, phụ cấp, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của PPC.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với TGD

TGD bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật Doanh nghiệp.

5. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD

Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD theo quy định tại Điều lệ PPC và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của PPC kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và/hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Tiền lương và lợi ích khác của TGD

HĐQT quyết định việc trả lương, thưởng cho TGD theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của TGD được tính vào chi phí kinh doanh của PPC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của PPC và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và TGD

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD

a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD phải được cung cấp cho nhau khi một trong các bên có yêu cầu;

b. Tùy từng trường hợp, theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC mà các cuộc họp của HĐQT, BKS và TGD phải bảo đảm yêu cầu phối hợp về thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp cho nhau.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS, TGD

a. Các nghị quyết của HĐQT đã được thông qua theo đúng trình tự, thủ tục và đã có hiệu lực phải được thông báo tới BKS, Ban TGD để đảm bảo được thực hiện và giám sát;

b. Việc thông báo Nghị quyết của HĐQT tới BKS, Ban TGD do Chủ tịch HĐQT hoặc người được uỷ quyền thực hiện có thể là Thư ký PPC hoặc Người phụ trách quản trị PPC.

3. Các trường hợp TGD và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a. Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa TGD và HĐQT.

b. Khủng hoảng mà việc xử lý vượt thẩm quyền của TGD.

c. Các giao dịch mà TGD là một bên liên quan.

d. Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

đ. Các nội dung vượt thẩm quyền theo uỷ quyền của HĐQT đối với TGD.

4. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

a. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT, bao gồm các nội dung chính về kết quả hoạt động của PPC: sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư xây dựng, quản trị PPC, tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

b. TGD cung cấp thông tin bằng hình thức phù hợp khi thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của PPC theo đúng quy định của pháp luật.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của HĐQT đối với TGD

a. Hàng năm TGD phải trình bản báo cáo, đánh giá của mình lên HĐQT xem xét về việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

b. TGD được quyền trình bày và bảo lưu ý kiến của mình trước HĐQT về những vấn đề không tán thành của HĐQT;

c. TGD có quyền khiếu nại những kiểm điểm, đánh giá của HĐQT lên ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất;

d. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cuối cùng về bản báo cáo, đánh giá của TGD.

6. Các vấn đề TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

Khi có yêu cầu của HĐQT, BKS về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý của PPC, TGD phải báo cáo và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu. Việc cung cấp thông tin của TGD cho HĐQT, BKS phải tuân theo quy định của pháp luật, Điều lệ PPC và Quy chế này.

7. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

7.1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên một cách đồng thời;

b. Các nghị quyết của HĐQT được đồng thời gửi đến BKS với thời điểm gửi đến TGD trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ PPC;

c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của PPC, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ PPC;

d. Các nội dung khác cần lấy ý kiến của BKS phải được gửi trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc và BKS phản hồi trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày BKS nhận được đề nghị;

đ. HĐQT phải tạo điều kiện để BKS của PPC phát huy tác dụng của công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.

Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của BKS, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch khắc phục và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan.

7.2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT:

a. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện công ty kiểm toán viên độc lập, khi cần thiết, tham dự họp chung và họp riêng để trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;

c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản, nhưng không trễ hơn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý PPC. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ gần nhất;

d. Trường hợp BKS phát hiện có thành viên HĐQT vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và/hoặc quy định tại Điều lệ PPC thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;

đ. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của PPC thì BKS phải gửi trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày HĐQT nhận được đề nghị;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc và HĐQT phản hồi trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày HĐQT nhận được đề nghị.

8. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD

a. HĐQT và các thành viên HĐQT không can thiệp vào hoạt động kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Ban điều hành.

b. HĐQT thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để TGD hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c. HĐQT có quyền tham gia vào tất cả các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban Điều hành, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

d. HĐQT thực hiện giám sát công tác điều hành của TGD và TGD thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của HĐQT, Điều lệ PPC.

đ. TGD điều hành hoạt động hàng ngày của PPC theo nghị quyết, quyết định của HĐQT và chịu trách nhiệm chỉ đạo, nghiên cứu và quyết định các biện pháp điều hành thực hiện có kết quả các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong điều hành hàng ngày hoạt động sản xuất kinh doanh; chịu sự giám sát của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của PPC.

e. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho TGD về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ PPC.

g. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT (sau khi có ý kiến của Chủ tịch HĐQT) có quyền yêu cầu TGD, người quản lý doanh nghiệp trong PPC cung cấp các thông tin về hoạt động của PPC. Yêu cầu có thể bằng văn bản hoặc bằng email và gửi cho TGD hoặc gửi trực tiếp cho cán bộ quản lý trước ít nhất 24 giờ, cán bộ quản lý có trách nhiệm báo cáo TGD trước khi cung cấp.

h. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC do TGD đệ trình, HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ PPC.

i. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD.

k. TGD có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hoả hoạn, sự cố bất ngờ, ... nhưng phải báo cáo HĐQT ngay, trong vòng 1 giờ thông tin bằng điện thoại, tin nhắn, báo cáo bằng văn bản trong vòng 1 ngày kể từ khi xảy ra sự việc; và chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ về các quyết định đó.

l. Khi nhận thấy các Quyết định của HĐQT trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền của cổ đông, TGD phải có báo cáo ngay bằng văn bản với HĐQT và BKS.

m. Các nội dung trình HĐQT để HĐQT có ý kiến được gửi trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày.

n. Đối với các nội dung có trong kế hoạch năm, HĐQT đã phê duyệt, thông qua thì Ban điều hành chủ động triển khai và báo cáo kết quả thực hiện mà không phải trình lại chi tiết khi triển khai (như công tác tuyển dụng, điều động, triển khai các khóa đào tạo,...).

o. Bộ máy giúp việc của PPC, Phó Tổng Giám đốc PPC có trách nhiệm tham mưu cho HĐQT và TGD PPC theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

9. Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD

a. Trong các cuộc họp của BKS, khi cần thiết, BKS có quyền đề nghị TGD, thành viên HĐQT có liên quan, và đại diện công ty kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản và kết luận phải gửi cho TGD muộn nhất trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra để có thêm cơ sở giúp TGD trong công tác quản lý PPC. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS có thể tham khảo ý kiến của TGD trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất.

c. Trường hợp BKS phát hiện TGD vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và/hoặc vi phạm Điều lệ PPC thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả.

d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu TGD cung cấp hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ PPC. Ngoài ra, Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của PPC tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

đ. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến PPC trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ.

e. Các nội dung khác cần lấy ý kiến của TGD: phải được gửi trước ít nhất là 05 (năm) ngày làm việc và TGD sẽ xem xét và phản hồi trong vòng 05 (năm) ngày làm việc.

Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Việc đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT được thực hiện như sau:

a. HĐQT hoặc BKS PPC thực hiện đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, tham chiếu vào các quy định của pháp luật và Điều lệ PPC mà đưa ra hình thức và phương thức khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ; trong trường hợp có đầy đủ chứng cứ cho rằng nếu không đánh giá, xử lý kỷ luật thành viên HĐQT sẽ gây nguy hại nghiêm trọng đến lợi ích PPC hoặc vi phạm pháp luật của Nhà nước, HĐQT sẽ họp bàn và ra quyết định kỷ luật thành viên HĐQT sau đó trình lên tại cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ;

b. Khen thưởng đối với thành viên HĐQT được đánh giá bởi HĐQT và BKS; hai cơ quan này họp bàn và đưa ra hình thức và phương thức khen thưởng để trình lên tại cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ.

2. Việc đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Kiểm soát viên được thực hiện như sau:

BKS hoặc HĐQT thực hiện đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên, thông qua HĐQT tham chiếu vào các quy định của pháp luật và Điều lệ PPC mà đưa ra hình thức và phương thức khen thưởng, kỷ luật đối với Kiểm soát viên để trình lên tại cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ.

3. Việc đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với TGD được thực hiện như sau:

a. HĐQT và BKS PPC thực hiện đánh giá hoạt động của TGD, tham chiếu vào các quy định của pháp luật, Điều lệ PPC và Hợp đồng lao động mà đưa ra hình thức và phương thức khen thưởng, kỷ luật đối với TGD, để trình lên ĐHĐCĐ; trong trường hợp có đầy đủ chứng cứ cho rằng nếu không đánh giá, xử lý kỷ luật TGD sẽ gây nguy hại nghiêm trọng đến lợi ích PPC hoặc vi phạm pháp luật của Nhà nước, HĐQT sẽ họp bàn và ra quyết định kỷ luật TGD, sau đó mới trình lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất;

b. Khen thưởng đối với TGD được đánh giá bởi HĐQT và BKS; hai cơ quan này họp bàn và đưa ra hình thức và phương thức khen thưởng để trình lên tại cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị PPC

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị PPC này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của PPC chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của PPC.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị PPC bao gồm 06 Chương, 19 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

Quy chế này thay cho Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với mã số QC-HĐQT-01 ban hành kèm theo Quyết định số 2180/QĐ-PPC ngày 05/5/2021./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Quốc Long

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
BAN KIỂM SOÁT
Số: 20/TTr-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc hiệu chỉnh Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thông qua ngày 23/4/2021 (Điều lệ Công ty);

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ban hành ngày 23/4/2021.

Để đáp ứng yêu cầu về cơ cấu Ban kiểm soát, phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung và hiệu đính một số điểm, khoản và Điều thuộc “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” (chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS.



TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lương Trường Luân

Phụ lục I
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23/4/2021	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung
1	khoản 1, 3 và 4 Điều 4	<p>Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p>	<p>Nhiệm kỳ, số lượng thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Thành viên Ban Kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng Ban Kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên BKS để ĐHĐCĐ xem xét quyết định.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán,</p>

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23/4/2021	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung
			kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2	điểm a, b, c, đ và e khoản 1 Điều 5	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. <i>(trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);</i></p> <p>e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p>	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;</p> <p>c) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.</p>

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23/4/2021	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung
3	khoản 2 Điều 7	2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4	khoản 3 Điều 8		3. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.



EVN GENCO2
TPC PHA LAI

TIÊU CHUẨN
ISO 9001: 2015

QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)

Mã hiệu: QC-BKS-01

Ban hành: Lần 03

Hiệu chỉnh: Lần 00

Hải Dương, tháng 6 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

PHIẾU KIỂM SOÁT

<input type="checkbox"/> Ban hành	<i>Tài liệu:</i>	<i>Mã hiệu:</i>
<input checked="" type="checkbox"/> Sửa đổi	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.	QC-BKS-01
Lý do ban hành	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020	
LỊCH SỬ TÀI LIỆU:		
Ngày nhận biết: /6/2024	Lần ban hành: 03	
Ngày ban hành: /6/2024	Lần hiệu chỉnh: 00	
CHỦ TRÌ SOẠN THẢO:		
<i>Người soạn thảo:</i>	<i>Họ tên/Chức vụ:</i>	<i>Chữ ký</i>
/Thành viên Ban Kiểm soát.	
THAM GIA XEM XÉT:		
Tên các đơn vị tham gia xem xét		
KIỂM TRA		
	Họ tên:	
	Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát	
PHÊ DUYỆT:		
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT		

DANH SÁCH TÀI LIỆU PHÂN PHỐI / THU HỒI	
Tài liệu phân phối:	Mã hiệu:
Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.	QC-BKS-01
Đơn vị được phân phối:	Số bản:
Hội đồng Quản trị	04
Ban Kiểm soát	03
Ban Tổng Giám đốc	03
Văn phòng	01
Phòng Tổ chức Lao động	01
Phòng Tài chính Kế toán	01
Phòng Kỹ thuật	01
Phòng Kế hoạch Vật tư	01
Phòng Dự án	01
Ban Quản lý dự án	01
Phòng Bảo vệ Cứu hỏa	01
Phòng An toàn và Môi trường	01
Phân xưởng Hóa	01
Phân xưởng Vận hành 1	01
Phân xưởng Vận hành 2	01
Phân xưởng Cung cấp Nhiên liệu	01
Phân xưởng Phụ trợ	01
Bộ phận ISO (lưu bản gốc)	01
Thư ký Công ty, Thư ký HĐQT	02
Tổng cộng số bản in để phân phối	27
Tài liệu phải thu hồi:	Mã số/hiệu:
Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23 tháng 4 năm 2021 hết hiệu lực.	QC-BKS-01

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI				
Tên tài liệu:			Mã số:	
Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại			QC-BKS-01	
MÔ TẢ SỬA ĐỔI				
TT	Lần/ngày sửa đổi	Vị trí sửa đổi (mục/trang)	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
1.	23/4/2021	Phụ lục 1 (đính kèm)	Sửa đổi và ban hành mới	

MỤC LỤC

Giải thích các từ gọi và viết tắt	7
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	8
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	8
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.....	8
Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	9
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	9
Điều 4. Nhiệm kỳ, số lượng thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát.....	9
Thành viên BKS có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng BKS sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên BKS để ĐHĐCĐ xem xét quyết định.	9
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát	9
Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát	10
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát.....	10
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	10
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	11
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	11
Chương III. BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	12
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	13
Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	14
Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	14
Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát.....	14
Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	14
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	14
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	15
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	15
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	16
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát.....	16
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	16
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	16
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	16
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	16

Giải thích các từ gọi và viết tắt

Công ty	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh nghiệp số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
BKS	Ban Kiểm soát

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/QC-BKS

Hải Dương, ngày 10 tháng 6 năm 2024

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày **10 tháng 06 năm 2024**;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (Ban Kiểm soát);

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ, số lượng thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Thành viên Ban Kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng Ban Kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên Ban Kiểm soát để ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

- Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Thành viên Ban Kiểm soát bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, Kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của tổ chức Kiểm toán độc lập thực hiện Kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;

c) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phân vốn của doanh nghiệp, người đại diện phân vốn Nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, Kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm **có thể đề cử** thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. **Cơ chế** Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và **phải được** Đại hội đồng cổ đông **thông qua trước khi tiến hành đề cử**.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong

số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác;
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, Kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện Kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc Kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu Kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc Kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức Kiểm toán được chấp thuận thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức Kiểm toán được chấp thuận thực hiện Kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức Kiểm phiếu và lập biên bản Kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác).

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và đại diện tổ chức Kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền Kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức Kiểm toán được chấp thuận thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức Kiểm toán được chấp thuận thực hiện Kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải

được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền Kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại bao gồm 07 chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2024.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy theo định hướng tách bạch công tác vận hành, công tác quản lý dự án đầu tư, công tác sửa chữa tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết số 111/NQ-HĐQT ngày 14/5/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy theo định hướng tách bạch công tác vận hành, công tác quản lý dự án đầu tư, công tác sửa chữa tại PPC.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy theo định hướng tách bạch công tác vận hành, công tác quản lý dự án đầu tư, công tác sửa chữa tại PPC, cụ thể như sau:

I. Mô hình tổ chức sau tái cơ cấu của CTCP Nhiệt điện Phả Lại:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch HĐQT không kiêm TGĐ).
- Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.
- Phó Tổng Giám đốc.
- Kế toán trưởng.
- Các phòng, ban, phân xưởng, trung tâm dịch vụ sửa chữa:

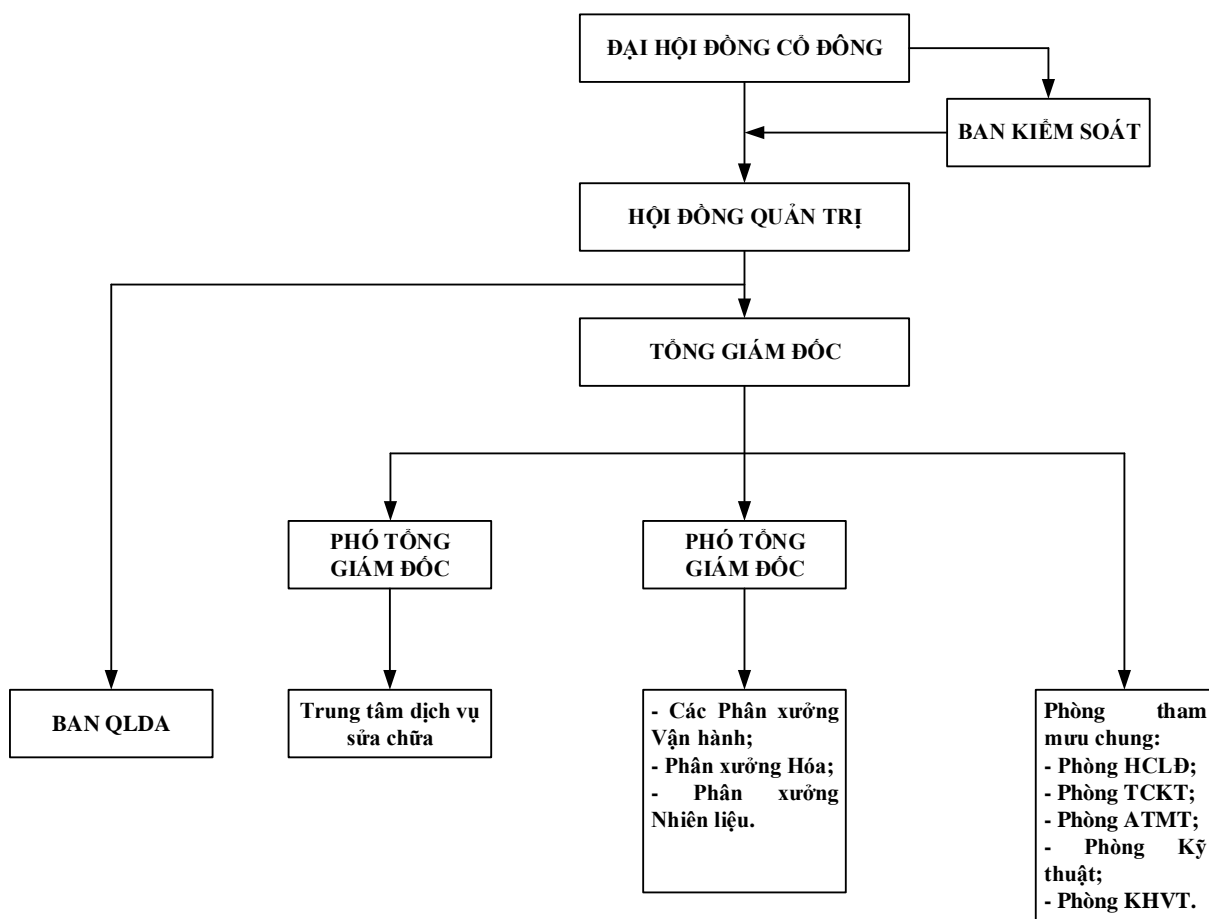
* 06 phòng/ban gồm:

- + Phòng Hành chính và Lao động (HCLĐ)
- + Phòng Kế hoạch và Vật tư (KHVT)
- + Phòng Tài chính và Kế toán (TCKT)
- + Phòng Kỹ thuật (KT)
- + Phòng An toàn và Môi trường (ATMT)
- + Ban Quản lý Dự án

* 04 phân xưởng gồm:

- + Phân xưởng Vận hành 1 (VH1)
- + Phân xưởng Vận hành 2 (VH2)
- + Phân xưởng Nhiên liệu (NL)
- + Phân xưởng Hóa
- * 01 Trung tâm dịch vụ sửa chữa (TTDVSC).

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty:



1. Công tác quản lý vận hành và các phòng tham mưu chung

1.1. Công tác quản lý vận hành

Bao gồm các phân xưởng: Các Phân xưởng Vận hành, Phân xưởng Hóa, Phân xưởng Nhiên liệu.

- Chức năng nhiệm vụ Phân xưởng Vận hành: thực hiện chức năng quản lý, vận hành an toàn thiết bị khối lò máy, thiết bị cơ nhiệt, hệ thống điện nhất thứ nhì thứ, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nghiền than, hệ thống lọc bụi, hệ thống khử lưu huỳnh, hệ thống khử NOx, hệ thống vận chuyển tro bay và xỉ đáy lò, hệ thống thải tro, xỉ, hệ thống bơm nước chữa cháy và hệ thống báo cháy trung tâm, hệ thống trạm bơm nước tuần hoàn, hệ thống cấp Clo, hệ thống cấp dầu.

- Chức năng nhiệm vụ Phân xưởng Nhiên liệu: thực hiện chức năng quản lý vận hành toàn bộ thiết bị, mặt bằng nhà xưởng bao gồm toàn bộ hệ thống cầu cảng than và các thiết bị bốc dỡ vận chuyển cung cấp nhiên liệu than, nơi lưu trữ tại bãi xỉ; vận hành các xe cơ giới phục vụ sản xuất.

- Chức năng nhiệm vụ Phân xưởng Hóa: thực hiện chức năng quản lý, vận hành an toàn thiết bị hóa trong dây chuyền sản xuất (xử lý nước cấp, nước lò, nước thải...); hóa nghiệm kiểm soát chất lượng nguyên, nhiên liệu đầu vào (than, dầu...); hóa nghiệm kiểm tra chất lượng nước, hơi; hóa nghiệm kiểm tra chất lượng tro, xỉ

1.2. Các phòng tham mưu chung

Bao gồm các phòng: Phòng Hành chính và Lao động, phòng Tài chính và Kế toán, phòng An toàn và Môi trường, phòng Kỹ thuật, phòng Kế hoạch và Vật tư.

- Chức năng nhiệm vụ phòng Hành chính và Lao động: thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác tổ chức, cán bộ; lao động tiền lương; công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; thi đua khen thưởng và văn hóa doanh nghiệp; công tác hành chính, quản trị, văn thư, lưu trữ; công tác quan hệ cộng đồng và thông tin truyền thông; vệ sinh lao động và công tác chăm sóc sức khỏe người lao động; công tác pháp chế và những vấn đề pháp lý; công tác thanh tra, bảo vệ, quốc phòng, quân sự, an ninh; thư ký tổng hợp và quan hệ cổ đông (đối với công ty cổ phần).

- Chức năng nhiệm vụ phòng Tài chính và Kế toán: thực hiện chức năng kinh tế tài chính và hạch toán kế toán.

- Chức năng nhiệm vụ phòng Kỹ thuật: thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý kỹ thuật phục vụ vận hành và sửa chữa các thiết bị và công trình phục vụ sản xuất; công tác sáng kiến và nghiên cứu khoa học, cải tiến sản xuất và công nghệ; công tác vận hành, sửa chữa thiết bị CNTT, viễn thông, SCADA. Có sự phân công nội bộ tách bạch giữa các nhóm công tác trong các lĩnh vực sửa chữa, vận hành theo quy chế quản lý nội bộ.

- Chức năng nhiệm vụ phòng Kế hoạch và Vật tư: thực hiện chức năng, nhiệm vụ về kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm; kinh doanh thị trường điện; quản lý, thực hiện đấu thầu; mua sắm, quản lý và cung ứng vật tư, nhiên liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, sửa chữa của Công ty. Có sự phân công nội bộ tách bạch giữa các nhóm công tác trong các lĩnh vực theo quy chế quản lý nội bộ.

- Chức năng nhiệm vụ phòng An toàn và Môi trường: thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý, giám sát an toàn và vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, PCCC, công tác về môi trường.

2. Công tác quản lý dự án đầu tư (Ban Quản lý dự án)

- Chức năng nhiệm vụ: Thực hiện các nhiệm vụ đầu tư, quản lý dự án và dự án đầu tư xây dựng theo pháp luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, pháp luật đấu thầu, pháp luật xây dựng, pháp luật kiểm toán độc lập. Quản lý dự án theo quy chế phân cấp ủy quyền đầu tư của Hội đồng Quản trị CTCP Nhiệt điện Phả Lại.

- Tổ chức quản lý dự án đầu tư theo Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu 2023 và nghị định quy định chi tiết. Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng theo Luật xây dựng 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng năm 2020 và các nghị định quy định chi tiết.

- Hoạt động của Ban QLDA do chủ đầu tư sử dụng bộ máy của mình theo chế độ kiêm nhiệm QLDA, theo quy chế phân cấp ủy quyền đầu tư do HĐQT CTCP Nhiệt điện Phả Lại quyết định. Tất cả cán bộ của Ban QLDA sẽ được biệt phái từ các Phòng, Phân xưởng của Công ty, hưởng lương từ Công ty nhưng chịu sự chăm công, quản lý, đánh giá kết quả công việc của Giám đốc Ban QLDA. Giám đốc Ban QLDA sẽ do Thành viên HĐQT hoặc Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm nhiệm.

Theo các yêu cầu minh bạch và quy định pháp luật chuyên ngành về đầu tư nên sẽ hình thành 3 nhóm:

- + Nhóm Kinh tế - Tổng hợp.
- + Nhóm Kế hoạch đầu tư.
- + Nhóm Quản lý xây dựng.

Các nhóm thực hiện nhiệm vụ công tác theo chứng chỉ chuyên môn, bảng mô tả công việc cho chuyên viên. Trưởng Nhóm có chức danh tương đương đội trưởng trong Trung tâm dịch vụ sửa chữa (cấp Tổ/Đội).

3. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng (Trung tâm Dịch vụ sửa chữa)

Mô hình tổ chức Trung tâm Dịch vụ sửa chữa tại PPC được hình thành với 02 giai đoạn do định biên lao động của PPC khi được phê duyệt là không bao gồm cho công tác sửa chữa, cụ thể:

- Giai đoạn đầu: Thành lập bộ khung Trung tâm Dịch vụ sửa chữa và sáp nhập thêm Phân xưởng Sản xuất phụ với cơ cấu tổ chức như sau:

- + Lãnh đạo: Giám đốc, các Phó giám đốc.
- + Phòng Tổng hợp.

Với nhiệm vụ:

+ Thực hiện công tác Quản lý, theo dõi, giám sát việc bảo dưỡng, sửa chữa tại PPC.

+ Thực hiện chức năng quản lý, sử dụng các phương tiện cơ giới trong phạm vi được phân giao; theo dõi, thực hiện hợp đồng mua bán tro, xỉ, thạch cao (Nội dung này là sáp nhập Phân xưởng Sản xuất phụ).

- Giai đoạn sau: Tiếp tục thành lập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ/đội sửa chữa:

+ Phòng Kỹ thuật - An toàn.

+ Đội Sửa chữa cơ nhiệt.

+ Đội Sửa chữa thiết bị điện.

+ Đội thí nghiệm.

- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ (trưởng phòng, phó phòng xếp chức danh tương đương đội trưởng, đội phó).

- Chức năng nhiệm vụ của trung tâm: Thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, mua sắm vật tư - vật liệu theo quy chế SCL, SCTX, theo quy định nhiệm vụ tổ chức hoạt động và theo ủy quyền - phân cấp của Công ty trong công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tự làm, sản xuất kinh doanh khác.

II. Tiến độ thực hiện:

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1.	Rà soát nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động các nội dung phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung của Phương án	PPC	Báo cáo về Tổng công ty xem xét có ý kiến trước khi biểu quyết thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
2.	Trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua nội dung Phương án tái cơ cấu và Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị	PPC	Thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 (T0)
3.	Xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy, nhân sự của đơn vị theo mô hình tổ chức được nêu trong Phương án phù hợp với quy mô, khối lượng công việc của từng phòng, phân xưởng, Trung tâm dịch vụ sửa chữa, Ban QLDA	PPC	T0 + 2,5 tháng
4.	Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế quản lý nội bộ có	PPC	T0 + 2,5 tháng

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
	liên quan để phù hợp với mô hình tổ chức đã được ĐHCĐ thông qua		
5.	Hoàn thành công tác tái cơ cấu của đơn vị theo phương án được duyệt	PPC	T0 + 2,5 tháng

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCLĐ, HĐQT.



Mai Quốc Long

Số: 2529/TTr-PPC

Hải Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua điều chỉnh tăng số lượng Thành viên HĐQT
và bầu bổ sung Thành viên HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐQT ngày 20/5/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung điều chỉnh tăng số lượng Thành viên HĐQT và bầu bổ sung Thành viên HĐQT tại ĐHCĐ thường niên năm 2024, như sau:

1. Điều chỉnh tăng số lượng Thành viên HĐQT

Điều chỉnh tăng số lượng Thành viên HĐQT PPC từ 05 thành viên lên 07 thành viên.

2. Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị

2.1. Bầu bổ sung ông Ngô Nguyên Đồng, Phó Trưởng ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính EVNGENCO2, Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại PPC tham gia ứng cử chức danh Thành viên Hội đồng quản trị PPC (nhiệm kỳ 05 năm), làm việc theo chế độ chuyên trách.

(Sơ yếu lý lịch, bản cam kết của ông Ngô Nguyên Đồng gửi kèm theo).

2.2. Bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Thanh tham gia ứng cử chức danh Thành viên độc lập HĐQT PPC.

(Sơ yếu lý lịch, bản cam kết của ông Nguyễn Văn Thanh gửi kèm theo).

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCLĐ, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Mai Quốc Long

SƠ YẾU LÝ LỊCH



1) **Họ và tên khai sinh:** NGÔ NGUYỄN ĐÔNG Nam, nữ: Nam.
(viết chữ in hoa)

2) Các tên gọi khác: không.

3) Cấp uỷ hiện tại: Cấp uỷ kiêm:.....

Chức vụ (Đảng, đoàn thể, chính quyền, kể cả chức vụ kiêm nhiệm): Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
và Giám sát tài chính ("Ban KTGS") Phụ cấp chức vụ: 0,6.

4) Sinh Ngày 22 tháng 10 năm 1974.

5) Nơi sinh: xã Kim Sơn, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

6) Quê Quán: (xã, phường) Kim Sơn (huyện, quận) Đông Triều (tỉnh, TP) Quảng Ninh.

7) Nơi ở hiện nay: TDP Viên 1, phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội đ/thoại: +84 24 3998 5674.

8) Dân tộc: Kinh 9) Tôn giáo: không.

10) Thành phần gia đình xuất thân: trí thức.
(ghi là: công nhân, nông dân, cán bộ, công chức, trí thức, quân nhân, dân nghèo thành thị, tiểu thương, tư sản,...)

11) Nghề nghiệp bản thân trước khi được tuyển dụng: Thạc sĩ Năng lượng và Kỹ sư Công nghệ Nhiệt.
(Ghi nghề được đào tạo hoặc công nhân (thợ gi), làm ruộng, buôn bán, học sinh, sinh viên)

12) Ngày được tuyển dụng: Ngày 19/4/2021 vào cơ quan nào, ở đâu: Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần.

13) Ngày vào cơ quan hiện đang công tác: 19/4/2021 Ngày tham gia cách mạng:...../...../.....

14) Ngày vào đảng cộng sản Việt Nam: 20/10/2023 - Ngày chính thức:/...../.....

15) Ngày tham gia các tổ chức chính trị, xã hội: vào Đoàn TNCSHCM ngày 26/3/2001.
(Ngày vào Đoàn TNCSHCM, Công đoàn, Hội,...)

16) Ngày nhập ngũ:/...../..... - Ngày xuất ngũ:/...../..... Quân hàm:

17) Trình độ học vấn: 12/12 (lớp mấy) - Học hàm, học vị cao nhất: Thạc sĩ Năng lượng, ngành Điện xanh.
(GS, PGS, TS, Thạc sĩ, Cử nhân, Kỹ sư...năm nào, chuyên ngành gì)

- Lý luận chính trị: Sơ cấp - Ngoại Ngữ: Cử nhân Ngoại ngữ, ngành tiếng Anh.
(Cử nhân, Cao cấp, Trung cấp, Sơ cấp) (Anh (A/B/C/D). Nga (A/B/C/D). Pháp (A/B/C/D))

18) Công tác chính đang làm: Phó Trưởng Ban KTGS/KSV không chuyên trách tại Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.

19) Ngạch công chức: B6.2 Bậc Lương: 2/6 Hệ số: 4,680 Từ 01/12/2023.

20) Danh hiệu được phong (năm nào):
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân, ưu tú)

21) Sở trường công tác: công nghệ cơ, điện và nước tòa nhà Công việc làm lâu nhất: quản lý dự án và chi phí.

22) Khen Thưởng: 343/QĐ-UBQLV của Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp, năm 2019.
(Huân, huy chương, năm nào)

23) Kỷ Luật (đảng, chính quyền, đoàn thể, cấp quyết định, năm nào, lý do, hình thức): không.

24) Tình trạng sức khoẻ: bình thường, Cao: 1,70 m, Cân nặng: 71,2 kg. Nhóm máu: O+ (nhóm máu O Rh+).
(tốt, bình thường, yếu hoặc có bệnh mãn tính)

25) Số chứng minh nhân dân: 022074000009 Thương binh: Gia đình liệt sĩ:



26) ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ

Tên trường	Ngành học hoặc tên lớp học	Thời gian học	Hình thức học	Văn bằng chứng chỉ, trình độ gì
Trường Đại học Poitiers	Năng lượng tái tạo	5/2017 - 02/11/2021	Chính quy	Thạc sĩ Năng lượng
Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Điện xanh	5/2017 - 18/12/2018	Chính quy	Thạc sĩ Năng lượng
Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (nay là Đại học Bách khoa Hà Nội)	Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp	8/2009 - 01/02/2012	Chính quy	Kỹ sư Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa
	Công nghệ Nhiệt	6/2000 - 25/6/2003	Chính quy	Kỹ sư Công nghệ Nhiệt
	Tự động hóa	6/1993 - 19/6/1996	Chính quy	Cử nhân Cao đẳng
Đảng Ủy Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Lớp Bồi dưỡng LLCT dành cho đối tượng kết nạp Đảng	10/2021	Trực tuyến	Giấy chứng nhận
Đại học Hà Nội	Tiếng Anh	1996 - 10/10/2000	Tại chức	Cử nhân Ngoại ngữ
Công ty Cổ phần Đào tạo và Nghiên cứu Quản lý Kinh tế	Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Thông tư số 25/2009/TT-BXD ngày 29/7/2009 của Bộ Xây dựng	01/3/2013 - 09/3/2013	Bồi dưỡng	Chứng nhận Bồi dưỡng Nghiệp vụ Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình

Ghi chú: Hình thức học: Chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng/ Văn bằng: Tiến sĩ, phó tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân, kỹ sư.

27) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể)
01/10/2021 - hiện tại	KSV chuyên trách/Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ("PPC") Km 28 quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Hải Dương
19/4/2021 - 01/10/2021	Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
01/4/2020 - 16/4/2021	Chuyên viên phòng Quản lý Vận hành tòa nhà Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Số 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội
16/10/2016 - 01/4/2020	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Văn phòng Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Số 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội
16/12/2012 - 16/10/2016	Chuyên viên phòng Kỹ thuật Ban Quản lý Đầu tư và Kinh doanh Tòa nhà EVN Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Số 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội
01/10/2009 - 16/12/2012	Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần EMC - 142 Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
01/6/2006 - 30/9/2009	Kỹ sư Điện cao cấp Công ty TNHH Tư vấn Hyder - 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
3/2005 - 01/6/2006	Kỹ sư Điện Dự án The Manor Hà Nội - Đường Mễ Trì, Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

28) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN:

a/ Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ tháng năm nào đến tháng năm nào, ở đâu), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì:

b/ Bản thân có làm việc cho chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...)

29) QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI:

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu?)

Đã đăng bạ Kỹ sư chuyên nghiệp ASEAN ngày 26/11/2008, số hội viên 1322.

- Có thân nhân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ...)?.....

30) QUAN HỆ VỚI GIA ĐÌNH:

a) Bản thân: Bố mẹ, vợ chồng, anh chị em ruột

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, đơn vị công tác học tập, nơi ở (trong, ngoài nước): Thành viên các tổ chức chính trị Xã hội
Bố	Ngô Nguyên Động	1946	Thôn Cổ Giàn, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; lưu trí tại số 501, nhà C11, tập thể Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
Mẹ	Nguyễn Thị Biên	1949	Thôn Yên Lâm, phường Đức Chính, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; lưu trí tại số 501, nhà C11, tập thể Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
Vợ	Hà Thị Kim Hương	1976	Quê quán: xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; Thạc sĩ Khoa học Thư viện; Thư viện viên/Tổ trưởng tổ Thư viện; Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội - 243 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Các con	Ngô Hà Anh Thư	2003	Phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; sinh viên; Đại học Bách khoa Hà Nội; số nhà 09, ngách 282/28, TDP Viên 1, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
	Ngô Hà Gia Hân	2009	Phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; học sinh; Trường THCS Dịch Vọng; số nhà 09, ngách 282/28, TDP Viên 1, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
	Ngô Nguyên Hoàng	2014	Phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; học sinh; Trường Tiểu học Dịch Vọng B; số nhà 09, ngách 282/28, TDP Viên 1, Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
Anh chị em ruột	Ngô Thị Cẩm Thạch	1977	Quê quán: phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; cử nhân các ngành Điện tử - Viễn thông và Báo chí; phòng Thông tin và Cơ sở dữ liệu thuộc Trung tâm Tin học Bộ Công thương; căn hộ số A-1206, chung cư Green Pearl, 387 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
	Ngô Quý Đông	1982	Quê quán: phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; đã chết ngày 02/02/2020.
	Ngô Hoàng Nam	1983	Phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Kiến trúc sư; hành nghề Kiến trúc sư tự do tại căn hộ số 501, nhà C11, tập thể Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

b) Bố mẹ, anh chị em ruột (vợ hoặc chồng)

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, đơn vị công tác học tập, nơi ở (trong, ngoài nước): Thành viên các tổ chức chính trị Xã hội
Bố	Nông Hà Minh	1951	Quê quán: thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: diễn viên; chức danh: Phó Giám đốc; đơn vị công tác học tập: Trung tâm Văn hóa Thông tin thành phố Cao Bằng; đã chết tháng 5/2011.
Mẹ	Nguyễn Thị Phương	1957	Quê quán: xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: nội trợ; nơi ở: số nhà 205, tổ 12, phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng.
Anh chị em ruột	Nông Hà Nam	1978	Quê quán: thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Cử nhân Luật; chức danh: Chánh án - Thẩm phán trung cấp; đơn vị công tác học tập: Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng; nơi ở: số nhà 205, tổ 12, phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng.

31) HOÀN CẢNH KINH TẾ GIA ĐÌNH:

Quá trình lương của bản thân:

Tháng/Năm	16/10/2016	01/4/2020	19/4/2021	01/10/2021	01/12/2023
Ngạch/Bậc	B6.3	B6.3	B6.3/6/8	B5.2/1/2	B6.2
Hệ số lương	3.92	4,235	4,235	6,43	4,680

Nguồn thu nhập chính của gia đình (hàng năm):

+ Lương: 512.196.000 đồng, bình quân người/hộ là 102.439.200 đồng.

+ Các nguồn khác: không.

Nhà ở: + được cấp, được thuê, loại nhà: không, tổng diện tích sử dụng: 0 m².

+ Nhà tự mua, tự xây, loại nhà: nhà ở riêng lẻ, tổng diện tích sử dụng: 206 m².

Đất ở: + Đất được cấp: 0 m². + Đất tự mua: 42,3 m².

Đất sản xuất kinh doanh (tổng diện tích đất được cấp, tự mua, tự khai phá...): không

Người khai

Tôi xin cam đoan những
lời khai trên đây là đúng sự thật
(ký tên)



Ngô Nguyễn Đồng

Ngày 25 tháng 4 năm 2024

Xác nhận của cơ quan quản lý



Trần Văn Dữ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT KHI THAM GIA THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Tên tôi là: NGÔ NGUYỄN ĐỒNG

Ngày sinh: 22/10/1974; Nơi sinh: huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ thường trú: Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Số CCCD: 022074000009 Ngày cấp: 17/10/2013 Nơi cấp: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Năng lượng và Kỹ sư Công nghệ Nhiệt.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, sau khi được đề cử vào vị trí Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại:

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để tham gia ứng cử vào vị trí Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Trân trọng./.

Hải Dương, ngày 10 tháng 5 năm 2024

ỨNG CỬ VIÊN

(ký, ghi rõ họ tên)



Ngô Nguyễn Đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



1- Họ và tên khai sinh: **NGUYỄN VĂN THANH** - Nam, nữ: **Nam**

2- Các tên gọi khác:

3- Chức danh công chức, viên chức, đơn vị công tác:

- Chức vụ: *(Đảng, Đoàn thể, chuyên môn, kể cả chức vụ kiêm nhiệm):*

4- Sinh ngày: **09/9/1959**

5- Nơi sinh: *(xã, phường)* **Minh Đức**
(huyện, quận) **Huyện Từ Kỳ** *(tỉnh, thành phố)* **Tỉnh Hải Dương**

6- Quê Quán: *(xã, phường)* **Minh Đức**
(huyện, quận) **Huyện Từ Kỳ** *(tỉnh, thành phố)* **Tỉnh Hải Dương**

7- Nơi ở hiện nay: **19 ngõ 23, phố Đỗ Quang, Tổ 14, P. Trung Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.**

8- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **19 ngõ 23, phố Đỗ Quang, Tổ 14, P. Trung Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.**

9- Số CMTND: **030059002494** Ngày Cấp: **25/04/2021** Nơi cấp: **Cục cảnh sát**

10- Dân tộc: **Kinh** 11- Tôn giáo: **Không**

12- Thành phần gia đình xuất thân: *(công nhân, cố nông, bản nông, trung nông, phú nông, địa chủ, dân nghèo thành thị, tiểu chủ, tiểu tư sản,...)* **Bản nông**

13- Nghề nghiệp bản thân trước khi tuyển dụng: *(công nhân, làm ruộng, buôn bán, học sinh, giáo viên, viết văn, viết báo)* **Trung cấp, học nghề ra trường**

14- Ngày tuyển dụng: **01/01/1981** - Vào cơ quan nào, ở đâu: **Nhà máy điện Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương**

15- Ngày vào đơn vị hiện đang công tác: **01/01/1981** - Ngày vào ngành Điện: **01/01/1981**

16- Ngày vào Đảng: **21/01/1986** - Ngày chính thức: **21/01/1987**

17- Ngày nhập ngũ: - Ngày xuất ngũ:

- Chức vụ cao nhất, năm, đơn vị:

18- Trình độ học vấn: **Thạc sĩ**

- Văn hóa phổ thông: *(lớp mấy/hệ 10, 12)* **10/10**

- Học hàm, học vị cao nhất: *(GS, PGS, TS, ThS, kỹ sư, cử nhân...năm nào, ngành gì)* **Thạc sĩ**

Quản trị Kinh Doanh Quốc tế. Năm tốt nghiệp 2010.

- Lý luận chính trị: *(cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp):* **Cử nhân LLCT** - Hình thức đào tạo *(tập trung hay tại chức):* **Tại chức**- Nơi học: **Trường ĐH Sư phạm 1 Hà Nội**

- Quản lý kinh tế: - Thời gian học: - Nơi học:

- Ngoại ngữ:

19- Công tác chính đang làm: **CB Hưu trí từ 01/10/2019**

20- Ngạch công chức, viên chức: *(bảng lương)*

- Mã bảng lương:

- Hệ số bảo lưu *(nếu có)* - Bậc lương: - Hệ số:

- Thời gian hưởng lương gần đây nhất:

21- Danh hiệu được phong, năm nào: *(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân, ưu tú)*

22- Sơ trường công tác:

- Công việc đã làm lâu nhất:

23- Tình trạng sức khỏe *(cao, cân nặng, mãn tính)* **Cao 1,76m Nặng 70Kg**

24- Khen thưởng, năm nào *(huân, huy chương cao nhất năm nào):*

25- Kỷ luật: (Đảng, chính quyền, đoàn thể, cấp quyết định, năm nào, lý do, hình thức): không

26- Đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ:

Tên trường	Ngành học	Thời gian học	Chế độ học	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ
Kỹ thuật điện Sóc Sơn	Phát dẫn điện	1980	Chính quy	Trung cấp
Đại học Tài chính Kế toán	Tài chính kế toán	1997	Tại chức	Cử nhân, Đại học
Đại học quốc gia Hà Nội	Quản trị Kinh Doanh Quốc tế	2010	Tại chức	Thạc sĩ
Trường quân sự QK3 Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương	An ninh, quốc phòng / Tham dự khoá bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh năm 2010	11/05/2010 - 03/06/2010		
Công ty nhiệt điện Phả Lại	Anh, Bồi dưỡng ngoại ngữ			Anh, Chứng chỉ B

Ghi chú: Chế độ học (ghi chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng...)

Văn bằng (ghi tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, cử nhân...)

27- Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian / Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Chuyên môn, Đảng, Chính quyền, đoàn thể)
- Từ 01/1981 đến 12/1981: Công nhân vận hành trạm điện 110/6Kv, Nhà máy điện Phả Lại
- Từ 01/1982 đến 06/1984: Kỹ thuật viên phòng kỹ thuật XDCB Nhà máy điện Phả Lại
- Từ 07/1984 đến 01/1986: Cán bộ văn phòng Đoàn thanh niên Nhà máy điện Phả Lại
- Từ 02/1986 đến 07/1987: Cán bộ Phòng hành chính Nhà máy điện Phả Lại
- Từ 08/1987 đến 07/1988: Phó phòng Hành chính Nhà máy điện Phả Lại
- Từ 08/1988 đến 12/1988: Phó ngành Đời sống quản trị Nhà máy điện Phả Lại
- Từ 01/1989 đến 11/2000: Trưởng ngành Đời sống quản trị Nhà máy điện Phả Lại
- Từ 12/2000 đến 01/2006: Trưởng phòng Kế hoạch và Trưởng phòng KHVT Nhà máy điện Phả Lại
- Từ 02/2006 đến 10/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại
- Từ 11/2007 đến 6/2014 Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Từ 7/2014 đến 9/2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Từ 21/5/2010 đến 9/2019: thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng
- Từ 08/08/2017 đến 12/05/2018: Thành viên HĐQT của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.
- Từ 01/10/2019 đến nay: Nghỉ chế độ hưu trí

28- Đặc điểm lịch sử bản thân

29- Quan hệ với người nước ngoài

30- Quan hệ gia đình

a/ Về bản thân: bố, mẹ, vợ (chồng), các con, anh chị em ruột

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở hiện nay
Bố	Nguyễn Văn Thạ	1933	Chết 2002
Mẹ	Đặng Thị Mẫn	1934	Làm ruộng, Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương
Vợ	Mai Thị Bọt	1960	Đã nghỉ hưu
Con gái	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1983	Chuyên viên Cục điều tiết điện lực Bộ Công nghiệp, Hà Nội
Con gái	Nguyễn Thị Dung	1988	Cử nhân kinh tế công tác tại ngân hàng việt nam thịnh vượng (VPbank), Hà Nội
Anh	Nguyễn Văn Thuyết	1957	Công an nghỉ hưu, Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương

b/ Bên vợ hoặc chồng: bố, mẹ, anh chị em ruột

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở hiện nay
---------	-----------	----------	---------------------------------------------------------------------------

Bố vợ (chồng)	Mai Văn Luyện	1930	Làm ruộng, Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương
Mẹ vợ (chồng)	Nguyễn Thị Bình	1933	Làm ruộng, Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương
Em trai vợ (chồng)	Mai Văn Khải	1966	Làm ruộng, Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương
Em gái vợ (chồng)	Mai Thị Định	1968	Làm ruộng, Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương
Em trai vợ (chồng)	Mai Hồng Quang	1964	Công nhân Ban quản lý Dự án Nhiệt điện I, Hà Nội

31. Hoàn cảnh kinh tế gia đình

Nguồn thu nhập chính của gia đình (hàng năm):

+ Lương: 9.000.000

+ Các nguồn khác:

Nhà ở:

+ Được cấp, được thuê, loại nhà: Không, tổng diện tích sử dụng:m².

+ Nhà tự mua, tự xây, loại nhà: Tự mua tổng diện tích sử dụng: 200 m².

Đất ở:

+ Đất được cấp: m². + Đất tự mua: 48 m².

Đất sản xuất kinh doanh (tổng diện tích đất được cấp, tự mua, tự khai phá...): Không.

32. Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có): Không có.

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2024

Tôi xin xam đoan những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm

NGƯỜI KHAI

(kỳ, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Thanh



Ngày 09 tháng 4 năm 2024 (Bằng chữ: Ngày chín, tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại UBND phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tôi Nguyễn Việt Nam là Công chức Tư pháp - Hộ tịch UBND phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

CHỨNG THỰC

Ông Nguyễn Văn Thanh, Căn cước công dân số 030059002494 cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt bà Trần Thị Nhung là người tiếp nhận hồ sơ.

Số chứng thực 855 quyền số 01/2024-SCT/CK, ĐC

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



Trần Thị Nhung



TU. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH
Nguyễn Việt Nam



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT KHI THAM GIA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Tên tôi là: Nguyễn Văn Thanh

Ngày sinh: 09/9/1959 ; Nơi sinh: Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 19 ngõ 23, phố Đỗ Quang, Tổ 14, P. Trung Hoà,
Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

Số CCCD: 030059002494 Ngày cấp: 25/04/2021 Nơi cấp: Cục
Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự XH.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, sau khi được
đề cử vào vị trí Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt
điện Phả Lại:

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để tham gia ứng cử vào vị trí
Thành viên Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ
công ty và Quy chế bầu cử Thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung
văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của
Điều lệ công ty và Quy chế bầu cử Thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Đại
hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả
Lại.

Trân trọng./.

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2024

ỨNG CỬ VIÊN

(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Thanh

Số: 2528/TTr-PPC

Hải Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung
Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐQT ngày 20/5/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại ĐHCĐ thường niên năm 2024, như sau:

1. Miễn nhiệm Kiểm soát viên

Miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đối với ông Ngô Nguyên Đồng (Đơn từ nhiệm của ông Ngô Nguyên Đồng gửi kèm theo).

2. Bầu bổ sung Kiểm soát viên

Bầu bổ sung ông Cao Xuân Khương, Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính EVNGENCO2, ứng cử chức danh Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (nhiệm kỳ 05 năm), làm việc theo chế độ chuyên trách.

(Sơ yếu lý lịch, bản cam kết của ông Cao Xuân Khương gửi kèm theo).

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCLĐ, HĐQT.



Mai Quốc Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN TỪ NHIỆM
CHỨC DANH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (“ĐHĐCĐ”)

Tôi tên: NGÔ NGUYỄN ĐỒNG - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (“PPC”).

Tôi viết đơn này xin từ nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát PPC, cụ thể như sau: tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24/4/2021, tôi được bầu vào vị trí Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 05 năm, từ năm 2021 - 2026. Ngày 16/8/2021, tôi được Hội đồng quản trị Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần đề cử tham gia ứng cử chức danh Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách tại PPC và là Trưởng Ban Kiểm soát PPC từ ngày 01/10/2021 - 30/11/2023. Từ ngày 01/12/2023 - hiện tại là Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách tại PPC. Trong thời gian công tác, tôi đã luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao để phục vụ cho lợi ích hợp pháp của các tất cả các cổ đông. Hiện tại, vì lý do cá nhân nên tôi không thuận tiện là Thành viên Ban Kiểm soát tại PPC được nữa. Vì vậy, tôi viết đơn này trình ĐHĐCĐ đồng ý cho tôi từ nhiệm vị trí Thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/6/2024 và làm các thủ tục theo quy định để xin ý kiến phê duyệt chính thức tại ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, chấp thuận.

Trân trọng./.

Hải Dương, ngày 16 tháng 5 năm 2024

Người viết đơn



Ngô Nguyễn Đồng



1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa): **CAO XUÂN KHUÔNG**

2) Tên gọi khác:

3) Sinh ngày: **20/11/1977**, Giới tính (nam, nữ): **Nam**

4) Nơi sinh: **Diễn Hoa - Diễn Châu - Nghệ An**

5) Quê quán: **Diễn Hoa - Diễn Châu - Nghệ An**

6) Dân tộc: **Kinh**, 7) Tôn giáo: **Không**

8) Nơi đăng ký bộ khẩu thường trú: **Diễn Hoa - Diễn Châu - Nghệ An, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An**

9) Nơi ở hiện nay: **Diễn Hoa - Diễn Châu - Nghệ An, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An**

10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng: **Kinh tế**

11) Ngày tuyển dụng: **01/08/2001**, Cơ quan tuyển dụng: **Công ty Xây dựng Thủy lợi I Nghệ An**

12) Chức vụ (chức danh) hiện tại: **Kiểm soát viên chuyên trách**

(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)

13) Công việc chính được giao: **Kiểm soát viên chuyên trách**

14) Ngạch công chức (viên chức): **Kiểm soát viên chuyên trách - Công ty cấp 1**, Mã ngạch: **.B.17-02.03**

Bậc lương: **2/2**, Hệ số: **6,31**, Ngày hưởng: **01/01/2022**.

Phụ cấp chức vụ:....., Phụ cấp khác:

15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào): **12/12**

15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất: **Cử nhân kế toán**

15.3- Lý luận chính trị: **Sơ cấp** 15.4- Quản lý nhà nước: **Không**

15.5- Ngoại ngữ: **C** , 15.6- Tin học: **B**

16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: **14/09/2005**, Ngày chính thức: **14/09/2006**

17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:

(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,..... và làm việc gì trong tổ chức đó)

18) Ngày nhập ngũ: . Ngày xuất ngũ: **Quân hàm cao nhất:**

19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất: **Chiến sỹ thi đua cấp Tập đoàn**

20) Sở trường công tác: **Ngành Điện.**

- 21) Khen thưởng: Năm 2020, 348/QĐ-EVNGENCO 2: Lao động tiên tiến (Về việc công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” và mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho CBCNV cơ quan Tổng công ty Phát điện 2 năm 2020)
 Năm 2017, 574/QĐ-GENCO2 : Lao động tiên tiến (Lao động tiên tiến)
 Năm 2016, 291/QĐ-TĐTS-P1: Lao động tiên tiến
 Năm 2015, 264/QĐ-TĐTS-P1: Lao động tiên tiến
 Năm 2014, 322/QĐ-TĐTS-P1: Lao động tiên tiến
 Năm 2013, 336/QĐ-TĐTS-P1: Chiến sĩ Thi Đua Cơ sở
 Năm 2013, 335/QĐ-TĐTS-P1: Lao động tiên tiến
 Năm 2013, 337/QĐ-TĐTS-P1: Giấy khen cấp đơn vị cơ sở
 Năm 2012, 09/QĐ-TĐTS: Lao động tiên tiến
 Năm 2011, 115/QĐ-TĐTS: Lao động tiên tiến
 Năm 2010, 18/QĐ-TĐTS: Lao động tiên tiến
 Năm 2010, 1340/QĐ-EVN: Chiến sĩ thi đua cấp Tập đoàn (Thành tích xuất sắc tiêu biểu năm 2010)
 Năm 2009: Khen khác (Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm 2009 do Đoàn khối cơ quan dân chính Đảng tỉnh Thanh Hóa tặng)
 Năm 2009, 82/QĐ-TĐTS: Lao động tiên tiến
 Năm 2008, 16/QĐ-TĐTS: Lao động tiên tiến
 Năm 2022: Kỷ niệm chương vì sự phát triển ngành điện
 Năm 2023: Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 6 tháng đầu năm.
 . 22) Kỷ luật: Không

23) Tình trạng sức khỏe: Bình thường.

24) Là thương binh hạng: Không
 Là con gia đình chính sách:
 Không

25) Số chứng minh nhân dân/CCCD: 040077022914 Ngày cấp: 12/09/2022

26) Số sổ BHXH: 2903003025

27) Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm - đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
Khối chuyên Toán ĐH sư phạm Vinh	PTTH	Năm 1993 – Năm 1996		
Đại học Thủy lợi Hà Nội	Kỹ sư kinh tế	Năm 1996 - Năm 2001	Chính quy	Kỹ sư, Đại học
Đại học Thái nguyên	Tài chính kế toán	Năm 2015 – Năm 2018	Từ xa	Cử nhân, Đại học
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng	Năm 2000		

Ghi chú: Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng / Văn bằng: TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư

28) Tóm tắt quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, Đoàn thể)
Năm 2001 đến năm 2007	Chuyên viên, Phó trưởng phòng Tài vụ - Công ty xây dựng thủy lợi I Nghệ An.
Năm 2007 đến năm 2014	Chuyên viên, Phó trưởng phòng Tài chính kế toán- công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn (TSHPCo).
Năm 2014 đến năm 2015	Phụ trách phòng Kế hoạch công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn (TSHPCo).
Năm 2016 đến năm 2018	Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Tài chính kế toán- công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn (TSHPCo).
Từ năm 2018 đến nay	Kiểm soát viên chuyên trách công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn (TSHPCo).

29) Đặc điểm lịch sử bản thân:

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc): Không

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu?): Không

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ)?

Không

30) Quan hệ gia đình

a) Về bản thân:

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)
Bố	Cao Xuân Thương	1947	Quê quán: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An, Nghề nghiệp: Cán bộ

h

			lâm nghiệp đã nghỉ hưu, Nơi ở: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An Đảng viên,
Mẹ	Cao Thị Hai	1952	Quê quán: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An. Nghề nghiệp: Nội trợ. Nơi ở: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An
Vợ	Ngô Thị Dung	1980	Quê quán: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An Nghề nghiệp: Giáo viên Trường THPT Diễn Châu 3, Diễn Châu, Nghệ An Nơi ở: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An
Con trai	Cao Xuân Chính	2006	Học sinh trường THPT Diễn Châu 3, Nghệ An Nơi ở: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An
Em trai	Cao Xuân Tuấn	1983	Quê quán: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An Nghề nghiệp: Kỹ sư cơ khí. Nơi ở: Chung cư Kim Sơn, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Em gái	Cao Thị Thảo	1979	Quê quán: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An Nghề nghiệp: Giáo viên Trường THPT Diễn Châu 5, Diễn Châu, Nghệ An, Đảng viên Nơi ở: Diễn Lộc, Diễn Châu, Nghệ An

b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức
-------------	-----------	----------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

			chính trị - xã hội)
Bố vợ	Ngô Trí Đông	1950	Quê quán: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An Nghề nghiệp: Giáo viên đã về hưu, Đảng viên, Nơi ở: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An
Mẹ vợ	Tăng Thị Hiếu	1955	Quê quán: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An Nghề nghiệp: Nội trợ, Diễn Châu, Nghệ An Nơi ở: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An
Chị gái vợ	Ngô Thị Thúy	1978	Quê quán: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An Nghề nghiệp: Giáo viên Trường THPT Diễn Châu 3, Diễn Châu, Nghệ An Nơi ở: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An
Em gái vợ	Ngô Thị Linh	1982	Quê quán: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An Nghề nghiệp: Giáo viên Tiếng Anh, Diễn Châu Nghệ An Nơi ở: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An
Em gái vợ	Ngô Thị Lê	1985	Quê quán: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An Nghề nghiệp: Giảng viên Điều khiển tự động Đại học SP Kỹ thuật Vinh, Nghệ An Nơi ở: Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An
Em trai vợ	Ngô Trí Đạt	1988	Quê quán: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An Nghề nghiệp: Lao động tự do, Diễn châu Nghệ An Nơi ở: Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An

VIỆN
N
A N

--	--	--	--

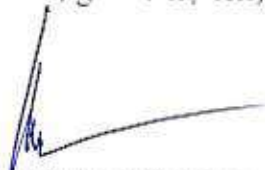
31) Diễn biến quá trình lương của cán bộ, công chức

Tháng/năm	01/01/2007	01/12/2007	01/01/2010	15/11/2014	20/09/2016	01/06/2018	01/01/2022
Mã ngạch/bậc	.B.19-03/3	.B.19-03/3	.B.19-03/4	.B.19-03/5	B6.3/6	.B.17-02.03/1	.B.17-02.03/1
Hệ số lương	2.96	2.96	3.27	3.58	4.235	5.98	6.31

32) Nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng cán bộ, công chức
 Đã được đánh giá qua các năm công tác: Đã đạt được danh hiệu Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua qua các năm công tác.

Hà Nội, Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người khai
 Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật
 (Ký tên, ghi rõ họ tên)


Cao Xuân Khương

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Vũ Xuân Dũng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT KHI THAM GIA THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Tên tôi là: Cao Xuân Khương

Ngày sinh: 20/11/1977; Nơi sinh: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An

Số CCCD: 040077022914 Ngày cấp: 12/09/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát

Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, sau khi được đề cử vào vị trí Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại:

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để tham gia ứng cử vào vị trí Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.


Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Trân trọng./.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2024

ỨNG CỬ VIÊN

(ký và ghi rõ họ tên)



Cao Xuân Khương

Số: 1797/TTr-PPC

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán. Chi tiết như sau:

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH kiểm toán Deloitte VN tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực đồng thời đã được Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại công bố trên sàn giao dịch chứng khoán theo quy định, bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023;
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- P.HCLĐ;
- Lưu: VT, TCKT.



Mai Quốc Long

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Km 28, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Quốc Long	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Xuân Diệm	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)
	Quyền Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2023)
Ông Đặng Kiên Quyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Km 28, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.


Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính .

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,




Nguyễn Hoàng Hải
Thành viên Hội đồng Quản trị/
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024



Số: 0899 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã nhận quyết định đình chỉ hoạt động trong vòng 12 tháng để sửa chữa nhà máy và khắc phục các hoạt động gây ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thực hiện các biện pháp khắc phục và tiếp tục hoạt động sản xuất theo kế hoạch huy động nguồn điện cho năm 2024. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khắc phục vi phạm môi trường. Những điều kiện này cùng với các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố khoản doanh thu thoái hoàn chưa ghi nhận trong năm 2022. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố được trình bày tại Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 17 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan tới việc Công ty chưa ghi nhận phần doanh thu thoái hoàn điện năng do sai số thiết bị đo đếm diễn ra từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 3 năm 2022 và việc chưa ghi nhận này là chưa phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2023-001-1

Nguyễn Tiến Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.929.235.432.033	2.733.701.578.913
I. Tiền	110	4	23.485.928.018	60.340.860.070
1. Tiền	111		23.485.928.018	60.340.860.070
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	100.000.000.000	90.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		100.000.000.000	90.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.978.018.472.289	2.027.343.592.383
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.865.525.132.235	1.826.693.015.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		871.011.437	15.003.728.977
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	-	188.166.866.953
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	114.643.633.137	501.285.735
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.021.304.520)	(3.021.304.520)
IV. Hàng tồn kho	140	10	709.143.601.882	496.386.074.503
1. Hàng tồn kho	141		778.129.235.840	571.413.642.382
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(68.985.633.958)	(75.027.567.879)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		118.587.429.844	59.631.051.957
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.422.500	313.508.015
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		83.659.169.535	29.668.782.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	34.893.837.809	29.648.761.289
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.848.682.496.961	2.891.831.275.904
I. Tài sản cố định	220		273.075.923.595	322.964.386.230
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	272.091.055.629	321.258.218.884
- Nguyên giá	222		13.610.174.993.192	13.598.474.100.423
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.338.083.937.563)	(13.277.215.881.539)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	984.867.966	1.706.167.346
- Nguyên giá	228		60.334.919.230	60.265.954.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.350.051.264)	(58.559.786.884)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.579.843.626	27.464.934.308
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	25.579.843.626	27.464.934.308
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	2.500.053.887.550	2.498.780.887.550
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.845.000.000)	(37.118.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		49.972.842.190	42.621.067.816
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	40.710.120.013	29.042.306.431
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		160.410.647	2.447.077.545
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	9.102.311.530	11.131.683.840
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.777.917.928.994	5.625.532.854.817

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		767.100.345.273	609.077.900.582
I. Nợ ngắn hạn	310		767.100.345.273	609.077.900.582
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	555.443.434.552	478.187.277.650
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		350.501.682	255.607.410
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	9.631.737.318	5.972.679.454
4. Phải trả người lao động	314		81.006.745.889	93.259.417.689
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.115.162.142	5.088.857.610
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	94.575.127.237	6.148.435.215
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	21.977.636.453	20.165.625.554
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.010.817.583.721	5.016.454.954.235
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	5.010.817.583.721	5.016.454.954.235
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.692.500.615	11.692.500.615
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		298.170.049.781	295.618.140.373
4. Cổ phiếu quỹ	415		(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		619.581.459.281	1.155.788.637.402
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		906.411.942.763	378.394.044.564
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		614.478.255.452	(93.056.724.764)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		291.933.687.311	471.450.769.328
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.777.917.928.994	5.625.532.854.817



Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Quyển Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc


Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng	01	23	5.813.760.220.061	5.265.601.632.028
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		5.813.760.220.061	5.265.601.632.028
3. Giá vốn hàng bán	11	24	5.777.306.693.477	4.892.916.201.756
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		36.453.526.584	372.685.430.272
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	464.407.804.783	295.252.599.448
6. Chi phí tài chính	22		(825.719.205)	2.622.681.836
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		419.922.537	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	116.842.404.736	119.483.288.880
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		384.844.645.836	545.832.059.004
9. Thu nhập khác	31		2.117.170.506	1.376.039.787
10. Chi phí khác	32		4.572.872.283	765.107.743
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.455.701.777)	610.932.044
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		382.388.944.059	546.442.991.048
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	2.286.666.898	58.992.221.720
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		380.102.277.161	487.450.769.328
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.186	1.342



Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu





Đinh Thị Diễm Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

KII DE VI //

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	382.388.944.059	546.442.991.048
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	61.056.658.556	61.537.659.772
Các khoản dự phòng	03	(18.280.772.058)	(11.824.543.244)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(464.407.804.783)	(295.252.599.448)
Chi phí lãi vay	06	419.922.537	-
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(38.823.051.689)	300.903.508.128
Thay đổi các khoản phải thu	09	(90.652.566.669)	(1.395.008.049.565)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(193.720.383.011)	19.458.608.892
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	76.228.912.581	39.861.718.540
Thay đổi chi phí trả trước	12	(11.388.728.067)	4.100.029.904
Tiền lãi vay đã trả	14	(419.922.537)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.245.076.520)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	46.820.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(39.086.938.221)	(46.872.606.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(303.060.934.133)	(1.077.556.790.641)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.169.057.635)	(75.113.868.613)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(250.000.000.000)	(90.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	428.166.866.953	615.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	356.983.161.191	305.679.599.448
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	522.980.970.509	755.565.730.835

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(256.774.968.428)	(144.214.397.613)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(256.774.968.428)</i>	<i>(144.214.397.613)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(36.854.932.052)	(466.205.457.419)
Tiền đầu năm	60	60.340.860.070	526.546.317.489
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	<u>23.485.928.018</u>	<u>60.340.860.070</u>



Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26 tháng 01 năm 2006, sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023.

Ngày 26 tháng 01 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 01 năm 2007, với mã chứng khoán là PPC.

Chủ sở hữu của Công ty là Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO2).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 736 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 751 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình điện
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ- nhiệt điện
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác.

Một số số liệu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 33.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1 công ty liên kết) là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002, sửa đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 7 năm 2021. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của công ty đặt tại thôn Doan, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường - Bộ Công an đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và đình chỉ hoạt động Công ty trong vòng 12 tháng để sửa chữa nhà máy và khắc phục các hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Thời điểm bắt đầu đình chỉ hoạt động Công ty trong thời hạn 12 tháng là từ ngày Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") giao nhiệm vụ, đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác cung ứng điện thay thế nguồn điện huy động Công ty. Hiện nay, Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục vi phạm về môi trường. Báo cáo tài chính được lập trên nguyên tắc hoạt động liên tục dựa trên các cơ sở như sau:

- Công ty đã được Bộ Công thương phê duyệt kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024 theo Quyết định số 3110/QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2023. Theo hợp đồng mua bán điện, Công ty đã có thỏa thuận bán điện đến năm 2031 đã ký với EVN.
- Công ty đang thực hiện công tác đại tu, sửa chữa các tổ máy để khắc phục các vấn đề gây ô nhiễm môi trường và đã có kế hoạch về phương án đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý khí thải đáp ứng tiêu chuẩn theo qui định tại Việt Nam và đảm bảo điều kiện tiếp tục hoạt động trong các năm tới, bao gồm:
 - Đối với các tổ máy của Dây chuyền 1, Công ty đã triển khai thực hiện đại tu các hệ thống lọc bụi của 7 lò hơi của dây chuyền 1 và dự kiến hoàn thành trong năm 2024, khắc phục một phần vi phạm về bụi khí thải.
 - Đối với các tổ máy của Dây chuyền 2, Công ty đang triển khai kế hoạch sửa chữa đại tu hệ thống khử lưu huỳnh oxit (SOx) trong năm 2024 và kế hoạch hoàn thành việc sửa chữa hệ thống khử khí ni tơ oxit (NOx) trong năm 2025.
 - Công ty cũng đã đề xuất các cơ quan thẩm quyền bổ sung dự án chuyển đổi sử dụng nhiên liệu than sang đốt kèm sinh khối, NH3 cho Dây chuyền 1 và Dây chuyền 2 vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

Tại ngày báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt các phương án đầu tư mới và cải tạo nâng cấp nhà máy để khắc phục hoàn toàn các vấn đề về môi trường. Việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục phụ thuộc vào sự phê duyệt các phương án này. Ban lãnh đạo

Công ty đánh giá và tin tưởng Công ty có đủ nguồn lực để thực hiện theo các phương án đã đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính :

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kì. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với khối sản xuất kinh doanh) và phương pháp thực tế đích danh (đối với khối xây dựng cơ bản).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 35
Máy móc, thiết bị	05 - 36
Phương tiện vận tải	10 - 17
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu bao gồm giá trị phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị phần mềm được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn theo thực tế phát sinh. Chi phí sửa chữa lớn này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí sửa chữa lớn của các công trình sửa chữa chưa hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối năm được theo dõi trên tài khoản Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn, giá trị các công cụ, dụng cụ, vật tư và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư thiết bị đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện), có xác nhận của khách hàng và giá bán điện đã được thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan tới khoản lỗ phát sinh trong năm do không chắc chắn về lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.412.264.198	80.316.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.073.663.820	60.260.544.062
	23.485.928.018	60.340.860.070

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương II với lãi suất 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4,5% - 6,1%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.862.937.205.202	1.819.784.462.129
Khác	2.587.927.033	6.908.553.109
	1.865.525.132.235	1.826.693.015.238
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	1.862.937.205.202	1.819.784.462.129

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Khoản cho vay ngắn hạn	-	188.166.866.953
	-	188.166.866.953

Trong năm, Công ty có các khoản cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần vay ngắn hạn với số tiền là 188.166.866.953 VND. Các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo và được hưởng lãi suất 6,5% - 6,7%/năm. Khoản cho vay đã được hoàn trả toàn bộ vào ngày đáo hạn (ngày 22 tháng 9 năm 2023).

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức được chia	107.452.068.250	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.447.553.000	180.966.000
Khác	4.744.011.887	320.319.735
	114.643.633.137	501.285.735
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	107.452.068.250	-

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm VND			Số đầu năm VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	3.021.304.520	-	Trên 3 năm	3.021.304.520	-	Trên 3 năm
	3.021.304.520	-		3.021.304.520	-	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		3.021.304.520		3.021.304.520		

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	776.104.612.968	(67.362.746.120)	569.304.330.548	(73.652.523.293)
Công cụ, dụng cụ	2.004.268.118	(1.622.887.838)	2.090.709.980	(1.375.044.586)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.354.754	-	18.601.854	-
	778.129.235.840	(68.985.633.958)	571.413.642.382	(75.027.567.879)

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	157.641.735.402	(148.539.423.872)	170.636.945.849	(159.505.262.009)
	157.641.735.402	(148.539.423.872)	170.636.945.849	(159.505.262.009)

Trong năm, Công ty không trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho (năm trước: 640.669.153 VND) và đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 17.007.772.058 VND (năm trước: 15.011.212.397 VND). Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập cho các mặt hàng đã được trích lập dự phòng từ các năm trước, năm nay được xuất vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Khác		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Số dư đầu năm	1.708.812.563.537	11.698.651.846.939	113.022.972.921	71.863.506.751	6.123.210.275	13.598.474.100.423					
Tăng trong năm	-	8.752.422.142	-	1.489.248.882	1.459.221.745	11.700.892.769					
Số dư cuối năm	1.708.812.563.537	11.707.404.269.081	113.022.972.921	73.352.755.633	7.582.432.020	13.610.174.993.192					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu năm	1.554.596.296.970	11.573.015.939.707	82.147.309.898	63.043.176.897	4.413.158.067	13.277.215.881.539					
Khấu hao trong năm	21.899.658.076	28.562.885.309	4.422.439.139	4.843.594.953	1.139.478.547	60.868.056.024					
Số dư cuối năm	1.576.495.955.046	11.601.578.825.016	86.569.749.037	67.886.771.850	5.552.636.614	13.338.083.937.563					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày đầu năm	154.216.266.567	125.635.907.232	30.875.663.023	8.820.329.854	1.710.052.208	321.258.218.884					
Tại ngày cuối năm	132.316.608.491	105.825.444.065	26.453.223.884	5.465.983.783	2.029.795.406	272.091.055.629					

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 12.731.334.148.940 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.704.703.215.495 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	2.851.052.598	60.265.954.230
Tăng trong năm	-	68.965.000	68.965.000
Số dư cuối năm	57.414.901.632	2.920.017.598	60.334.919.230
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	1.144.885.252	58.559.786.884
Khấu hao trong năm	-	790.264.380	790.264.380
Số dư cuối năm	57.414.901.632	1.935.149.632	59.350.051.264
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	1.706.167.346	1.706.167.346
Tại ngày cuối năm	-	984.867.966	984.867.966

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 58.210.431.632 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 57.573.181.632 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1	9.381.043.359	9.381.043.359
Chi phí quản lý dự án	5.550.278.491	5.550.278.491
Hệ thống khử khí NOx, SOx dây chuyền 2	3.893.580.616	3.893.580.616
Các công trình khác	6.754.941.160	8.640.031.842
	25.579.843.626	27.464.934.308

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dài hạn		
Vật tư thiết bị dài hạn xuất dùng	33.904.424.752	18.687.010.937
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	5.065.843.905	8.023.330.938
Công cụ, dụng cụ	1.533.640.687	1.729.398.986
Khác	206.210.669	602.565.570
	40.710.120.013	29.042.306.431

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	1.451.055.770.150	-	1.817.900.000.000	-
	1.451.055.770.150	-	1.817.900.000.000	-
			Giá gốc	Giá trị hợp lý
			1.451.055.770.150	1.688.050.000.000
			1.451.055.770.150	1.688.050.000.000

(i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động kinh doanh có lãi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

b. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	817.295.117.400	-	1.089.091.906.800	-
	100.000.000.000	-	266.955.105.200	-
	70.800.000.000	-	175.584.000.000	-
	50.250.000.000	-	126.614.925.000	-
	46.498.000.000	(35.845.000.000)	10.653.000.000	(37.118.000.000)
	1.084.843.117.400	(35.845.000.000)	1.668.898.937.000	(37.118.000.000)
			Giá gốc	Giá trị hợp lý
			1.084.843.117.400	1.534.173.170.500
			1.084.843.117.400	1.534.173.170.500

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 30.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT PHẢ LẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	Giá trị/	Giá trị/
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	267.463.239.174	321.585.505.848
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 Phả Lại	65.091.219.104	27.406.357.610
Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc Phòng	56.692.941.703	45.866.002.874
Viện Nghiên cứu Cơ khí	49.914.696.495	6.254.488.875
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	43.249.296.705	20.909.646.235
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	17.543.567.684	4.369.144.859
Khác	55.488.473.687	51.796.131.349
	<u>555.443.434.552</u>	<u>478.187.277.650</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp/</u>	<u>Số cuối năm</u>
	<u>(Trình bày lại)</u>	<u>trong năm</u>	<u>khấu trừ trong</u>	<u>VND</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>năm</u>	<u>VND</u>
			<u>VND</u>	
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	504.122.264.901	504.122.264.901	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	(29.648.761.289)	-	5.245.076.520	(34.893.837.809)
Thuế thu nhập cá nhân	925.942.729	12.115.855.081	9.914.362.787	3.127.435.023
Thuế tài nguyên	5.046.736.725	68.828.458.455	67.370.892.885	6.504.302.295
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	16.666.663.000	16.666.663.000	-
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	10.437.396.992	10.437.396.992	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.458.987.379	4.458.987.379	-
	<u>(23.676.081.835)</u>	<u>616.629.625.808</u>	<u>618.215.644.464</u>	<u>(25.262.100.491)</u>
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	29.648.761.289			34.893.837.809
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	5.972.679.454			9.631.737.318

- (i) Số dư phải thu thuế thu nhập doanh nghiệp đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố liên quan tới doanh thu thoái hoàn các năm trước (Thuyết minh số 33).

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức chưa chi trả	92.859.201.263	4.975.136.641
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.715.925.974	1.173.298.574
	94.575.127.237	6.148.435.215
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	45.757.771.400	-
	45.757.771.400	-

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	20.165.625.554	25.584.994.649
Tăng trong năm	41.500.610.968	42.055.529.410
Giảm trong năm	(39.688.600.069)	(47.474.898.505)
Sử dụng trong năm	(39.086.938.221)	(46.872.606.540)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm	(601.661.848)	(602.291.965)
Số dư cuối năm	21.977.636.453	20.165.625.554

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN ĐIỆN PHẢ LẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) VND	Tổng cộng VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>							
Số dư đầu năm	3.262.350.000.000	11.692.500.615	250.236.622.078	(87.388.368.719)	1.201.170.155.697	77.274.678.946	4.715.335.588.617
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	487.450.769.328	487.450.769.328
Sử dụng các quỹ	-	-	45.381.518.295	-	(45.381.518.295)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(42.055.529.410)	(42.055.529.410)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(144.275.874.300)	(144.275.874.300)
Số dư cuối năm	<u>3.262.350.000.000</u>	<u>11.692.500.615</u>	<u>295.618.140.373</u>	<u>(87.388.368.719)</u>	<u>1.155.788.637.402</u>	<u>378.394.044.564</u>	<u>5.016.454.954.235</u>
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>							
Số dư đầu năm	3.262.350.000.000	11.692.500.615	295.618.140.373	(87.388.368.719)	1.155.788.637.402	378.394.044.564	5.016.454.954.235
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	380.102.277.161	380.102.277.161
Trích Quỹ đầu tư, phát triển (i)	-	-	-	-	67.494.207.537	(67.494.207.537)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(41.080.614.625)	(41.080.614.625)
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (iv)	-	-	-	-	(601.149.476.250)	601.149.476.250	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022 (ii)	-	-	-	-	-	(256.490.443.200)	(256.490.443.200)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 (iii)	-	-	-	-	-	(88.168.589.850)	(88.168.589.850)
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	2.551.909.408	-	(2.551.909.408)	-	-
Số dư cuối năm	<u>3.262.350.000.000</u>	<u>11.692.500.615</u>	<u>298.170.049.781</u>	<u>(87.388.368.719)</u>	<u>619.581.459.281</u>	<u>906.411.942.763</u>	<u>5.010.817.583.721</u>

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24 tháng 5 năm 2023 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 với số tiền lần lượt là 57.080.614.625 VND và 67.494.207.537 VND. Đại hội đồng cổ đông này cũng thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2022 là 8% và dự kiến mức cổ tức năm 2023 là 5%.

- (i) Năm 2022, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm số tiền 16.000.000.000 VND. Trong năm 2023, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền còn lại đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- (ii) Ngày 25 tháng 9 năm 2023, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 207/NQ-HĐQT thực hiện chi trả cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền mặt tương ứng tỷ lệ chi trả cổ tức 4%. Thời gian đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức là ngày 18 tháng 10 năm 2023. Công ty đã chi trả cổ tức được chia với số tiền là 256.490.443.200 VND trong năm 2023.
- (iii) Ngày 11 tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 263/NQ-HĐQT thực hiện tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2023 bằng tiền mặt, tỷ lệ chi trả cổ tức 2,75%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền là ngày 27 tháng 12 năm 2023. Cổ tức được thanh toán ngày 04 tháng 3 năm 2024 (Thuyết minh số 34).
- (iv) Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết số 278/NQ-HĐQT thông qua phương án hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh số 34).

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	VND	%	Số lượng cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%
Công ty TNHH Năng lượng REE	77.396.260	773.962.600.000	24,14%	77.396.260	773.962.600.000	24,14%
Các cổ đông khác	76.824.898	768.248.980.000	23,96%	76.824.898	768.248.980.000	23,96%
	320.613.054	3.206.130.540.000	100%	320.613.054	3.206.130.540.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số cổ phiếu được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Số cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.206.130.540.000	320.613.054	3.206.130.540.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu từ Công ty TNHH Bê Tông Asean Hà Nội	150.190.114	150.190.114
	<u>150.190.114</u>	<u>150.190.114</u>

Tài sản thuê ngoài

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	24.380.051.060	24.380.051.060
Từ hai đến năm năm	97.520.204.240	97.520.204.240
Sau năm năm	674.514.745.993	698.894.797.053
	<u>796.415.001.293</u>	<u>820.795.052.353</u>

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động kinh doanh điện
- Hoạt động đầu tư

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận.

23. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu bán điện	5.795.976.518.762	5.251.724.371.266
Doanh thu khác	17.783.701.299	13.877.260.762
	5.813.760.220.061	5.265.601.632.028
Trong đó:	5.794.769.764.026	5.251.724.371.266
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)		

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	4.902.152.241.102	4.261.210.366.301
Chi phí nhân công	210.718.655.397	226.847.981.321
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	219.557.418.587	98.090.605.041
Chi phí khắc phục sự cố máy móc	137.157.981.058	-
Chi phí sửa chữa, bảo trì thường xuyên TSCĐ	101.942.144.819	95.406.692.566
Chi phí thuế, phí và lệ phí	85.495.121.455	79.527.429.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.056.078.855	57.463.007.662
Chi phí điện mua ngoài	42.438.249.467	40.899.139.635
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.007.772.058)	(14.370.543.244)
Khác	37.796.574.795	47.841.522.768
	5.777.306.693.477	4.892.916.201.756

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.902.152.241.102	4.261.210.366.301
Chi phí nhân công và nhân viên	262.138.239.852	276.939.858.784
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	458.657.544.464	193.497.297.607
Chi phí khấu hao và phân bổ	60.840.843.140	61.321.844.356
Chi phí thuế, phí và lệ phí	96.028.411.355	104.382.666.629
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.007.772.058)	(14.370.543.244)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.468.215.841	47.518.499.275
Chi phí khác	78.871.374.517	81.899.500.928
	5.894.149.098.213	5.012.399.490.636

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	19.734.645.934	28.266.415.538
<i>Trong đó: Lãi từ khoản cho Công ty mẹ vay</i>	<i>8.716.307.425</i>	<i>10.284.939.605</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)</i>		
Thu nhập từ cổ tức	444.673.158.849	266.986.183.910
	464.407.804.783	295.252.599.448

Thu nhập từ cổ tức chủ yếu phản ánh các khoản cổ tức được chia từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các công ty khác - các bên liên quan (Thuyết minh số 30).

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	51.419.584.455	50.091.877.463
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.784.764.285	3.858.836.694
Chi phí thuế, phí và lệ phí	10.533.289.900	24.855.236.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.791.296.131	5.141.317.072
Chi phí khác	43.313.469.965	35.536.020.728
	116.842.404.736	119.483.288.880

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.189.362.113	-
Điều chỉnh giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.097.304.785	1.944.631.390
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	57.047.590.330
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.286.666.898	58.992.221.720

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	382.388.944.059	546.442.991.048
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(444.673.158.849)</i>	<i>(266.986.183.910)</i>
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho</i>	<i>(4.474.774.825)</i>	<i>(7.468.567.883)</i>
<i>Trừ: Thu nhập phạt hợp đồng đã tính thuế các năm trước ghi nhận trên giá trị hàng tồn kho xuất trong năm 2023</i>	<i>(358.038.033)</i>	<i>(274.460.020)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>18.030.040.803</i>	<i>23.123.547.358</i>
<i>Cộng: Thu nhập phạt hợp đồng ghi nhận trên giá trị hàng tồn kho</i>	<i>286.774.947</i>	<i>80.687.668</i>
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>-</i>	<i>(294.918.014.261)</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(48.800.211.898)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	380.102.277.161	487.450.769.328
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(57.080.614.625)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	380.102.277.161	430.370.154.703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	320.613.054	320.613.054
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.186	1.342

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào các quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐQT của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24 tháng 5 năm 2023, cụ thể như sau:

	Năm trước (Số liệu đã báo cáo)	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	497.202.717.339	487.450.769.328
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(57.080.614.625)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	497.202.717.339	430.370.154.703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	320.613.054	320.613.054
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.551	1.342


 CÔNG TY CỔ PHẦN
 NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 KIỂM TOÁN VIÊN
 NGUYỄN VĂN GIANG

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Mua bán điện	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Bán điện		
Công ty Mua bán điện	5.794.769.764.026	5.251.724.371.266
	5.794.769.764.026	5.251.724.371.266
Mua hàng		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	42.438.249.467	40.899.139.635
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	305.769.147	2.064.557.823
	42.744.018.614	42.963.697.458
Thu nhập lãi cho vay		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	8.716.307.425	10.284.939.605
	8.716.307.425	10.284.939.605
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	179.842.250.000	103.880.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	220.761.873.000	117.739.665.600
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	18.408.000.000	25.488.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	9.830.281.749	7.561.861.310
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	1.125.600.000	1.005.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	14.705.154.100	11.311.657.000
	444.673.158.849	266.986.183.910
Chia cổ tức		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	45.759.498.132	74.876.353.200
	45.759.498.132	74.876.353.200
Thu hồi khoản cho vay		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	188.166.866.953	-
	188.166.866.953	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Mua bán điện	1.862.937.205.202	1.819.784.462.129
	1.862.937.205.202	1.819.784.462.129
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	51.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	55.190.468.250	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	321.600.000	-
	107.452.068.250	-
Phải thu từ cho vay		
Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần	-	188.166.866.953
	-	188.166.866.953
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần	45.757.771.400	-
	45.757.771.400	-

Thu nhập của người quản lý chuyên trách

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, (Quyền) Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị	1.093.863.900	856.288.560
Ông Nguyễn Xuân Điện	424.254.000	288.276.080
Ông Mai Quốc Long	300.981.000	-
Ông Nguyễn Quang Quyền	74.388.000	110.400.000
Ông Lê Tuấn Hải	74.388.000	110.400.000
Ông Vũ Xuân Dũng	219.852.900	-
Ông Nguyễn Văn Thủy	-	347.212.480
Thu nhập của Ban Giám đốc, (Quyền) Kế toán trưởng	1.420.523.200	1.899.932.440
Ông Nguyễn Hoàng Hải	332.135.000	336.747.000
Thành viên khác Ban Giám đốc	750.632.000	1.005.442.540
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh - Quyền Kế toán trưởng	337.756.200	162.758.900
Ông Lê Thế Sơn - Kế toán trưởng	-	394.984.000
Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát	589.207.000	231.475.300
Trưởng Ban Kiểm soát	440.431.000	171.475.300
Thành viên khác	148.776.000	60.000.000

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT THUÊ

Cam kết thuê chủ yếu phản ánh hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như đã trình bày ở Thuyết minh số 21.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Cổ đông trong năm không bao gồm 694.008.677.513 VND (năm trước: 0 VND), là số tiền cổ tức được chia cho các cổ đông theo các quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng Quản trị mà chưa thực hiện chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

33. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh liên quan tới phần doanh thu thoái hoàn do sai số một số thiết bị đo đếm của nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 1 từ năm 2018 đến năm 2022 và chưa được ghi nhận trong năm 2022. Ảnh hưởng việc điều chỉnh hồi tố này như sau:

Thay đổi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số điều chỉnh	Số đầu năm
		(Số liệu đã báo cáo)		(Trình bày lại)
		VND	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	2.889.884.078.075	(156.182.499.162)	2.733.701.578.913
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.213.174.852.834	(185.831.260.451)	2.027.343.592.383
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.012.524.275.689	(185.831.260.451)	1.826.693.015.238
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	29.982.290.668	29.648.761.289	59.631.051.957
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	29.648.761.289	29.648.761.289
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.889.558.861.623	2.272.414.281	2.891.831.275.904
IV. Tài sản dài hạn khác	260	40.348.653.535	2.272.414.281	42.621.067.816
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	174.663.264	2.272.414.281	2.447.077.545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	5.779.442.939.698	(153.910.084.881)	5.625.532.854.817
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	614.322.977.102	(5.245.076.520)	609.077.900.582
I. Nợ ngắn hạn	310	614.322.977.102	(5.245.076.520)	609.077.900.582
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11.217.755.974	(5.245.076.520)	5.972.679.454
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.165.119.962.596	(148.665.008.361)	5.016.454.954.235
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.165.119.962.596	(148.665.008.361)	5.016.454.954.235
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a	45.856.335.586	(138.913.060.350)	(93.056.724.764)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	481.202.717.339	(9.751.948.011)	471.450.769.328
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	5.779.442.939.698	(153.910.084.881)	5.625.532.854.817

Thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước	Số điều chỉnh	Năm trước
		(Số liệu đã báo cáo)	VND	(Trình bày lại)
		VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng	01	5.277.791.567.042	(12.189.935.014)	5.265.601.632.028
2. Doanh thu thuần về bán hàng	10	5.277.791.567.042	(12.189.935.014)	5.265.601.632.028
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	558.632.926.062	(12.189.935.014)	546.442.991.048
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15.506.098.359	(15.506.098.359)	-
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	45.924.110.364	13.068.111.356	58.992.221.720
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	497.202.717.339	(9.751.948.011)	487.450.769.328

Thay đổi trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước	Số điều chỉnh	Năm trước
		(Số liệu đã báo cáo)	VND	(Trình bày lại)
		VND	VND	VND
1. Lợi nhuận trước thuế	01	558.632.926.062	(12.189.935.014)	546.442.991.048
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	313.093.443.142	(12.189.935.014)	300.903.508.128
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.407.197.984.579)	12.189.935.014	(1.395.008.049.565)

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Trong năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền với tỷ lệ tạm ứng lần lượt là 5,52% (01 cổ phần nhận 552 VND) và 2,86% (01 cổ phần nhận 286 VND) với thời gian đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền trong tháng 01 năm 2024 và cổ tức dự kiến được thanh toán năm 2024. Công ty ghi nhận thu nhập từ cổ tức của các công ty này tại thời điểm chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức trong năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 29 tháng 12 năm 2023 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 (Thuyết minh số 20), hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển. Tỷ lệ tạm ứng cổ tức từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển là 18,75% (1 cổ phần nhận 1.875 VND), thời gian đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức là ngày 22 tháng 01 năm 2024 và cổ tức dự kiến được thanh toán ngày 28 tháng 6 năm 2024. Công ty ghi nhận cổ tức từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển phải trả cho các cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức trong năm 2024.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức lần 1 từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết số 263/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2023 với số tiền 87.724.553.918 VND.

Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Quản lý Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023
và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Tờ trình số 2505/TTr-PPC ngày 20/05/2024 của Tổng Giám đốc Công ty về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐQT ngày 20/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng Quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (có tài liệu đính kèm).

Đồng thời, để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện liên tục, ĐHCĐ giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện và quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ năm 2024 thông qua hoặc các vấn đề, nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD của năm 2025 và phải báo cáo ĐHCĐ ở kỳ họp gần nhất.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên,
 - Lưu: VT, HĐQT; HCLĐ.
- Đính kèm:
- Tờ trình số 2505/TTr-PPC
ngày 20/05/2024



Mai Quốc Long

THUYẾT MINH CHUNG

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Kết quả sản xuất năm 2023

a) Sản xuất điện

Sản lượng điện sản xuất là: 3.525,40 triệu kWh đạt 90,53% KH năm. Trong đó: Dây chuyền 1 là: 663,71 triệu kWh đạt 118,98% KH năm, dây chuyền 2 là: 2.861,69 triệu kWh đạt 85,77% KH năm.

Sản lượng điện thương phẩm là: 3.188,32 triệu kWh đạt 90,26% KH năm. Trong đó: Dây chuyền 1 là: 560,67 triệu kWh đạt 112,97% KH năm, dây chuyền 2 là: 2.627,64 triệu kWh đạt 86,55% KH năm.

b) Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

- Tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất toàn Công ty: 10,25%
- Tỷ lệ dừng máy sự cố: 6,73%
- Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng: 32,53%
- Hệ số khả dụng: 60,74%
- Suất sự cố: 2,25
- Suất hao nhiệt tinh: Dây chuyền 1: 17.895 kJ/kWh; Dây chuyền 2: 11.283 kJ/kWh

Phương thức vận hành

Công tác đăng ký phương thức kịp thời, phù hợp với tình hình vận hành thực tế của các tổ máy.

Việc xác nhận các sự kiện với đơn vị vận hành hệ thống điện đúng theo quy định.

2. Công tác sửa chữa

+ Sửa chữa lớn

Năm 2023 Công ty đã đại tu sửa chữa lớn được tổ máy S2 nhưng do hệ thống lọc bụi không được thay thế nên tổ máy S2 chưa đưa vào khả dụng. Công ty đã triển khai các gói thầu thay thế các lọc bụi lò hơi dây chuyền 1 hiện tại đã thay xong lọc bụi lò hơi 4A và 4B, 05 lò hơi còn lại sẽ triển khai xong trước tháng 5/2024. Kế hoạch của Công ty thực hiện sửa chữa lớn đại tu tổ máy S3, S4 tuy nhiên do các yếu tố khách quan đem lại và do cân đối chi phí sản xuất kinh doanh nên đã chuyển đại tu tổ máy S3, S4 sang năm 2024.

Năm 2023 công tác sửa chữa Dây chuyền 2 đạt được thành công lớn khi tổ máy S6 sau sửa chữa các thông số trong giới hạn cho phép của nhà sản xuất đặc biệt với sự cố gắng nỗ lực rất lớn của Công ty và các nhà thầu tổ máy S6 sau nhiều năm đã đạt được khả dụng công suất định mức 300MW mang lại lợi ích lớn cho PPC.

Giá trị sửa chữa lớn năm 2023 là: 219,56 tỷ đồng.

Một số danh mục công trình trong Kế hoạch năm 2023 chưa thực hiện kịp, Công ty đề nghị chuyển tiếp sang năm 2024.

+ Công tác sửa chữa thường xuyên

Tuyệt đối tuân thủ các quy định bảo dưỡng thiết bị định kỳ theo nhà chế tạo, kết hợp tình trạng thực tế trong vận hành.

Trong năm, công tác sửa chữa thường xuyên được quan tâm hơn những năm trước. Căn cứ vào phương thức điều độ của A0, Công ty phân đầu đưa được thiết bị ra duy tu bảo dưỡng tốt, phục vụ kịp thời phương thức vận hành.

4. Chi phí và giá thành sản xuất điện

Năm 2023, chi phí phục vụ sản xuất điện là 5.894,15 tỷ VNĐ, giá thành đơn vị tính theo sản lượng điện bán là 1.849,85 đ/kWh.

5. Công tác mua sắm, đầu tư tài sản cố định

Kế hoạch mua sắm, đầu tư tài sản cố định năm 2023 là: 337,67 tỷ đồng

Giá trị mua sắm, đầu tư tài sản cố định năm 2023 là: 2,02 tỷ đồng.

Một số danh mục công trình trong Kế hoạch năm 2023 chưa thực hiện kịp, Công ty đề nghị chuyển tiếp một số danh mục sang năm 2024.

6. Lao động tiền lương

Thực hiện năm 2023

Lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2022 là 731 người.

- NSLĐ/sản lượng điện sản xuất: 4,82 Tr.kWh/người

- NSLĐ/công suất đặt: 0,70 Người/MW.

7. Doanh thu và lợi nhuận

Thực hiện năm 2023 kết quả tổng doanh thu, chi phí và lợi nhuận đạt được như sau:

Tổng doanh thu	: 6.280,29 tỷ đồng.
Tổng chi phí	: 5.897,90 tỷ đồng.
Tổng lợi nhuận trước thuế	: 382,39 tỷ đồng.

II. KẾ HOẠCH NĂM 2024

Nhận định, đánh giá bối cảnh tình hình chung

Năm 2024 là năm cực kỳ khó khăn khi Công ty phải triển khai các nhiệm vụ lớn, có tính sống còn (i) Khắc phục vi phạm môi trường theo kết luận của C05; (ii) Khôi phục lại năng lực sản xuất của DC1 nhằm đáp ứng yêu cầu của hệ thống điện miền Bắc theo chỉ đạo của Bộ Công thương, EVN; (iii) Lập và thực hiện các đề án chuyển đổi nhiên liệu theo chỉ đạo của Chính phủ tại quyết định phê duyệt quy hoạch điện VIII.

Trên cơ sở đó, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu trong KHSXKD năm 2024, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh điện

1.1. Kế hoạch sản xuất

Năm 2024, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại dự kiến

- Điện năng sản xuất : 5.262,00 triệu kWh.

Trong đó: + Dây chuyền 1 : 1.476,00 triệu kWh

	+ Dây chuyên 2	: 3.786,00 triệu kWh
- Điện năng bán cho EVN		: 4.758,90 triệu kWh.
Trong đó:	+ Dây chuyên 1	: 1.313,64 triệu kWh
	+ Dây chuyên 2	: 3.445,26 triệu kWh
- Suất tiêu hao nhiệt tinh		
Trong đó:	+ Dây chuyên 1	: 14.649 kJ/kWh
	+ Dây chuyên 2	: 11.019 kJ/kWh
- Tỷ lệ điện tự dùng (bao gồm cả tổn thất):		9,44 %
Trong đó:	+ Dây chuyên 1	: 11,00 %
	+ Dây chuyên 2	: 8,83 %
- Hệ số khả dụng:		79,71%
- Suất sự cố:		
Trong đó:	+ Dây chuyên 1	: 1,33
	+ Dây chuyên 2	: 1,00
- Hệ số đáp ứng:		
Trong đó:	+ Dây chuyên 1	: 92,38 %
	+ Dây chuyên 2	: 94,87 %

2. Kế hoạch sửa chữa lớn : 487,85 tỷ VNĐ

Hiện tại, Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại dự kiến giá trị sửa chữa lớn năm 2024 là 487,85 tỷ đồng (đã bao gồm triết giảm).

3. Kế hoạch mua sắm, đầu tư tài sản cố định : 18,51 tỷ đồng

4. Kế hoạch nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến kỹ thuật: 0,4 tỷ đồng.

5. Kế hoạch đào tạo

Tổng chi phí đào tạo là 4.091,7 triệu đồng;

- Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tối ưu hóa chi phí; cập nhật đầy đủ thông tin đào tạo trên phần mềm HRMS;

- Đào tạo nhân lực chất lượng cao (đào tạo cán bộ quản lý, chuyên gia, ứng viên chuyên gia, các chương trình đào tạo chuyên sâu đáp ứng yêu cầu công việc);

- Đảm bảo 100% công nhân viên trực tiếp sản xuất được đào tạo, bồi dưỡng, sát hạch hàng năm, đảm bảo đủ năng lực tham gia sản xuất; sử dụng tối đa các công cụ đào tạo trực tuyến, khuyến khích tinh thần chủ động học tập của CBCNV;

- Tăng cường sử dụng E-learning và tiết giảm các chương trình đào tạo tập trung thuê ngoài; rà soát loại bỏ các bài giảng E-learning không còn phù hợp, không đảm bảo chất lượng, nâng cao chất lượng các bài giảng E-learning đang sử dụng và hệ thống ngân hàng câu hỏi sát hạch, thi nâng bậc giữ bậc trên E-learning đảm bảo phù hợp với từng vị trí chức danh; xây dựng tối thiểu 01 bài giảng Elearning, 01 bài học microlearning theo chỉ tiêu, yêu cầu chung của Tổng công ty; chủ động triển khai, đảm bảo số lượt đào tạo trực tuyến qua hệ thống E-learning bình quân đạt tối thiểu 15 lượt học/CBCNV/năm; tăng cường triển khai thực hiện xây dựng bài giảng, rà soát chuẩn

hóa tài liệu dùng cho đào tạo, bồi huấn, triển khai và tổ chức các kỳ thi, kiểm tra sát hạch nghề trên E-learning;

- Phát động phong trào học tập chủ động, khai thác hệ thống E-learning và các nguồn học liệu mở, tăng cường chia sẻ kiến thức nội bộ. Tiếp tục đào tạo và cấp chứng nhận cho toàn bộ đội ngũ giảng viên nội bộ các cấp. Huy động tối đa năng lực của GVNB trong đào tạo và đào tạo lại của đơn vị, tăng cường chia sẻ kiến thức trong nội bộ;

- Phối hợp/Thực hiện các chương trình đào tạo theo chỉ đạo của Tổng công ty.

6. Kế hoạch giường điều dưỡng, PHCN lao động

- Chỉ tiêu giường điều dưỡng, PHCN lao động: 05 giường.

- Kinh phí: thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 văn bản số 6769/EVNTCNS+TCKT ngày 28/11/2022 của EVN.

- Đối tượng nghỉ điều dưỡng, PHCN lao động: người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc người lao động có sức khỏe loại 4 hoặc loại 5.

- Tổ chức thực hiện chỉ tiêu giường điều dưỡng, PHCN lao động: thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 văn bản số 6769/EVN-TCNS+TCKT ngày 28/11/2022 của EVN.

7. Kế hoạch lao động tiền lương

* Lao động thực tế sử dụng bình quân : 728 người

* Lương và BHYT,KPCĐ,BHTN,BHXH : 298,30 tỷ VNĐ

- NSLĐ/sản lượng điện sản xuất: 7,23 Tr.kWh/người

- NSLĐ/công suất đặt: 0,70 Người/MW.

8. Tổng doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu : 8.755,60 tỷ VNĐ

- Chi phí : 8.328,35 tỷ VNĐ

- Lợi nhuận trước thuế : 427,25 tỷ VNĐ

10. Cổ tức: dự kiến 6% vốn điều lệ